**BẢN TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

**VỀ DỰ THẢO LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG (SỬA ĐỔI)**

*(Kèm theo Tờ trình số ……/TTr-NHNN ngày ……/……/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐIỀU** | **ĐƠN VỊ GÓP Ý** | **NỘI DUNG Ý KIẾN** | **Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO** |
| **I** | **Ý KIẾN CỤ THỂ ĐỐI VỚI DỰ THẢO LUẬT** | | | |
|  | **Điều 1** | Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMi | Đề nghị bổ sung cụm từ "hoạt động ngân hàng" sử dụng dấu ";" thay vì dấu "'," như được tô đậm. Để đảm bảo rõ ràng rằng Luật CTCTD quy định 04 phạm vi điều chỉnh gồm:  (i)hoạt động ngân hàng;  (ii) việc thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng;  (ii) việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;  (iiii) việc xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng.  Quy định như hiện tại là đang liệt kê thiếu phạm vi điều chỉnh về các nghiệp vụ của ngành ngân hàng. Cách sử dụng dấu "," như hiện tại có thể gây hiểu lầm rằng Luật chỉ điều chỉnh hoạt động “xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng.” của tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng. | Nội dung bổ sung “hoạt động ngân hàng” là không cần thiết bởi quy định “hoạt động” của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của TCTD nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng là bao gồm cả hoạt động ngân hàng và hoạt động khác.  Nội dung khác: Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
|  | **Điều 2** | Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMi | **Khoản 4:**  Đề nghị sửa lại khoản 4 như sau:  *“4. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến:*  *(a) hoạt động ngân hàng*  *(b) việc thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng;*  *(c) việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;*  *(d) việc xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng.”* | Nội dung bổ sung “hoạt động ngân hàng” là không cần thiết bởi quy định “hoạt động” của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của TCTD nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng là bao gồm cả hoạt động ngân hàng và hoạt động khác.  Nội dung khác: Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
|  | **Điều 3** | Vietcombank | **- Khoản 2:** Nội dung *“phong tỏa vốn”* đang được quy định tại Điều 157 và chỉ áp dụng cho chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Đề nghị xem xét việc dự thảo nêu *“phong tỏa vốn của tổ chức tín dụng”* có được hiểu là *“phong tỏa vốn của chi nhánh nước ngoài”* tại Điều 157 hay không. Nếu không, cần quy định rõ để thống nhất cách hiểu và áp dụng luật. | Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
|  | **Điều 4** | VIB | - Khoản 4: Điều 129 đang hạn chế mức góp vốn, mua cổ phần của một NHTM trong một số lĩnh vực cụ thể không được vượt quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn góp; tuy nhiên Điều 103.2 lại cho phép thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết ở các lĩnh vực này (tức là cho phép nắm giữ trên 50% vốn điều lệ).  Điều 4.24 cũng giải thích việc góp vốn, mua cổ phần là bao gồm cả việc cấp vốn, góp vốn vào công ty con.  => Theo đó, các quy định nêu trên dẫn đến việc vừa tồn tại quy định giới hạn góp vốn, mua cổ phần ở mức 11%; vừa đồng thời cho phép sở hữu trên 50% vốn điều lệ là chưa hợp lý và gây vướng mắc trong việc áp dụng trên thực tế.  Đề nghị NHNN xem xét giải thích rõ hoặc điều chỉnh làm rõ cho các quy định nêu trên. | Quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 102 dự thảo Luật có phạm vi khác nhau:  Khoản 3 quy định về việc ngân hàng thương mại thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết.  Khoản 4 quy định về hoạt động góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp.  Trong trường hợp khoản 4 mới yêu cầu đáp ứng tỷ lệ không vượt quá 11% và không phải xin chấp thuận của NHNN. |
| BIDV | **- Điểm a Khoản 12:**  12.Hoạt động ngân hàng là việc kinh doanh, cung ứng thường xuyên một hoặc một số các nghiệp vụ sau:  a) Nhận tiền gửi, **phát hành giấy tờ có giá**  Đề nghị cập nhật để phù hợp với Điều 4, khoản 13 định nghĩa phát hành giấy tờ có giá là hoạt động phát hành chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu để HĐV.  **Bổ sung mục d) Cung ứng các hình thức dịch vụ thanh toán không qua tài khoản được pháp luật quy định.**  Hiện nay, các Ngân hàng cung cấp nhiều hình thức thanh toán khác nhau không qua tài khoản như: Thẻ tín dụng, các ví điện tử mà ngân hàng có liên kết,...  Ngoài ra đề nghị làm rõ/hướng dẫn thêm đối các đơn vị fintech cung cấp các dịch vụ thanh toán qua ví điện tử có được coi là dịch vụ ngân hàng hay không? | - Tiếp thu, điểm a khoản 12 dự thảo Luật giữ nguyên như quy định hiện hành.  - Về bổ sung mục d: khoản 12 chỉ quy định về hoạt động ngân hàng là các hoạt động đặc thù của TCTD; các hoạt động cụ thể của TCTD được quy định tại Chương IV dự thảo Luật và đã bao gồm các hoạt động thanh toán được liệt kê.  - Về đơn vị fintech cung cấp các dịch vụ thanh toán qua ví điện tử: phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật chỉ điều chỉnh về việc tổ chức, hoạt động của TCTD. Do đó, các hoạt động của công ty fintech không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này. |
| Bắc Á | **- Khoản 12:**  Đề xuất sửa đổi cụm từ “phát hành chứng chỉ tiền gửi” thành “phát hành giấy tờ có giá” để phù hợp với quy định tại khoản 13 Điều 4  Nhận tiền gửi là hoạt động nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho người gửi tiền theo thoả thuận.  Phát hành giấy tờ có giá là hoạt động phát hành chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu để huy động vốn. | Đã tiếp thu, giữ nguyên quy định hiện hành |
| VIB | Đề nghị bổ sung thêm giấy tờ có giá (GTCG) khác vào định nghĩa: “*Phát hành giấy tờ có giá là hoạt động phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu* ***và các GTCG khác*** *để huy động vốn*.” |
| Bắc Á | - Khoản 13: Không cần thiết bổ sung nội dung này.  Giữ nguyên quy định của Luật CTCTD hiện hành do khoản 13 Điều 4 Luật CTCTD hiện hành đã quy định hoạt động “Nhận tiền gửi’ đã bao gồm cả “phát hành chứng chỉ tiền gửi và các hình thức nhận tiền gửi khác” (có thể hiểu bao gồm cả trái phiếu) |
| Bắc Á | **Điểm a Khoản 12:** Không cần thiết bổ sung nội dung “Phát hành chứng chỉ tiền gửi”  Giữ nguyên quy định của Luật CTCTD hiện hành do khoản 13 Điều 4 Luật CTCTD hiện hành đã quy định hoạt động “Nhận tiền gửi’ đã bao gồm cả “phát hành chứng chỉ tiền gửi. |
| Công ty Tài chính TNHH MTV Lotte Việt Nam | **Khoản 12:** “Phát hành trái phiếu” không coi là “hoạt động ngân hàng”. Do đó, điều khoản về phạm vi hoạt động của Ngân hàng thương mại, Tổ chức tín dụng phi Ngân hàng (Điều 108) cần có sự điều chỉnh. |
| Vietinbank | **Khoản 12:** Theo dự thảo sửa đổi Luật Các TCTD tại khoản 13 Điều 4 có bổ sung giải thích từ ngữ “*Phát hành giấy tờ có giá*”, vì vậy các hoạt động ngân hàng tại điểm a khoản 12 đề nghị sửa thành: “*a) Nhận tiền gửi, phát hành giấy tờ có giá*”. |
| UOB | **Khoản 12:**  - Cần quy định rõ theo hướng mỗi hoạt động nêu tại điểm a, b hoặc c đều được hiểu là một hoạt động ngân hàng để làm cơ sở xác định loại hình tổ chức tín dụng (TCTD) nào được thực hiện một/một số/tất cả hoạt động ngân hàng và đó là hoạt động nào. Kiến nghị sửa phần mô tả chung thành: *“Hoạt động ngân hàng là bất kỳ một hoạt động nào dưới đây được thực hiện thường xuyên, liên tục:”*  - Kiến nghị sửa điểm c thành *“Cung ứng dịch vụ thanh toán”* để mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật các TCTD đối với các TCTD phi ngân hàng và mở rộng thẩm quyền xem xét của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) để phù hợp với sự phát triển công nghệ hiện nay. | Khoản 12 quy định: “12. *Hoạt động ngân hàng* là việc kinh doanh, cung ứng thường xuyên một hoặc một số các nghiệp vụ sau đây”. Như vậy nội dung tại khoản 12 đã thể hiện được nội dung như ngân hàng đề xuất.  Hiện nay phạm vi điều chỉnh của dự thảo điều chỉnh cả hoạt động của các TCTD phi ngân hàng. Về cụm từ “cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản đã được giải trình tại ý kiến của BIDV |
| Vietinbank | *Về phát hành giấy tờ có giá:* Đề nghị giải thích bổ sung từ ngữ Phát hành giấy tờ như sau: *“Phát hành giấy tờ có giá là hoạt động phát hành chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu để huy động vốn có nguyên tắc về xác nhận nghĩa vụ trả nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành đối với người mua giấy tờ có giá trong một thời hạn nhất định, điều kiện trả lãi và các điều kiện khác”.* Ngoài ra, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo có thuyết minh về việc bỏ việc phát hành kỳ phiếu, tín dụng được coi là phát hành giấy tờ có giá và không thuộc hoạt động ngân hàng của ngân hàng thương mại như quy định tại khoản 2 Điều 98 dự thảo sửa đổi Luật Các TCTD. | Đã tiếp thu, giữ nguyên quy định hiện hành  Về việc bỏ kỳ phiếu, tín phiếu: Thực tế hiện nay các TCTD chỉ phát hành chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu, không phát hành kỳ phiếu, tín phiếu. Do đó dự thảo Luật bỏ hai hình thức phát hành này để phù hợp với thực tiễn. |
| Vietinbank | *Về hoạt động chiết khấu:* đề nghị bổ sung quy định cho phép việc mua miễn truy đòi bộ chứng từ theo thư tín dụng, các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác của bên thụ hưởng trước khi đến hạn thanh toán cũng thuộc phạm vi hoạt động chiết khấu. | Tại dự thảo Luật đã quy định “Thư tín dụng” thuộc hoạt động cấp tín dụng nên các hoạt động liên quan đến thư tín dụng sẽ được thực hiện theo Tập quán thương mại quôc tế do Phòng Thương mại Quốc tế ban hành. |
| Viẹtcombank | **Khoản 13:** Bổ sung để làm rõ nghĩa của quy định theo hướng: “***Nhận tiền gửi là hoạt động nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm từ người gửi tiền*** theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho người gửi tiền theo thỏa thuận.  ***Phát hành giấy tờ có giá là hoạt động phát hành chứng chỉ tiền gửi và phát hành trái phiếu để huy động vốn.***  Đề nghị Ngân hàng Nhà nước thuyết minh lý do bỏ quy định về việc ngân hàng thương mại được phát hành kỳ phiếu, tín phiếu để huy động vốn. | Đã tiếp thu, giữ nguyên quy định hiện hành  Về việc bỏ kỳ phiếu, tín phiếu: Thực tế hiện nay các TCTD chỉ phát hành chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu, không phát hành kỳ phiếu, tín phiếu. Do đó dự thảo Luật bỏ hai hình thức phát hành này để phù hợp với thực tiễn. |
| VPBank | Bổ sung nghiệp vụ phát hành thư tín dụng vào Khoản 14 Điều 4 Dự thảo để xác định rõ đây cũng là một nghiệp vụ cấp tín dụng do Điều 98 của Dự thảo đã bổ sung nghiệp vụ phát hành, xác nhận thư tín dụng vào các nghiệp vụ cấp tín dụng, do đó cần có bổ sung làm rõ tại Điều 4 để thống nhất cách hiểu và xác định nghiệp vụ này. | Không cần thiết vì tại khoản 14 có quy định: “và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác” |
| VPBank | Tại Điều 4 của Dự thảo quy định về “Giải thích từ ngữ”, nghiệp vụ “chiết khấu” và “bao thanh toán” chỉ được phép thực hiện theo phương thức có truy đòi. Bên cạnh đó Điều 99 của Dự thảo cũng đề cập đến hình thức bao thanh toán quốc tế, như vậy sẽ tạo ra cách hiểu nghiệp vụ bao thanh toán quốc tế cũng sẽ phải thực hiện theo phương thức có truy đòi => đề nghị NHNN cân nhắc và xem xét miễn truy đòi với các nghiệp vụ vừa nêu trên. Do Thực tế thông lệ quốc tế và pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới đã cho phép thực hiện miễn truy đòi đối với chiết khấu và bao thanh toán, theo đó nếu Việt Nam vẫn yêu cầu thực hiện chiết khấu, bao thanh toán theo phương thức có truy đòi sẽ không phù hợp với thông lệ các giao dịch quốc tế. | Tại dự thảo Luật đã quy định “Thư tín dụng” thuộc hoạt động cấp tín dụng nên các hoạt động liên quan đến thư tín dụng sẽ được thực hiện theo Tập quán thương mại quôc tế do Phòng Thương mại Quốc tế ban hành. |
| VPBank | Bổ sung định nghĩa về “sự kiện rút tiền hàng loạt” do Dự thảo có quy định về “sự kiện rút tiền hàng loạt” tại Điều 146d. Đây là khái niệm mới được ghi nhận, tuy nhiên cụm từ này lại chưa được giải nghĩa, do đó có thể tạo ra các cách hiểu không thống nhất. | Hiện nay dự thảo đã bỏ quy định về sự kiện rút tiền hàng loạt |
| Công ty Cho thuê tài chính TNHNN BIDV-SUMI | Dự thảo đang quy định: "Sản phẩm phái sinh là công cụ tài chính được định giá theo biến động dự kiến về giá trị của một tài sản tài chính gốc như tỷ giá, lãi suất, ngoại tệ, tiền tệ hoặc tài sản tài chính khác". Đề nghị xem xét lại việc liệt kê song song các thuật ngữ tỷ giá, ngoại tệ, tiền tệ  Do: (i) tỷ giá gắn liền với ngoại tệ; (ii) ngoại tệ chính là tiền tệ; (iii) không khớp với điểm a, khoản 1, Điều 105. | Tiếp thu, đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật theo hướng bỏ “tỷ giá” |
| Viettinbank | - Khoản 14:  Tại khoản 3 Điều 98 về hoạt động cấp tín dụng của ngân hàng thương mại đã bổ sung nghiệp vụ “*Phát hành, xác nhận thư tín dụng*”. Do đó, nghiệp vụ này cần bổ sung tại giải thích từ ngữ “*Cấp tín dụng*” để đảm bảo thống nhất. | Không cần thiết vì tại khoản 14 có quy định: “và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác” |
| Công ty Tài chính TNHH MTV Lotte Việt Nam | **-Khoản 15:** Công ty tài chính được phát hành thẻ tín dụng, mở tài khoản tiền gửi, tài khoản quản lý tiền vay. Như vậy Công ty tài chính cũng xử lý giao dịch thanh toán trong phạm vi, mức độ nhất định. Do đó, đề nghị bỏ nội dung “*cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản của khách hàng”.* | Công ty tài chính không được mở tài khoản thanh toán cho khách hàng, do đó không thực hiện cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản của khách hàng. Đối với các hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán khác, công ty tài chính được thực hiện theo quy định cụ thể tại Mục 3 Chương IV |
|  |  |  |
|  |  |  |
| BIDV | **- Khoản 18:** Để thống nhất với quy định tại Thông tư 11/2022/TT-NHNN ngày 30/9/2022 về bảo lãnh ngân hàng. Ban soạn thảo có nghiên cứu chỉnh sửa thành: “Bảo lãnh ngân hàng là hình thức cấp tín dụng, theo đó bên bảo lãnh là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cam kết với bên nhận bảo lãnh về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho bên được bảo lãnh khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với bên nhận bảo lãnh; bên được bảo lãnh phải nhận nợ và hoàn trả cho bên bảo lãnh theo thỏa thuận đã ký” | Hiện nay nghiệp vụ bảo lãnh ngân hàng đã được Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể Thông tư 11/2022/TT-NHNN ngày 30/9/2022 về bảo lãnh ngân hàng. Quy định khái niệm bảo lãnh tại dự thảo Luật mang tính khái quát và quy định tại Thông tư là cụ thể hóa quy định tại Luật. Các TCTD căn cứ quy định tại Thông tư do Ngân hàng Nhà nước ban hành để áp dụng, thực hiện. Việc chỉnh sửa nội dung câu từ tại Luật cho phù hợp với Thông tư của NHNN là không cần thiết. |
| MBBank | **- Khoản 18:** Đề nghị sửa đổi Khoản 18 Điều 4:   * “*18. Bảo lãnh ngân hàng là hình thức cấp tín dụng, theo đó việc tổ chức tín dụng cam kết với bên nhận bảo lãnh về việc tổ chức tín dụng sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho khách hàng nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ đúng nghĩa vụ đã cam kết. Các bên có thể thỏa thuận về việc tổ chức tín dụng chỉ phải thực hiện nghĩa vụ thay cho khách hàng trong trường hợp khách hàng không có khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Khách hàng phải nhận nợ và hoàn trả cho tổ chức tín dụng theo thỏa thuận*.” để phù hợp, thống nhất với Điều 335 Bộ Luật Dân sự 2015[[1]](#footnote-1).   Thực tế, hoạt động bảo lãnh của TCTD và nhu cầu khách hàng không phải mọi trường hợp đều là cấp tín dụng. Có trường hợp khách hàng đã có sẵn tiền gửi/ký quỹ/nguồn tiền khác tại TCTD để thực hiện nghĩa vụ, nếu bên thụ hưởng có yêu cầu, tiền của khách hàng tại TCTD sẽ sử dụng để thực hiện nghĩa vụ (TCTD không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính thay khách hàng), nên không phải cấp tín dụng. | **Tiếp thu.**  Hiện nay nghiệp vụ bảo lãnh ngân hàng đã được Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể Thông tư 11/2022/TT-NHNN ngày 30/9/2022 về bảo lãnh ngân hàng. Quy định khái niệm bảo lãnh tại dự thảo Luật chỉ mang tính khái quát. Các TCTD căn cứ quy định tại Thông tư do Ngân hàng Nhà nước ban hành để áp dụng, thực hiện. Trường hợp kiến nghị của MBBank sẽ được Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan ban hành Thông tư 11) tổng hợp, đánh giá quá trình áp dụng quy định tại Thông tư để xem xét sửa đổi, bổ sung quy định tại Thông tư. |
| Công ty Tài chính TNHH MTV Lotte Việt Nam | **- Khoản 19:** Phạm vi hoạt động của Ngân hàng thương mại, Tổ chức phi tín dụng tại các Điều khoản tương ứng cần sửa đổi thành:  “Chiết khấu, tái chiết khấu **bộ chứng từ theo thư tín dụng**, công cụ chuyển nhượng, các giấy tờ có giá khác” | Hiện, dự thảo Luật đã bỏ cụm từ “bộ chứng từ theo thư tín dụng. Tại dự thảo mới đã quy định “Thư tín dụng” thuộc hoạt động cấp tín dụng nên các hoạt động liên quan đến thư tín dụng sẽ được thực hiện theo Tập quán thương mại quôc tế do Phòng Thương mại Quốc tế ban hành. |
| Techcombank | **-Khoản 19:** Kiến nghị NHNN xem xét mở rộng khái niệm chiết khấu để phù hợp và đáp ứng nhu cầu kinh doanh theo thông lệ quốc tế do Hiện nay các TCTD vẫn có nhu cầu mua miễn truy đòi bộ chứng từ nhờ thu (DP, DA) theo Thông lệ quốc tế, vì vậy, kiến nghị NHNN xem xét mở rộng khái niệm chiết khấu để phù hợp và đáp ứng nhu cầu kinh doanh theo thông lệ quốc tế | Thời gian qua, NHNN chỉ xử lý vấn đề chiết khấu liên quan đến bộ chứng từ theo thư tín dụng. Do đó, chưa đủ cơ sở để xem xét. |
| BIDV | **- Khoản 20:** Theo dự thảo khái niệm Chiết khấu tại Điều 4, khoản 19 đã bổ sung việc chiết khấu bộ chứng từ theo thư tín dụng, phù hợp với thông lệ, tập quán quốc tế.  Do đó đề nghị xem xét, bổ sung đối với khái niệm Tái chiết khẩu tại Điều 4 Khoản 20: “*Tái chiết khấu* là việc chiết khấu bộ chứng từ theo thư tín dụng, các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác đã được chiết khấu trước khi đến hạn thanh toán” | Tại dự thảo mới đã quy định “Thư tín dụng” thuộc hoạt động cấp tín dụng nên các hoạt động liên quan đến thư tín dụng sẽ được thực hiện theo Tập quán thương mại quôc tế do Phòng Thương mại Quốc tế ban hành. |
| BIDV | **- Khoản 21:** Hiện nay tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN đang quy định sản phẩm phái sinh bao gồm sản phẩm phái sinh tín dụng, lãi suất, ngoại tệ, giá cả hàng hóa, chứng khoán và sản phẩm phái sinh khác. Bên cạnh đó theo thông lệ, sản phẩm phái sinh được định nghĩa là “Công cụ có giá trị phụ thuộc vào một số tài sản tài chính cơ bản, hàng hóa hoặc biến được xác định trước”. Tuy nhiên, dự thảo chưa đề cập đến sản phẩm phái sinh hàng hóa, theo đó, đề nghị cân nhắc xem xét điều chỉnh định nghĩa phù hợp cho tất cả sản phẩm phái sinh.  Ngoài ra, liên quan đến nội dung này, đề nghị sửa đổi cho thống nhất giữa nội dung điều chỉnh mục 21 (Điều 4) và điểm b, khoản 1 (Điều 105). | **Tiếp thu**  Theo thông lệ quốc tế thì giao dịch phái sinh là các giao dịch trong đó giá trị của giao dịch được dựa trên tài sản gốc như công cụ tài chính, các chỉ số hoặc hàng hóa . Phái sinh hàng hóa theo thông lệ quốc tệ như nêu trên có phạm vi rộng bao gồm sản phẩm phái sinh hàng hóa có phát sinh chuyển giao hàng hóa thực và sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa có thanh toán bù trừ các nghĩa vụ phát sinh trên cơ sở chênh lệch giá cả hàng hóa. Trong khi đó, NHTM không được hoạt động trong lĩnh vực thương mại, nên không thực hiện giao dịch phái sinh hàng hóa phát sinh việc chuyển giao hàng hóa thực.  Tại khoản 5 Điều 105 dự thảo Luật quy định các hoạt động kinh doanh khác của NHTM, trong đó có hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản. Theo đó, NHTM được NHNN xem xét chấp thuận thực hiện sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa đối với trường hợp không phát sinh chuyển giao hàng hóa thực theo quy định tại khoản 5 Điều 105 dự thảo Luật. |
| Vietinbank | Theo quy định tại khoản 21 Điều 4 Luật Các TCTD: *“Môi giới tiền tệ là việc làm trung gian có thu phí môi giới để thu xếp thực hiện các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác giữa các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính khác”*. Với quy định này không rõ việc tổ chức tín dụng thực hiện môi giới tiền tệ cho TCTD, tổ chức tài chính khác thì đối tượng được môi giới (khách hàng) có nhu cầu sử dụng các dịch vụ ngân hàng cũng phải là TCTD hay có thể là bất kỳ tổ chức, cá nhân nào. Do đó, đề nghị sửa đổi theo hướng quy định rõ đối tượng được môi giới là tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ kinh doanh khác của các TCTD, tổ chức tài chính. | Khoản 21 Điều 4 đã quy định rõ “Môi giới tiền tệ là việc làm trung gian có thu phí môi giới để thu xếp thực hiện các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác giữa các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính khác”. Theo đó, đối tượng được môi giới tiền tệ và đối tượng thực hiện môi giới tiền tệ chỉ là TCTD, tổ chức tài chính; không bao gồm cá nhân, tổ chức khác. |
| Vietcombank | **- Khoản 23:** Khoản 23 Điều 4 Luật các TCTD quy định:  *“23. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:*  *a) Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;*  *b) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;*  *c) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, thâu tóm cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty;*  *d) Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên;*  *đ) Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;*  *e) Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này;*  *g) Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty.”*  Quy định về Người liên quan tại Luật các TCTD khác so với Luật Doanh nghiệp và Luật chứng khoán dẫn đến trường hợp 1 TCTD là công ty niêm yết thì sẽ áp dụng luật các TCTD hay áp dụng cả 3 Luật: TCTD, Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Nếu căn cứ Khoản 2 Điều 3 Dự thảo để xác định sẽ áp dụng Luật các TCTD thì nội dung này có được hiểu là nội dung về *“thành lập, tô chức, hoạt động… tổ chức tín dụng”* hay không?  Đây là vướng mắc trong quá trình áp dụng quy định về Người liên quan trong quá trình hoạt động, xây dựng Điều lệ và thực hiện các hoạt động công bố thông tin của các Doanh nghiệp là TCTD niêm yết. Do đó, đề xuất rà soát lại để thống nhất các quy định pháp luật. | Tiếp thu.  Nội dung người có liên quan được áp dụng trong các quy định về tổ chức, hoạt động của TCTD do đó thực hiện theo Điều 3 dự thảo Luật về nguyên tắc áp dụng pháp luật. |
|  |  |  |
| Bắc Á BAnk | **Khoản 28 Điều 4:** Đề nghị rà soát quy định người có liên quan quy định tại Luật Các TCTD phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và các quy định khác của pháp luật có liên quan cũng như thống nhất với các thông tư hướng dẫn của NHNN do:  **- Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019** quy định *Người có liên quan* là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:  …  d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;  ….  - **Tiết i Điểm b Khoản 14 Điều 3 Thông tư 22/2019/TT-NHNN** quy định Người có liên quan của một cá nhân gồm các trường hợp sau đây:  (i) Vợ, chồng, cha, mẹ, con (bao gồm cả cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, bố chồng (bố vợ), mẹ chồng (mẹ vợ), con dâu (con rể); bố dượng, mẹ kế, con riêng của vợ hoặc chồng), anh ruột, chị ruột, em ruột (bao gồm cả anh, chị, em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ), anh rể, chị dâu, em dâu, em rể của cá nhân đó;  Như vậy, hiện nay có nhiều quy định khác nhau về khái niệm người có liên quan trong khi đó các ngân hàng thương mại cổ phần hầu hết đã niêm yết trên thị trường chứng khoán/đăng ký giao dịch Upcom nên phải thực hiện theo quy định của Luật Các TCTD và Luật Chứng khoán. Bên cạnh đó, Thông tư 22/2019/TT-NHNN quy định về người có liên quan cũng khác với Luật Các TCTD cũng gây khó khăn trong việc thực hiện của các TCTD. | - Về quy định tại Luật chứng khoán, tại Điều 3 dự thảo Luật đã quy định nguyên tắc ưu tiên áp dụng Luật. Theo đó, đối với các quy định về tổ chức hoạt động của TCTD thực hiện theo Luật các TCTD.  - Điểm d khoản 28 Điều 4 Luật các TCTD hiện quy định người có liên quan bao gồm: “vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này”. Theo đó Thông tư 22/2019/TT-NHNN quy định chi tiết nội dung này (bao gồm tất cả các mối quan hệ theo pháp luật hôn nhân và gia đình) là phù hợp quy định tại Luật các TCTD. |
| VietCredit | Hiện tại, chưa có một quy định pháp luật chính thống nào định nghĩa rõ thế nào là “*Tổ chức tài chính trong nước*”. Nên VietCredit đề xuất bổ sung định nghĩa: “*Tổ chức tài chính trong nước*” làm căn cứ thực hiện các quy định chi tiết có liên quan trong Luật các TCTD. | Tổ chức tài chính trong nước là một khái niệm rộng thuộc phạm vi điều chỉnh của nhiều lĩnh vực. Hiện nay tại Luật PCRT cũng có quy định về khái niệm tổ chức tài chính. Dự thảo Luật không giải thích khái niệm này mà việc xác định tổ chức tài chính theo các lĩnh vực liên quan. |
| VIB | - Khoản 26, 27: Cụm từ “thông qua người có liên quan” chưa có hướng dẫn để hiểu, tính toán tỷ lệ sở hữu và thực hiện như thế nào là chính xác và phù hợp.  Ví dụ: ông A sở hữu 4% vốn cổ phần có quyền biểu quyết của TCTD X; ông A sở hữu 20% vốn điều lệ của Công ty cổ phần B nhưng không tham gia Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty B; Công ty B sở hữu 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết của TCTD X theo quyết định đầu tư hợp pháp của HĐQT Công ty B. Vậy có thể hiểu ông A thông qua người có liên quan để sở hữu thêm 1% vốn cổ phần có quyền biểu quyết của TCTD X và ông A được xác định là cổ đông lớn của TCTD X hay không?  Đề nghị quy định rõ hoặc hướng dẫn cụ thể hơn về cách tính sở hữu gián tiếp thông qua người có liên quan, cơ sở để xác định sở hữu gián tiếp và việc loại trừ phần sở hữu gián tiếp đối với những trường hợp cụ thể. | Tiếp thu, hiện dự thảo đã bỏ cụm từ “thông qua người có liên quan” |
| VIB | - Khoản 28: Quy định “Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân” có thể được hiểu theo phạm vi rất rộng đồng thời việc ủy quyền có thể có các thời hạn khác nhau. Cần quy định cụ thể ủy quyền đại diện trong trường hợp nào thì được xác định là người có liên quan.  - Pháp luật nói chung (sự kiện bất khả kháng được quy định tại Điều 156 Bộ Luật Dân sự 2015 Thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự) và Luật TCTD nói riêng chưa có quy định cụ thể về trường hợp bất khả kháng áp dụng chung cho các trường hợp.  Bổ sung khái niệm/trường hợp “bất khả kháng”. | Tại thời điểm cá nhân được ủy quyền đại diện mới xem xét là người có liên quan. Nếu cá nhân không còn là người được ủy quyền đại diện sẽ không thuộc trường hợp này |
| VIB | - Khoản 28, khoản 30: Với quy định hiện nay của pháp luật (Luật TCTD, LDN, LCK) thì việc xác định Người có liên quan khá phức tạp.  Do vậy, việc giải thích các khái niệm về Người có liên quan trong chuyên ngành ngân hàng chỉ nên quy định tại Luật TCTD chứ không nên quy định tại văn bản dưới luật. Ví dụ Thông tư 22/2019/TT-NHNN có quy định về Người có liên quan trong hoạt động cấp tín dụng (Điều 14.3).  Để nhất quán trong cách hiểu, các thuật ngữ nêu trong Luật TCTD nên được giải thích rõ ràng, tránh đa nghĩa, gồm các khái niệm về “trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thành viên của công ty con”- nêu tại Điều 4.30(d), “gián tiếp bổ nhiệm” – nêu tại Điều 4.30 (b), “đại diện theo ủy quyền” – nêu tại Điều 4.28.(e). | Do đây là một khái niệm tương đối phức tạp nên việc có hướng dẫn tại Thông tư để đảm bảo việc thực hiện được rõ ràng, cụ thể không có khó khăn, vướng mắc. Quy định tại Thông tư 22/2019/TT-NHNN chỉ mang tính chất hướng dẫn chi tiết các nội dung tại Luật. |
|  | **Điều 6** |  |  |  |
| PGBank | Quy định này mới chỉ dành cho tổ chức tín dụng (TCTD), vậy còn mô hình quỹ tín dụng nhân dân, ngân hàng hợp tác xã có phải chuyển giao bắt buộc không, nếu chuyển giao bắt buộc thì như thế nào? Quy định như vậy có phải đang giới hạn là hai mô hình này không phải chuyển giao bắt buộc?  Đồng thời, hiện quy định này đang quy định “*phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt”* mà chưa quy định rõ là phương án gì được cấp có thẩm quyền phê duyệt.  Đề nghị Ban soạn thảo xem xét quy định cụ thể nội dung này. Đồng thời, bổ sung quy định rõ: *“phương án* ***chuyển giao bắt buộc*** *được cấp có thẩm quyền phê duyệt”.* | Quy định tại Điều 6 dự thảo nhằm loại trừ trường hợp thực hiện phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt không chỉ riêng đối với phương án chuyển giao bắt buộc. |
|  | **Điều 8** | Công ty Tài chính TNHH MTV Lotte Việt Nam | Với định nghĩa “cấp tín dụng” (trong đó bao gồm “cho vay”) là “hoạt động ngân hàng” tại khoản 12 Điều 4, thực tế phát sinh một số trường hợp:   * Tổ chức/cá nhân kinh doanh dịch vụ cầm đồ, * Doanh nghiệp cho doanh nghiệp khác vay vốn (bằng vốn tự có/vốn vay   hoặc cho vay/bảo lãnh trong nội bộ tập đoàn, mà không có hoạt động nhận tiền gửi/phát hành chứng chỉ tiền gửi).   * Cho vay của các Quỹ * Cá nhân cho vay hụi, họ, biêu, phường,   Đều có thể bị xem là “hoạt động ngân hàng”. Ngân hàng Nhà nước nên sửa khoản 12 Điều 4 và Điều này để phù hợp với thực tế, tránh cơ quan nhà nước có ý kiến khác nhau sau này. | Hiện nay khoản 12 Điều 4 quy định: “*Hoạt động ngân hàng* là việc kinh doanh, cung ứng thường xuyên một hoặc một số các nghiệp vụ:…” Như vậy, hoạt động ngân hàng phải đảm bảo yếu tố là hoạt động kinh doanh (có mục đích sinh lời) và thực hiện thường xuyên. Đối với các hoạt động khác không có các yếu tố này thì không phải hoạt động ngân hàng. |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  | PGBank | Khoan 2: Thực tế tất cả các hoạt động đều phải thực hiện theo quy định pháp luật; điều kiện loại trừ đang hiểu là những ngành nghề đương nhiên cá nhân, tổ chức không phải TCTD không được thực hiện. Vì vậy, cụm từ bổ sung thêm nhưng kèm đuôi *“theo quy định pháp luật”* là không phù hợp logic của điều khoản. Đề nghị Ban soạn thảo xem xét lại cách diễn đạt để logic, rõ ràng hơn, có thể cân nhắc tách cụm từ bổ sung thành một ý riêng. | Tiếp thu, dự thảo Luật giữ nguyên quy định hiện hành |
|  | **Điều 10** | VPBank | - **Khoản 4:** đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét loại bỏ các yêu cầu bắt buộc ngân hàng thương mại phải công bố thông tin về tất cả các sản phẩm dịch vụ mà nên để các TCTD được lựa chọn các sản phẩm, dịch vụ sẽ công bố thông tin. Do Thực tế khối lượng sản phẩm, dịch vụ mà các TCTD cung ứng rất lớn; các sản phẩm/dịch vụ được chia thành nhiều lĩnh vực, nhiều phân khúc. Do đó việc yêu cầu Thông báo công khai các thông tin này với tất cả các sản phẩm/dịch vụ sẽ làm tăng vận hành, chi phí.  Mặt khác việc này cũng không có nhiều ý nghĩa với khách hàng vì (i) việc có quá nhiều thông tin về sản phẩm dịch vụ chỉ khiến việc tìm kiếm thông tin của khách hàng thêm khó khăn; (ii) chắc chắn khách hàng phải được các TCTD giải thích rõ các nội dung của sản phẩm dịch vụ thì khách hàng mới đồng ý sử dụng sản phẩm, dịch vụ. | Khoản 4 Điều 10 quy định TCTD có trách nhiệm phải “Thông báo công khai”, không phải “công bố thông tin”. Quy định này đảm bảo sự minh bạch khi cung cấp sản phẩm dịch vụ cho khách hàng. |
| VIB | **- Khoản 5:** “Tổ chức tín dụng” trong điều khoản này được hiểu là toàn bộ tổ chức tín dụng hay từng đơn vị trong tổ chức tín dụng (TCTD) như 01 chi nhánh ngừng giao dịch.  Chưa có quy định đối với trường hợp ngừng giao dịch từ 2 ngày làm việc – 4 ngày làm việc trong trường hợp bất khả kháng,  Đề nghị bổ sung nội dung quy định để giải quyết vướng mắc cho các TCTD như nêu tại cột “Ý kiến/vướng mắc của VIB”. | Tiếp thu, đã chỉnh sửa quy định tại khoản 5 Điều 10 và bổ sung quy định làm rõ tại Điều 29 dự thảo Luật |
|  |  |  |
|  | **Điều 12** | Vietcombank | Căn cứ các quy định tại Điều 30-33 Luật Doanh nghiệp, TCTD cần thay đổi nội dung Giấy đăng ký doanh nghiệp, công bố thông tin… khi thay đổi người đại diện theo pháp luật. Đề nghị diễn đạt lại điểm c khoản 1 Điều 12 Dự thảo để làm rõ hơn các công việc TCTD cần làm khi thay đổi người đại diện theo pháp luật trong trường hợp khuyết chức danh Chủ tịch HĐQT hoặc Chủ tịch HĐTV hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) theo hướng: *“Tổ chức tín dụng thực hiện các thủ tục đăng ký, công bố thông tin công khai nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật trong trường hợp này theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các Luật, văn bản khác có liên quan”.* | Dự thảo Luật giữ nguyên quy định tại Điều 12, không điều chỉnh nội dung này. |
| VIB | * Điểm c:   + Chưa rõ nghĩa nội dung “*bàn giao tư cách…*”.  +Thủ tục đăng ký, thông báo nội dung thay đổi để tại nội dung này là không phù hợp vì điểm c đang đề cập đến khuyết Người đại diện theo pháp luật (NĐDTPL) chứ không phải xác định mới NĐDTPL.  + Mặt khác quy định thủ tục đăng ký thì cụ thể là thủ tục nào. Nếu là theo Luật Doanh nghiệp 2020 (LDN) thì LDN đã có quy định và Luật Chứng khoán (LCK) cũng có quy định về công bố thông tin khi thay đổi NĐDTPL của công ty đại chúng.  -Đề nghị làm rõ khi TCTD có NĐDTPL thì người đảm nhận phải bàn giao lại toàn bộ quyền và nghĩa vụ đã thực hiện trong thời gian khuyết người đại diện pháp luật, chứ không phải “*bàn giao tư cách*”.  - Đề nghị làm rõ thủ tục đăng ký, thông báo khi thay đổi NĐDTPL hoặc nêu rõ TCTD thực hiện thủ tục đăng ký, thông báo theo quy định tại LDN và LCK. | Dự thảo Luật giữ nguyên quy định tại Điều 12, không điều chỉnh nội dung này. |
| Techcombank | * Điểm c:   Đề xuất ban soạn thảo quy định rõ cơ chế của việc thay thế người đại diện pháp luật như: Thời gian thay thế, chấm dứt thay thế khi có người mới giữ chức danh của Người đại diện theo pháp luật vì Theo quy định này được hiểu, người đảm nhận quyền và nghĩa vụ của đại diện trong trường hợp này là tạm thời trong thời gian bị khuyết chức danh. Do đó, đề xuất ban soạn thảo quy định rõ cơ chế của việc thay thế người đại diện pháp luật như: Thời gian thay thế, chấm dứt thay thế khi có người mới giữ chức danh của Người đại diện theo pháp luật.  Để thực hiện các thủ tục đăng ký, thông báo, công khai thay đổi người đại diện pháp luật doanh nghiệp trong trường hợp này sẽ cần phải sửa đổi điều lệ tương ứng và hiện chưa có quy định/hướng dẫn với trường hợp này. Kính đề nghị ban soạn thảo xem xét hướng dẫn rõ nội dung này. | Dự thảo Luật giữ nguyên quy định tại Điều 12, không điều chỉnh nội dung này |
| Bắc Á Bank | Đề nghị xem xét bỏ nội dung “***Người đảm nhận quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật phải bàn giao tư cách mà mình đảm nhận cho người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng”*** theo điểm c, khoản 1, Điều 12 của Dự thảo *do:*  - Khoản 3 Điều 28 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định:  ***“Điều 28. Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp***  *Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:*  *….*  *3. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần;…”*  - Khoản 1,2 Điều 30 Luật Doanh nghiệp quy định:  **“*Điều 30. Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp***  *1. Doanh nghiệp phải đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh khi thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp quy định tại Điều 28 của Luật này.*  *2. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi*”.  Do đó, đề nghị xem xét bỏ nội dung “***Người đảm nhận quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật phải bàn giao tư cách mà mình đảm nhận cho người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng”.***  Nội dung sẽ được ghi nhận tại Điều lệ của tổ chức tín dụng: **“***Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng được quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng và phải là một trong những người sau đây:*  *a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng;*  *b) Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng.*  *c) Trường hợp khuyết chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) là người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng thì Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng và ngược lại. Tổ chức tín dụng thực hiện các thủ tục đăng ký, thông báo công khai nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật trong trường hợp này”.*  Khi đó, trường hợp khuyết chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng thành viên/Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật thì tổ chức tín dụng không cần phải sửa đổi Điều lệ mà Tổng giám đốc/Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng thành viên sẽ đương nhiên là người đại diện theo pháp luật và tổ chức tín dụng chỉ phải thực hiện đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, công bố thông tin…theo quy định. | Dự thảo Luật giữ nguyên quy định tại Điều 12, không điều chỉnh nội dung này |
| CB | - Khoản 1:  Khoản 2, Điều 12 Luật doanh nghiệp 2020 quy định: “*2. Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần* ***có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật”****.* Khoản 1, Điều 12 Dự thảo quy định “*1. Người đại diện theo pháp luật của TCTD được quy định tại Điều lệ của TCTD và* ***phải là một trong những người sau đây****: a) Chủ tịch HĐQT hoặc CT HĐTV của TCTD; b) Tổng giám đốc (Giám đốc) của TCTD*”.  Việc quy định như trong dự thảo đang bị hạn chế số lượng người đại diện mặc dù trong điểm c, Điều 12 của Dự thảo đã bổ sung quy định về trường hợp “Khuyết Chủ tịch HĐQT hoặc CT HĐTV hoặc TGĐ (GĐ) là người đại diện theo pháp luật của TCTD thì Tổng Giám đốc (GĐ) hoặc CT.HĐQT hoặc CT.HĐTV là người đại diện theo pháp luật của TCTD hoặc ngược lại” nhưng quy định này chỉ áp dụng trong trường hợp bị khuyết một trong những chức danh nêu trên còn về số lượng người đại diện theo pháp luật đối với TCTD chỉ là MỘT.  Đề nghị cơ quan soạn thảo có thể xem xét về việc quy định mở hơn đối với số lượng Người đại diện theo pháp luật của TCTD theo hướng có thể có nhiều hơn một người đại diện và trong trường hợp có nhiều hơn 1 người đại diện thì có thể phân quyền cho từng người đại diện. Trong trường hợp một trong hai người đại diện vắng mặt chỉ cần TCTD có cơ chế ủy quyền để người còn lại có thể thực hiện các việc của người vắng mặt. | Dự thảo Luật giữ nguyên quy định tại Điều 12, không điều chỉnh nội dung này |
| CB | Điểm c, Khoản 1:  Đề nghị đơn vị soạn thảo quy định rõ hoặc định nghĩa về thuật ngữ “Bàn giao tư cách” tại quy định này. | Dự thảo Luật giữ nguyên quy định tại Điều 12, không điều chỉnh nội dung này |
| Viettinbank | Tại dự thảo bổ sung điểm c tại khoản 1 Điều 12 như sau: *“c) Trường hợp khuyết chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) là người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng thì Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng và ngược lại. Người đảm nhận quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật phải bàn giao tư cách mà mình đảm nhận cho người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng. Tổ chức tín dụng thực hiện các thủ tục đăng ký, thông báo công khai nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật trong trường hợp này.”*  Tuy nhiên, *“người đảm nhận quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật”* trong trường hợp này không rõ là người nào. Ngoài ra, tại Điều 50 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 về đăng ký doanh nghiệp quy định người ký thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật thì người ký thông báo là (i) Chủ tịch Hội đồng quản trị mới được Hội đồng quản trị bầu; (ii) trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình thì người ký thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật là người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền; (iii) người được bầu tạm thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 56, khoản 3 Điều 80 và khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp trong trường hợp không có thành viên được ủy quyền.  Như vậy, để điều khoản này có thể thực thi trên thực tế và tránh việc xung đột pháp luật giữa các văn bản quy phạm, kính đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu trình tự, hồ sơ thay đổi đăng ký kinh doanh trong trường hợp này (cụ thể là thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật do ai ký). | Dự thảo Luật giữ nguyên quy định tại Điều 12, không điều chỉnh nội dung này |
| VPBank | - Điểm c Khoản 1: Đề nghị bỏ câu sau “Người đảm nhận quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật phải bàn giao tư cách mà mình đảm nhận cho người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng”.  Do Điều khoản này không rõ bàn giao tư cách được hiểu như thế nào, do đó có thể dẫn đến cách hiểu TGĐ trở thành chủ tịch HĐQT (và ngược lại) trong thời gian khuyết chức danh Chủ tịch HĐQT (hoặc TGĐ). Cách hiểu này là không phù hợp với nguyên tắc bầu/bổ nhiệm chức danh TGĐ/Chủ tịch HĐQT trong doanh nghiệp.  Tại điều khoản này cũng đã nêu rõ việc đảm nhiệm vai trò người đại diện theo pháp luật chỉ áp dụng trong tình huống khuyết chức danh, vì vậy đương nhiên được hiểu là khi nào TCTD hoàn tất việc bầu/bổ nhiệm chức danh bị khuyết thì người đó sẽ tiếp tục là người đại diện theo pháp luật của TCTD, do đó việc quy định điều khoản này là không thực sự cần thiết. | Dự thảo Luật giữ nguyên quy định tại Điều 12, không điều chỉnh nội dung này |
| VPBank | Đề nghị ghi nhận bổ sung: “Tổ chức tín dụng không phải thực hiện sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để thay đổi người đại diện theo pháp luật trong thời gian khuyết chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc.”  Do Bổ sung quy định rõ để đảm bảo hoạt động và vận hành của các tổ chức tín dụng. Theo quy định hiện hành, chức danh nào giữ vai trò người đại diện theo pháp luật cần phải được ghi nhận trong Điều lệ. Do thực tế đã khuyết chức danh giữ vai trò người đại theo pháp luật như được quy định tại Điều lệ nên mới có điều khoản này, vì vậy việc sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận người đảm nhiệm thay là không thể thực hiện được do không khớp với Điều lệ. | Dự thảo Luật giữ nguyên quy định tại Điều 12, không điều chỉnh nội dung này |
|  |  |  |
| MBBank | điểm c Khoản 1: Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau để bảo đảm rõ ràng, chính xác, thống nhất về cách hiểu: *“c) Trừ trường hợp Điều lệ tổ chức tín dụng có quy định khác, trường hợp khuyết người đại diện theo pháp luật thì người đang đảm nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên không phải là người đại diện theo pháp luật (đảm nhiệm quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng cho đến khi bổ sung người đại diện theo pháp luật bị khuyết theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.*  *Người đảm nhận quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật phải bàn giao tư cách mà mình đảm nhận cho người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng.*  *Tổ chức tín dụng thực hiện các thủ tục đăng ký, thông báo công khai nội dung về người đảm nhiệm quyền và nghĩa vụ của đại diện theo pháp luật trong trường hợp này”.*  *Lý do:* - Người đại diện theo pháp luật không phải chức danh, do đó quy định “*khuyết* ***chức danh*** *người đại diện theo pháp luật*” chưa chính xác.  - Việc cá nhân tạm thời đảm nhiệm người đại diện theo pháp luật khi bị khuyết nên quy định theo hướng tôn trọng quy định Điều lệ TCTD, cụ thể: Trường hợp khuyết cá nhân là người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ, việc tạm thời đảm nhiệm người đại diện theo pháp luật cho đến khi có người đảm nhiệm trước hết cần phù hợp Điều lệ của TCTD, nếu Điều lệ không quy định thì thực hiện theo quy định của Luật các TCTD.  - Dự thảo quy định “***Người đảm nhận quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật phải bàn giao tư cách mà mình đảm nhận cho người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng”*** chưa rõ ràng vì không rõ “*bàn giao tư cách*” cụ thể là bàn giao nội dung gì. Do đó, đề xuất Tổ thường trực bỏ nội dung trên hoặc điều chỉnh rõ hơn. | Dự thảo Luật giữ nguyên quy định tại Điều 12, không điều chỉnh nội dung này |
| Công ty Cho thuê Tài chính Á Châu | - Cần giải thích cụ thể trường hợp nào được xem là khuyết các chức danh nêu trên (như bị tạm giữ, tạm giam, đi tù, bỏ trốn, bị chết hay không rõ thông tin liên lạc…) và quy định cụ thể về thời gian (thời điểm) nào thì phải bàn giao tư các người đại diện theo pháp luật.  - Việc bàn giao tư cách người đại diện theo pháp luật như quy định trên là mặc nhiên hay bắt buộc phải thông qua bằng quyết định của HĐQT/HĐTV hoặc chủ sở hữu đối với TCTD trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Vì theo quy định của Luật doanh nghiệp, khi thực hiện các thủ tục đăng ký, công bố người đại diện theo pháp luật thì các TCTD phải cung cấp các quyết định thay đổi người đại diện theo pháp luật. | Dự thảo Luật giữ nguyên quy định tại Điều 12, không điều chỉnh nội dung này |
| PGBank | Điểm c: Hiện tại Luật Doanh nghiệp 2022 không quy định cụ thể về cơ chế người đại diện theo pháp luật đương nhiên trong *trường hợp khuyết chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT) hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên (HĐTV) hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc).*  Đồng thời, quy định này sẽ đặt ra các vấn đề: (i) Thế nào là khuyết các chức danh trên, quy định về trường hợp khuyết chức danh tại đâu? (ii) Việc bàn giao tư cách người đại diện theo pháp luật thực hiện theo trình tự, thủ tục nào? (iii) Các chức danh đã đương nhiên thay thế thì sao phải đăng ký? (iv) Thủ tục đăng ký, thông báo theo Luật Doanh nghiệp hay Luật này? (v) Thời điểm xác định có hiệu lực là thời điểm đương nhiên thay thế khi khuyết danh hay thời điểm đăng ký hay thời điểm được công nhận đăng ký?  Kiến nghị Ban soạn thảo xem xét, làm rõ, quy định cụ thể các nội dung này. | Dự thảo Luật giữ nguyên quy định tại Điều 12, không điều chỉnh nội dung này |
|  | **Điều 14** | Techcombank, PGBank | Đề nghị NHNN xem xét quy định rõ các thông tin phải bảo mật.  Đề nghị bổ sung thêm định nghĩa thế nào là các thông tin liên quan đến định danh KH. Cụm từ “Các thông tin có liên quan khác theo quy định pháp luật” khá chung chung và rộng quá, có thể gây khó khăn trong quá trình thực hiện vì không biết xác định các thông tin nào. | Tiếp thu, dự thảo Luật quy định: TCTD phải bảo đảm bí mật thông tin khách hàng của TCTD theo quy định của Chính phủ. Theo đó Chính phủ sẽ hướng dẫn cụ thể các thông tin khách hàng phải bảo mật (hiện nay CP đã ban hành NĐ 117 về bảo mật thông tin khách hàng) |
|  |  |  |
| Vietcombank | **- Khoản 2:** Cần xác định cụ thể các thông tin cần bảo mật để tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có căn cứ thực hiện theo hướng: Xem xét bỏ nội dung *“và các thông tin có liên quan khác”* hoặc quy định theo hướng *“và các thông tin có liên quan khác theo quy định pháp luật”.*  - Xem xét bổ sung quy định về cung cấp thông tin khi khách hàng là bên gửi tiền chết. | Tiếp thu, dự thảo Luật quy định: TCTD phải bảo đảm bí mật thông tin khách hàng của TCTD theo quy định của Chính phủ. Theo đó Chính phủ sẽ hướng dẫn cụ thể các thông tin khách hàng phải bảo mật (hiện nay CP đã ban hành NĐ 117 về bảo mật thông tin khách hàng) |
| Công ty Tài chính TNHH MTV Shinhan Việt Nam | **- Khoản 2:** Đề xuất điều chỉnh cụm “định danh khách hàng” thành “thông tin cá nhân khách hàng” để bảo đảm việc bảo mật dữ liệu về thông tin cá nhân khách hàng đầy đủ, thống nhất với quy định tại Luật An ninh mạng và Nghị định 53/2022/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật An ninh mạng vì Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến định danh khách hàng, tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, thông tin về tổ chức, cá nhân là các bên bảo đảm tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các thông tin có liên quan khác theo quy định pháp luật. | Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
| Công ty Tài chính TNHH MTV Shinhan Việt Nam | **Khoản 3:** Đề xuất điều chỉnh cụm “định danh khách hàng” thành “thông tin cá nhân khách hàng” để bảo đảm việc bảo mật dữ liệu về thông tin cá nhân khách hàng đầy đủ, thống nhất với quy định tại Luật An ninh mạng và Nghị định 53/2022/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật An ninh mạng vì Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cung cấp thông tin liên quan đến tên định danh khách hàng, tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, thông tin về tổ chức, cá nhân là bên bảo đảm tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các thông tin có liên quan khác theo quy định pháp luật, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, tổ chức khác, cá nhân có quyền yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng được quy định cụ thể tại bộ luật, luật, nghị quyết của Quốc hội hoặc được sự chấp thuận của khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của khách hàng. |
|  |  |  |
| VIB | * Pháp luật không có quy định về khái niệm “*định danh khách hàng*” mà chỉ có khái niệm về “*thông tin dịnh danh khách hàng*” quy định tại Điều 3.2 Nghị định 117/2018/NĐ-CP về giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Sửa “*định danh khách hà*ng” thành “*thông tin định danh khách hàng*”. | Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
| VIB | * Theo quy định của pháp luật chứng khoán thì TCTD là công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin một số thông tin liên quan đến khách hàng (Thông tư 96/2020/TT-BTC). Sửa “*trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, tổ chức khác, cá nhân có quyền yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng được quy định cụ thể tại bộ luật, luật, nghị quyết của Quốc hội hoặc được sự chấp thuận của khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của khách hàng.”* thành **“trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật***, có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, tổ chức khác, cá nhân có quyền yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng được quy định cụ thể tại bộ luật, luật, nghị quyết của Quốc hội hoặc được sự chấp thuận của khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của khách hàng.”* | Việc bảo mật thông tin để bảo đảm quyền lợi khách hàng và được quy định tại Luật. Do đó, việc thực hiện công bố thông tin tại các văn bản dưới Luật cũng phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Luật. |
| MBBank | Khoản 2:  - Đề xuất bỏ cụm từ “*liên quan đến*” trong đoạn “*Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến định danh khách hàng*” do Cụm từ “*liên quan đến*” có thể dẫn đến cách hiểu khác nhau. Trên thực tế có các loại thông tin về khách hàng (chủ thể)/thông tin về tài khoản, tiền gửi…  - Đề nghị bổ sung cụm từ “*định danh khách hàng*” vào Điều khoản về giải thích từ ngữ để có cơ sở áp dụng thống nhất vì Trong phạm vi ngành ngân hàng, cần có giải thích thống nhất về định danh khách hàng là gì, các thông tin định dạnh khách hàng trong lĩnh vực ngân hàng bao gồm (tối thiểu) các thông tin cụ thể gì để có cơ sở xác định. | Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
| MBBank | Khoản 3: Đề nghị bổ sung phần gạch chân dưới đây:  “*Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cung cấp thông tin liên quan đến định danh khách hàng, tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, thông tin về tổ chức, cá nhân là bên bảo đảm tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các thông tin có liên quan khác theo quy định pháp luật, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, tổ chức khác, cá nhân có quyền yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng được quy định cụ thể tại bộ luật, luật, nghị quyết của Quốc hội hoặc được sự chấp thuận của khách hàng/* ***bên đảm bảo tại tổ chức tín dụng chi nhánh ngân hàng nước ngoài*** *hoặc người đại diện hợp pháp của khách hàng/* ***bên bảo đảm tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài****.”* | Hiện nay dự thảo Luật quy định thông tin bảo mật là thông tin khách hàng của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Chính phủ. Do đó việc bổ sung như đề xuất của MBBank là không cần thiết |
| Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV KEXIM Việt Nam | Đề xuất sửa đổi theo hướng làm rõ thông tin về tổ chức, cá nhân là bên bảo đảm bao gồm những thông tin cụ thể nào do Luật CTCTD sửa đổi và Nghị định 117/2018/NĐ-CP về việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đều có quy định thông tin về tổ chức, cá nhân là bên bảo đảm là một trong các thông tin cần phải bảo mật, nhưng không liệt kê cụ thể thông tin về tổ chức, cá nhân là bên bảo đảm bao gồm những thông tin cụ thể nào. Việc không có hướng dẫn cụ thể sẽ gây khó khăn trong quá trình áp dụng pháp luật. | Hiện nay dự thảo Luật quy định thông tin bảo mật là thông tin khách hàng của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Chính phủ, không quy định thông tin của bên bảo đảm. |
|  | **Điều 15** | BIDV | Đề xuất bổ sung cụm từ “**hệ thống thông tin**” vào nội dung Điều 15 để đầy đủ hơn, cụ thể:  Điều 15. An toàn **hệ thống thông tin**, dữ liệu và đảm bảo hoạt động liên tục  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xây dựng giải pháp đảm bảo an toàn **hệ thống thông tin**, dữ liệu, khả năng hoạt động liên tục, khả năng truy cập dữ liệu của người dùng và các cơ quan chức năng tại Việt Nam  2. Việc xây dựng giải pháp đảm bảo an toàn **hệ thống thông tin**, dữ liệu, khả năng hoạt động liên tục, khả năng truy cập dữ liệu của quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và các tổ chức tín dụng không nhận tiền gửi thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. | Điều 15 dự thảo Luật đã được rà soát và quy định rõ ràng, cụ thể |
| Vietcombank | Khoản 1: Xem xét sửa khoản 1 Điều 15 Dự thảo theo hướng: *Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xây dựng giải pháp đảm bảo an toàn dữ liệu, khả năng hoạt động liên tục, khả năng truy cập dữ liệu của người dùng và các cơ quan chức năng tại Việt Nam phù hợp với quy định pháp luật.*  Ngoài ra, đề xuất cơ quan soạn thảo ban hành văn bản hướng dẫn, quy định về các tiêu chí tối thiểu của giải pháp đảm bảo an toàn dữ liệu, khả năng hoạt động liên tục, khả năng truy cập dữ liệu của người dùng và các cơ quan chức năng tại Việt Nam. | Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
| VPBank | Sửa đổi khoản 1 Điều 15 như sau:*“Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xây dựng giải pháp đảm bảo an toàn dữ liệu và khả năng hoạt động liên tục”.* Do Việc xây dựng giải pháp đảm bảo an toàn dữ liệu và khả năng hoạt động liên tục là cần thiết và phù hợp với thực tế hoạt động của các tổ chức tín dụng, tuy nhiên việc đảm bảo khả năng ***truy cập dữ liệu của người dùng và các cơ quan chức năng tại Việt Nam***là quy định quá rộng và khó khả thi, cụ thể:  + Quy định này có thể dẫn đến cách hiểu người dùng và các cơ quan chức năng sẽ có quyền yêu cầu khả năng truy cập các hệ thống dữ liệu của các tổ chức tín dụng => không đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin;  + Trong khi đó, để đảm bảo việc phối hợp với các quan chức năng thì tại Điều 14 đã có quy định về việc tổ chức tín dụng cung cấp thông tin giao dịch của khách hàng cho các cơ quan chức năng khi được yêu cầu và phù hợp quy định pháp luật. | Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
| MBBank | Khoản 1: Đề xuất sửa đổi theo hướng:  *Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xây dựng giải pháp đảm bảo an toàn dữ liệu, khả năng hoạt động liên tục, khả năng truy cập dữ liệu của người dùng. Khách hàng được truy cập và cung cấp các thông tin của khách hàng theo quy định pháp luật; việc truy cập dữ liệu khách hàng thực hiện theo thỏa thuận giữa khách hàng với TCTD. Cơ quan chức năng tại Việt Nam thực hiện truy cập dữ liệu người dùng tại TCTD theo quy định pháp luật có liên quan vì* Theo dự thảo Nghị định của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân, các thông tin của khách hàng/dữ liệu của người dùng mà TCTD cung ứng dịch vụ phần lớn đều được xác định là dữ liệu cá nhân nhạy cảm. Theo đó, việc xử lý thông tin này phải tuân thủ quy định chặt chẽ của dự thảo Nghị định như: *chủ thể dữ liệu phải được giải thích rằng dữ liệu cần xử lý là dữ liệu cá nhân nhạy cảm và sự đồng ý của chủ thể dữ liệu ở định dạng có thể được in, sao chép bằng văn bản; Dữ liệu cá nhân nhạy cảm phải được đăng ký với Ủy ban bảo vệ dữ liệu cá nhân trước khi tiến hành xử lý[[2]](#footnote-2)*). Do đó, việc Cơ quan chức năng tại Việt Nam truy cập dữ liệu người dùng tại TCTD theo quy định pháp luật có liên quan, tránh quy định chung dẫn đến các cơ quan đều có quyền yêu cầu truy cập vào hệ thống của TCTD | Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
| Techcombank | Tổ chức tín dụng, ngân hàng nước ngoài phải xây dựng giải pháp đảm bảo an toàn dữ liệu, khả năng hoạt động liên tục, khả năng truy cập dữ liệu của người dụng và các cơ quan chức năng tại Việt Nam *theo quy định của Luật* Để đảm bảo an toàn dữ liệu của các TCTD, đề nghị NHNN quy định rõ các cơ quan nào có quyền truy cập vào hệ thống dữ liệu của các TCTD tại các Luật, bộ luật, và quy định rõ phạm vi truy cập của cơ quan nhà nước đó. | Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
| Ngân hàng Đại chúng TNHH KASIKORNBANK | Đối với quy định về đảm bảo an toàn dữ liệu và khả năng hoạt động liên tục, theo đề nghị sửa đổi yêu cầu các chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xây dựng cơ sở dữ liệu đảm bảo khả năng truy cập dữ liệu của người dùng và **các cơ quan chức năng tại Việt Nam.**  Chúng tôi nhận thấy quy định này gây ra những khó khăn: việc xây dựng các tiêu chuẩn về cơ sở dữ liệu của mỗi ngân hàng đảm bảo tuân thủ đúng các quy định hướng dẫn của NHNN cũng như đảm bảo các tiện ích tối đa cho khách hàng, tuy nhiên mỗi cơ quan chức năng tại Việt Nam có các nhu cầu trích xuất và sử dụng các nguồn dữ liệu (các trường thông tin dữ liệu) khác nhau. Trong mọi trường hợp tổ chức tín dụng sẽ luôn nổ lực tối đa để thực hiện hoạt động hỗ trợ cung cấp dữ liệu cho các cơ quan theo yêu cầu, tuy nhiên, trong một số trường hợp vẫn cần phải thực hiện việc tổng hợp và cung cấp dữ liệu theo từng nhu cầu riêng biệt (của mỗi cơ quan cụ thể theo từng công văn hướng dẫn). Theo đó, nội dung điều khoản này dẫn đến cách hiểu rằng cơ sở dữ liệu của mỗi ngân hàng cần phải đáp ứng tất cả các dữ liệu để tất cả các cơ quan chức năng tại Việt Nam có thể truy cập. | Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
|  | **Điều 17** | Ngân hàng Chính sách xã hội | Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, tiếp tục kế thừa các quy định về Ngân hàng chính sách trong Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 để hoàn thiện dự thảo Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi), cụ thể:  1. Quy định rõ địa vị pháp lý của Ngân hàng chính sách. Theo đó, trong các loại hình ngân hàng, bên cạnh Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Hợp tác xã (hiện đang quy định tại khoản 2 Điều 4 dự thảo), cần quy định có Ngân hàng chính sách.  2. Đề nghị giữ lại nội dung Điều 17 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 để quy định thành 1 Điều trong Luật các Tổ chức tín dụng (sửa đổi); đồng thời bổ sung nội dung “Hoạt động của Ngân hàng Chính sách không vì mục đích lợi nhuận, được Nhà nước bảo đảm khả năng thanh toán, tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng 0% (không phần trăm), không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi, được miễn thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước”. Nội dung đề nghị bổ sung này đang được quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định 78/2002/NĐ-CP, phù hợp với hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận của Ngân hàng chính sách cần được quy định trong Luật. | Tiếp thu theo hướng chuyển quy định tại Khoản 1, 2 Điều 17 Luật các TCTD hiện hành lên khoản 2 Điều 1 dự thảo Luật, tiếp tục khẳng định ngân hàng chính sách là ngân hàng do Chính phủ thành lập. Các nội dung do Ngân hàng Chính sách xã hội đề nghị sẽ được quy định tại Nghị định của Chính phủ, mà không quy định tại Luật các TCTD, trong đó có quy định thuộc phạm vi điều chỉnh của các Luật Thuế, Luật Ngân sách Nhà nước mà không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật các TCTD. |
|  | **Điều 20** | Viecombank | Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 20 theo hướng:  ***c) Có cam kết hoạt động dự kiến xin phép thực hiện tại Việt Nam phải là hoạt động mà tổ chức tín dụng nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài thành lập;* *và được phép thực hiện tại Việt Nam theo quy định tại Luật này*** | Không cần thiết vì khi cấp phép, cơ quan quản lý phải xem xét hoạt động dự kiến xin phép thực hiện tại Việt Nam là hoạt động được phép thực hiện tại Việt Nam |
|  |  |  |
|  |  |  |
| PGBank | (iii) Điều kiện chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp phép dự định bổ sung *điều kiện về tình hình tuân thủ pháp luật và tình hình hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam đã có hiện diện tại Việt Nam đối với đề nghị thành lập chi nhánh thứ 2 trở lên.* Vậy điều kiện cụ thể dự định bổ sung là gì?  (iii)Bổ sung điều kiện cụ thể về *tình hình tuân thủ pháp luật và tình hình hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam đã có hiện diện tại Việt Nam đối với đề nghị thành lập chi nhánh thứ 2 trở lên.* | Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
|  | **Điều 24** | Bắc Á Bank | Đề nghị sửa Điều 24 theo hướng tổ chức tín dụng phải **đăng ký doanh nghiệp**, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng phải đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật.  Đề nghị sửa Điều 25 thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.  Đề nghị sửa Điều 26 thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động vì:  Điều 26 Luật Doanh nghiệp quy định trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp.  Điều 28 Luật Doanh nghiệp quy định nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.  Điều 29 Nghị định 01/2021/NĐ-CP quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng | **Nghiên cứu tiếp thu** |
|  | **Điều 25** |  |  |  |
|  |  |  |
| Công ty Tài chính TNHH MTV Shinhan Việt Nam | Hiện nay vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể để các tổ chức tín dụng thực hiện việc công bố thông tin hoạt động trên phương tiện truyền thông của Ngân hàng nhà nước. Do đó, đề xuất Ngân hàng nhà nước có hướng dẫn cụ thể về hình thức này vì Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng phải công bố trên phương tiện truyền thông của Ngân hàng Nhà nước và trên một tờ báo viết hàng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động các thông tin sau đây:… | Các quy định tại dự thảo Luật mang tính khái quát, việc hướng dẫn cụ thể để các TCTD thực hiện việc công bố thông tin hoạt động trên phương tiện truyền thông của NHNN có thể được quy định tại các Thông tư liên quan (nếu cần thiết) |
| Bắc Á Bank | Để giảm bớt thủ tục hành chính và tạo thuận tiện cho các Ngân hàng Thương mại theo đó đề xuất sửa “Các phương tiện truyền thông” thành “Cổng thông tin điện tử” vì Phương tiện truyền thông của NHNN được hiểu bao gồm cổng thông tin điện tử (sbv.gov.vn); Thời báo Ngân hàng, Tạp chí Ngân hàng. Để thuận lợi trong việc thực hiện đề nghị chỉ quy định việc công bố thông tin hoạt động trên công thông tin điện tử của NHNN (sbv.gov.vn) và sửa cụm từ “*các phương tiện truyền thông*” thành “*cổng thông tin điện tử*”. | Việc sửa đổi cụm từ “phương tiện thông tin” thành “phương tiện truyền thông” phù hợp với cách dùng từ ‘truyền thông” hiện nay của Bộ Thông tin và truyền thông.  Ngoài ra, việc quy định TCTD công bố thông tin “phương tiện truyền thông của NHNN” sẽ tạo thuận lợi hơn cho các TCTD trong quá trình công bố thông tin, không bó hẹp trong phạm vi Cổng thông tin điện tử NHNN. |
|  | **Điều 29** | Vietcombank | Đề xuất quy định thống nhất giữa nội dung khoản 5 Điều 10 và điểm e khoản 1 Điều 29 Dự thảo do: Khoản 5 Điều 10 Dự thảo về Bảo vệ quyền lợi của khách hàng: *“Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được phép ngừng giao dịch quá 01 ngày làm việc, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 29 của Luật này”.* | Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
| Techcombank | Điểm e khoản 1: Đề nghị bổ sung hướng dẫn với các trường hợp chưa có quy định vì Theo quy định tại Khoản 5 Điều 10 Luật các TCTD:  “*Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được phép ngừng giao dịch quá 01 ngày làm việc, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 29 của Luật này*.”  Tuy nhiên, theo điểm e Khoản 1 Điều 29 thì tạm ngừng làm việc từ 05 ngày trở lên mới thuộc trường hợp phải được NHNN chấp thuận. Do đó, chưa có cơ chế đối với trường hợp tạm ngừng hoạt động từ 02 đến 05 ngày làm việc. Kính đề nghị Ban soạn thảo xem xét làm rõ.  Ngoài ra, quy định này chưa rõ việc tạm ngừng hoạt động ở đây là tạm ngừng toàn bộ các đơn vị kinh doanh của TCTD hay tạm ngừng kinh doanh của bất cứ đơn vị nào của TCTD (chi nhánh/PGD/trụ sở chính...) có phải được NHNN chấp thuận hay không | Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
| Bắc Á BAnk | Điểm e Khoản 1: Đề nghị xem xét bổ sung quy định đối với trường hợp tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ 05 ngày làm việc trở lên đối với chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tín dụng do Nội dung quy định này áp dụng với trường hợp tổ chức tín dụng tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ 05 ngày làm việc trở lên. Tuy nhiên, thực tế rất hiếm khi xảy ra đối với tổ chức tín dụng mà chỉ hay xảy ra đối với trường hợp chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng thương mại phải tạm ngừng hoạt động kinh doanh khi bên cho thuê đột xuất chấm dứt cho thuê mà chưa kịp thuê được địa điểm mới hoặc phải nâng cấp, sửa chữa trụ sở hiện tại. Khi đó có thể xem xét cho phép chi nhánh, phòng giao dịch tạm ngừng hoạt động và hướng dẫn khách hàng đến giao dịch tại chi nhánh, phòng giao dịch khác gần với địa điểm cũ. | Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
|  |  |  |
| VPBank | **Điểm đ Khoản 1:**  “Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu; mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên góp vốn; mua bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn; mua bán, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến cổ đông lớn thành cổ đông thường và ngược lại, ***áp dụng đối với tổ chức tín dụng cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán*. *Riêng đối với trường hợp tổ chức tín dụng cổ phần đã niêm yết, đã đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán thì cổ đông lớn thực hiện việc xin chấp thuận của Ngân hàng nhà nước bằng văn bản trước khi thực hiện việc mua bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn; mua bán, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến cổ đông lớn thành cổ đông thường và ngược lại.*** Trường hợp mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn, bên mua, nhận chuyển nhượng phải đáp ứng điều kiện đối với chủ sở hữu, thành viên góp vốn theo quy định tại các điều 20, 70 và 71 của Luật này.”  Lý do: hiện nay, đối với các tổ chức tín dụng cổ phần đã niêm yết, đã đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán thì hoạt động mua bán, chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông sẽ do cổ đông chủ động thực hiện và không thông qua/đăng ký với Tổ chức tín dụng. Do đó, việc yêu cầu Tổ chức tín dụng thực hiện xin chấp thuận trước bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước là không phù hợp. | Tiếp thu theo hướng bổ sung nội dung “*Chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông, người mua, nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của tổ chức tín dụng có trách nhiệm phối hợp với tổ chức tín dụng trước khi thực hiện các hoạt động quy định tại điểm này;* |
|  |  |  |
|  |  |  |
| CB | Đề nghị bổ sung vào điểm c khoản 1 Điều 29: *“c) Địa điểm đặt trụ sở chi nhánh của TCTD*; ***trừ trường hợp việc thay đổi địa điểm do quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thay đổi địa giới hành chính****”để đảm bảo phù hợp với khoản a điều này.* | điểm a khoản 1 Điều 29 dự thảo Luật được giữ nguyên như Luật hiện hành, do đó không cần sửa điểm c khoản 1 Điều 29 như đề xuất của CB |
|  | **Điều 30** | MBBank | **Khoản 2:** Đề nghị bổ sung vào Khoản 2 Điều 30 Dự thảo Luật sửa đổi như sau để bảo đảm chính xác:  *“Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể điều kiện, hồ sơ và thủ tục* ***chấp thuận*** *thành lập,* ***thay đổi hình thức pháp lý****, chấm dứt, giải thể đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này đối với từng loại hình tổ chức tín dụng”.* | Dự thảo Luật không quy định về “thay đổi hình thức pháp lý” đối với các loại hình thuộc mạng lưới hoạt động của TCTD |
| Bắc Á Bank | - Khoản 1 Điều 3 Thông tư 21/2013/TT-NHNN quy định: “*Mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại bao gồm chi nhánh,* ***phòng giao dịch****, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước…*”.  - Khoản 3 Điều 44 Luật Doanh nghiệp quy định: “*Địa điểm kinh doanh là nơi doanh nghiệp tiến hành hoạt động kinh doanh cụ thể*”.  - Khoản 2 Điều 40 Luật Doanh nghiệp quy định: “*Tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải bao gồm tên doanh nghiệp kèm theo cụm từ “Chi nhánh” đối với chi nhánh, cụm từ “Văn phòng đại diện” đối với văn phòng đại diện,* ***cụm từ “Địa điểm kinh doanh” đối với địa điểm kinh doanh***.”  - Các phòng giao dịch của ngân hàng thương mại được NHNN chấp thuận thành lập với tên gọi: Ngân hàng thương mại A-Chi nhánh B-Phòng giao dịch C.  Tuy nhiên, khi thực hiện thông báo lập địa điểm kinh doanh sẽ được Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh với tên gọi: Ngân hàng thương mại A-Chi nhánh B- Địa điểm kinh doanh Phòng giao dịch C.  Do tên gọi quá dài so với kích thước con dấu nên con dấu của phòng giao dịch thường được ngân hàng thương mại khắc với cụm từ: Ngân hàng thương mại A-Chi nhánh B-Phòng giao dịch C.  Như vậy, tên gọi của phòng giao dịch có sự không thống nhất tại văn bản chấp thuận của NHNN, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh và con dấu gây khó khăn trong hoạt động.  - Từ các vấn đề nêu trên, đề nghị bổ sung quy định ***“phòng giao dịch”*** vào Điểm a Khoản 1 Điều 30, đồng thời giao NHNN quy định cụ thể tên gọi của phòng giao dịch để đảm bảo tính hiệu lực của pháp luật chuyên ngành so với quy định của Luật Doanh nghiệp về địa điểm kinh doanh. | Thực tiễn các TCTD vẫn thực hiện quy định tai khoản 1 Điều 30 Luật các TCTD theo hướng dẫn của NHNN mà không gặp vướng mắc. Do đó dự thảo Luật giữ nguyên quy định hiện hành |
|  | **Điều 31** | VIB | Điểm g khoản 1: Sau khi hết thời gian hạn chế, cổ đông sáng lập vẫn có thể chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, thay đổi số cổ phần, thay đổi tên, địa chỉ, giải thể, chết.  Do vậy, với quy định tại điều khoản này thì mỗi khi có thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập thì TCTD phải sửa đổi Điều lệ dẫn đến TCTD bị động trong vấn đề xử lý và tốn kém thời gian, nhân lực trong việc sửa đổi Điều lệ, thậm chí không thể thực hiện được việc cập nhật do cổ đông sáng lập không hợp tác hoặc TCTD không thể liên hệ được với họ.  Đồng thời chưa có quy định/hướng dẫn “*các đặc điểm cơ bản khác của cổ đông sáng lập*” là như thế nào để thực hiện, ví dụ: từ “sống” chuyển sang “chết”, việc giải thể/phá sản, lĩnh vực sản xuất kinh doanh của cổ đông sáng lập có phải là “đặc điểm cơ bản” không? Và khi có những thay đổi này thì sửa đổi trong Điều lệ như thế nào?  Đề nghị quy định cho phép TCTD không cần cập nhật thông tin của cổ đông sáng lập sau khi hết thời gian hạn chế. | Nội dung này tại Điều lệ là yêu cầu không chỉ với cổ đông sáng lập mà vớ cả thành viên góp vốn của TCTD là công ty trách nhiệm hữu hạn. Quy định này để đảm bảo thông tin thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập của TCTD được ghi nhận cụ thể, minh bạch. |
|  | **Điều 32** | BIDV | Đề xuất xem xét sửa đổi:  -Luật Doanh nghiệp 2020 có quy định về mô hình Ủy ban Kiểm toán trong cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần, cụ thể:  *“Điều 137. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần:*  *1. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, công ty cổ phần có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau đây:*  *a) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban Kiểm soát.*  *b) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có* ***Ủy ban Kiểm toán*** *trực thuộc Hội đồng quản trị. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm toán quy định tại Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán do Hội đồng quản trị ban hành.”*  Theo đó, đê nghị nghiên cứu Tổ chức tín dụng cổ phần được quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau đây:  - Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).  *-* Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có **Ủy ban Kiểm toán** trực thuộc Hội đồng quản trị để tạo hướng mở cho các TCTD lựa chọn mô hình UBKT hoặc Ban kiểm soát như Luật Doanh nghiệp năm 2020, đề xuất xem xét sửa đổi sửa đổi khoản 1 Điều 32 Luật các TCTD như nội dung tham gia. | Mô hình hoạt động hiện tại của TCTD quy định tại Luật các TCTD đảm bảo có các bộ phận độc lập thực hiện kiểm soát các hoạt động của TCTD, qua đó đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng. Do đó dự thảo Luật giữ nguyên quy định hiện hành |
|  | **Điều 33** | Vietcombank | **- Điểm đ, e khoản 2:** Cần quy định rõ *“doanh nghiệp Nhà nước”* là *“doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết”* hay *“doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”.* | Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
| VIB | **- Khoản 1:** Để xác định rõ chức danh tương đương đề xuất sửa thành “*Chức danh tương đương của TCTD được quy định trong điều lệ của TCTD*”. | Cân nhắc tiếp thu |
| VPBank | **- Điểm (i) khoản 1:** Nội dung này có thể dẫn tới 02 cách hiểu:  + Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và chức danh tương đương của Quỹ tín dụng nhân dân không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc **của cùng Quỹ tín dụng nhân dân đó**; hay  + Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và chức danh tương đương của Quỹ tín dụng nhân dân không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) **của Tổ chức tín khác nữa**.  Vì vậy đề nghị ban soạn thảo sửa rõ điều khoản này để các tổ chức tín dụng có cơ sở tiếp tục góp ý. | Tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo Luật thành “của cùng Quỹ tín dụng nhân dân đó” |
| Bắc Á Bank | **Điểm (i) khoản 1: Kiến nghị sửa lại là:**  i) Những người có liên quan của thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát, giám đốc, phó giám đốc và chức danh tương đương của **cùng một** quỹ tín dụng nhân dân |
|  | VIB | Chưa thống nhất giữa Điều 33 Luật TCTD với Điều 17 LDN quy định về tổ chức, cá nhân không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam.  Ví dụ như sau:   * Điều 33.2.b Luật TCTD quy định: *”Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;”* * Điều 17.2.e LDN quy định: *“Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;”*   *=>* Cùng nội dung tương tự nhưng hai luật đang quy định khác nhau dẫn đến mẫu thuẫn, chồng chéo khi áp dụng. Trên thực tế thì quy định của LDN đầy đủ hơn, chặt chẽ hơn.  Đề nghị điều chỉnh thống nhất với LDN cho đầy đủ hơn, chặt chẽ hơn và để đảm bảo việc áp dụng quy định pháp luật một cách thống nhất. | Tại Điều 3 dự thảo Luật đã có quy định nguyên tắc áp dụng pháp luật, theo đó đối với tổ chức, hoạt động của TCTD ưu tiên áp dụng Luật các TCTD.  Do đó ý kiến có sự mâu thuẫn, chồng chéo giữa Luật TCTD và Luật DN là chưa đúng**.** |
|  | **Điều 39** | VIB | - Khoản 4: TCTD đang đồng thời thực hiện báo cáo các nội dung theo Điều 39 Luật TCTD theo Công văn 2314/TTGSNH4 ngày 30/06/2020 của NHNN về yêu cầu báo cáo nhân sự chủ chốt và thời hạn thực hiện báo cáo định kỳ hàng Quý.  Để tránh trùng lặp báo cáo, đề xuất sửa thành “*TCTD phải thông báo bằng văn bản cho NHNN các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này theo hướng dẫn của NHNN*”.  Hoặc chỉ quy định tại Luật TCTD theo đó thời hạn báo cáo quy định tương tự như Công văn 2314/TTGSNH4. | Tại Điều 140 dự thảo Luật quy định trách nhiệm báo cáo chung của TCTD và giao NHNN hướng dẫn chung.  Nội dung tại khoản 4 là báo cáo khi có biến động. |
|  | **Điều 40** | BIDV | - Đề nghị xem xét chỉnh sửa:  “TCTD phải triển khai ứng dụng công nghệ **phù hợp** trong hoạt động kiểm soát nội bộ theo hướng dẫn của NHNN” phù hợp theo Thông tư 13.  Tại Thông tư 13, NHNN chưa có quy định riêng về ứng dụng công nghệ trong hoạt động kiểm soát nội bộ mà chỉ lồng ghép yêu cầu các TCTC Quản lý ứng dụng công nghệ phù hợp trong các quy định quản lý từng loại rủi ro riêng.  - Điều 40 Luật các TCTD quy định về ***hệ thống kiểm soát nội bộ***, không giới hạn ở hoạt động kiểm soát nội bộ. Nếu Dự thảo của NHNN bổ sung nội dung này tại Điều 40 Luật các TCTD: cần quy định rõ đối với ***hệ thống kiểm soát nội bộ*** |  |
| **- Khoản 3**  Hiện Thông tư 24/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của TT 39, quy định: “Trước mắt NHNN sẽ hướng dẫn thực hiện kiểm toán hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ ***theo từng cấu phần”.***  Như vậy, việc kiểm toán độc lập đối với hệ thống KSNB của các TCTD, Chi nhánh NHNNg hiện nay, đang thực hiện theo hướng dẫn của NHNN (với phạm vi kiểm toán theo từng cấu phần) mà chưa thể bao gồm toàn bộ phạm vi đối với toàn bộ hệ thống kiểm soát nội bộ theo quy định của Luật TCTD. Vì vậy đề nghị bổ sung như sau: “Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải được kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá định kỳ ***theo hướng dẫn của NHNN”*** | Tiếp thu, dự thảo đã chỉnh sửa như sau” NHNN có quyền yêu cầu TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thuê công ty kiểm toán độc lập đánh giá một phần hoặc toàn bộ khi xét thấy cần thiết. |
|  | **Điều 43** | Công ty Tài chính TNHH MTV Lotte Việt Nam | Đề xuất bỏ quy định này.  Việc quyết định có Thư ký hay Bộ máy giúp việc sẽ do TCTD quyết định, miễn là đảm bảo hiệu quả, chất lượng hoạt động của HĐQT, HĐTV.  Quy định này là không cần thiết. Tổ chức thêm một Bộ phận giúp việc cũng không có ý nghĩa gì nếu TCTD không có nhu cầu. | Dự thảo quy định “bộ phận giúp việc” là quy định chung để các TCTD có thể lựa chọn, không bắt buộc phải là Thư ký như hiện nay. |
| Công ty cho thuê tài chính Á Châu | Cần quy định cụ thể về thời gian của nhiệm kỳ HĐTV “nhiệm kỳ HĐTV không quá 05 năm”  Lý do:  +Thống nhất với quy định về nhiệm kỳ của HĐQT  +Quy định này viện dẫn về nhiệm kỳ của thành viên HĐTV, thành viên HĐTV được bổ sung hoặc thay thế thì theo nhiệm kỳ của HĐTV tuy nhiên luật các TCTD không có quy định về thời gian nhiệm kỳ của HĐTV. | Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật. |
| PGBank | (i) Nội dung về nhiệm kỳ của HĐQT, HĐTV quy định tương tự như Luật Các TCTD hiện hành, vậy sao phải tách thành hai phần có nội dung tương tự nhau? Bên cạnh đó, nội dung *Nhiệm kỳ của Chủ tịch HĐTV và các Thành viên HĐTV không quá 05 năm”* sao phải tách thành nhiệm kỳ của Chủ tịch HĐTV và Thành viên HĐTV khi cả Chủ tịch HĐTV và Thành viên HĐTV đều thuộc HĐTV?  (ii) Quy định mới đã bỏ nội dung *HĐQT, HĐTV của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT, HĐTV của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.* Vậy khi HĐQT, HĐTV chưa tiếp quản công việc thì thực hiện như thế nào? | Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
| Exinbank | - Khoản 2: *Đề nghị giữ lại cụm từ “*Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc*”.* ***Lý do****: có cơ chế xử lý khi chuyển tiếp nhiệm kỳ và để thống nhất với quy định chuyển tiếp nhiệm kỳ của BKS quy định tại khoản 4 Điều 44 Luật Các TCTD.* | Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
| Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài gòn Thương tín | - Khoản 2: Xét thấy, theo nội dung dự thảo trên thì Công ty sẽ gặp một số khó khăn trong thực tiễn hoạt động, cụ thể một số trường hợp khi Hội đồng thành viên cũ đã kết thúc nhiệm kỳ nhưng Hội đồng thành viên mới vẫn chưa nhận được sự phê duyệt từ cơ quan có thẩm quyền hoặc chưa kịp thời tiếp quản công việc. Vì vậy nhằm tạo điều kiện xuyên suốt trong hoạt động công ty, Sacombank – SBL đề xuất giữ nguyên quy định của luật cũ nội dung “Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.” | Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật. Đối với HĐTV, dự thảo Luật không quy định nhiệm kỳ HĐTV, do đó không có quy định về việc kết thúc nhiệm kỳ HĐTV. |
| VIB | - Khoản 3 Điều 44 và khoản 5 Điều 44: Thời hạn 60 ngày để hoàn thành việc bổ sung thành viên HĐQT và BKS như quy định này là chưa khả thi bởi vì các TCTD cần thời gian nhiều hơn để thực hiện hoàn tất khối lượng lớn các công việc như (i) tìm kiếm các ứng cử viên thành viên HĐQT, BKS đáp ứng các tiêu chuẩn của Luật các TCTD, (ii) trình NHNN phê duyệt, (iii) thực hiện các công việc liên quan đến triệu tập Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bất thường để tiến hành bầu bổ sung các thành viên HĐQT và BKS.  Đề nghị quy định thời gian 120 ngày cho TCTD có điều kiện thực tế để hoàn thành bầu bổ sung đủ số lượng thành viên HĐQT, thành viên BKS. | Tiếp thu, chỉnh sửa thời hạn tại dự thảo Luật là 90 ngày |
|  | **Điều 44** | BIDV | **(i)** Tham chiếu quy định tại Luật Doanh nghiệp hiện hành về nhiệm vụ của BKS, phù hợp với vị trí và vai trò của BKS được ĐHĐCĐ/thành viên góp vốn/chủ sở hữu bầu, đề xuất sửa thành:  *1. Ban Kiểm soát* ***quản lý hoạt động*** *kiểm toán nội bộ,****;*** *kiểm soát, đánh giá* ***giám sát*** *việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu* ***đối với*** *Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên.*  **(ii)** Bổ sung nội dung quyền hạn của Chủ sở hữu tại Điều 66 và quyền hạn của thành viên góp vốn tại Điều 70 tương ứng với nội dung quy định “*Trưởng Ban kiểm soát do chủ sở hữu hoặc các thành viên góp vốn bổ nhiệm (tại các tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn)*” đã bổ sung tại khoản 2 Điều 44. | Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
| Công ty Tài chính TNHH MTV Shinhan Việt Nam | Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, ban kiểm soát của công ty TNHH một thành viên là không bắt buộc, công ty TNHH hai thành viên trở lên có 01 đến 05 thành viên. Theo đó, đối với tổ chức tín dụng là công ty TNHH một thành viên có quy mô nhỏ thì việc ban kiểm soát có 03 thành viên có thể dẫn đến việc quản trị điều hành không tập trung và kém hiệu quả. Đề xuất bổ sung trường hợp ban kiểm soát của các tổ chức tín dụng được là từ 01 thành viên trở lên như quy định của Luật Doanh nghiệp. | Do đặc thù hoạt động của các TCTD, việc quy định số lượng Ban kiểm soát từ 3 thành viên trở lên để đảm bảo nguồn lực thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát |
| VIB | **- Khoản 1:** Quy định này có được hiểu là Ban kiểm soát không trực tiếp thực hiện mà chỉ thực hiện việc “*quản lý công tác thực hiện kiểm toán nội bộ*” hoặc “*quản lý công tác kiểm soát, công tác đánh giá chấp hành quy định pháp luật*”. Nếu được hiểu như vậy, đề nghị xem xét sửa đổi các Điều 45-47 Luật TCTD cho phù hợp.  Ngoài ra, cần làm rõ khái niệm “*quản lý công tác*”. | Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
|  | **Điều 45** | BIDV | **(i)** Đề xuất bỏ nội dung “*Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ”* tại khoản 3 Điều 45 hoặc chỉnh sửa tương ứng với nội dung đã chỉnh sửa tại khoản 1 Điều 44.  **(ii)** Đề xuất bỏ khoản 7 do:  - Trên thực tế, trách nhiệm đầu tiên trong việc kê khai, cập nhật đầy đủ thay đổi về người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên HĐTV, thành viên BKS, TGĐ (GĐ) và công khai lợi ích liên quan thuộc về cá nhân từng thành viên. Theo quy định tại Điều 164 Luật DN, việc tập hợp và cập nhật danh sách người có liên quan, công khai lợi ích và công khai về người có liên quan của công ty thuộc trách nhiệm chung của công ty.  - Về trách nhiệm của BKS, theo quy định tại khoản 3 Điều 170 Luật DN, BKS có nhiệm vụ “*Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông*”. Việc lập, cập nhật danh sách quy định tại khoản 7 Luật các TCTD đã nằm trong nhiệm vụ giám sát này. | **(i) Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Luật**  (ii) Để thực hiện được việc rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thì Ban kiểm soát phải có được danh sách người có liên quan của TCTD. Việc lập danh sách không chỉ phục vụ cho hoạt động của BKS mà còn để đảm bảo các bộ phận nắm bắt, thực hiện đúng quy định. Bên cạnh đó, quy định này cũng để phục vụ cho yêu cầu quản lý nhà nước đối với hoạt động của TCTD. |
|  | **Điều 46** | BIDV | Đề xuất chỉnh sửa như sau:  “*7.* ***Xây dựng*** *kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát”.* | Quy định tại dự thảo Luật và đề xuất của BIDV về cơ bản cùng thể hiện một nội dung về nhiệm vụ của Trưởng ban kiểm soát. Do đó, dự thảo Luật giữ nguyên như quy định hiện hành |
|  | **Điều 47** | BIDV | **(i)** Tương ứng với nội dung dự kiến bổ sung tại khoản 2 Điều 44 về thẩm quyền bầu Trưởng Ban kiểm soát tại TCTD là công ty TNHH, đề xuất chỉnh sửa nội dung khoản 2 như sau:  *“2. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát,* ***trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật này.****”*.  **(ii)** Tương tự quy định tại khoản 9 Điều 45 về các trường hợp BKS được quyền yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường, nên xem xét bổ sung các trường hợp thành viên BKS được quyền yêu cầu triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường tại khoản 3 Điều 47. | (i) Tiếp thu, đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật.  (ii) Nội dung về các trường hợp BKS triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường tương ứng với Điều 44 (quyền, nghĩa vụ của BKS) đã được quy định tại Điều 45 về quyền, nghĩa vụ của Trưởng BKS. |
|  | **Điều 49** | VIB | - Khoản 2: Pháp luật chưa có hướng dẫn về “*hoạt động kinh doanh hàng ngày của TCTD*”. Đề nghị sửa thành “*Tổng Giám đốc quyết định (i) các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của tổ chức tín dụng; (ii) các vấn đề thuộc các hoạt động kinh doanh thông thường của TCTD đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép mà Điều lệ của TCTD không quy định thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT*.” | Đề xuất của TCTD vẫn sử dụng cụm từ “hoạt động kinh doanh hàng ngày của TCTD”. Tại khoản 2 đã quy định “quyết định các vấn đề thuôc thẩm quyền”, thẩm quyền của TGĐ quy định tại Luật, văn bản pháp luật và Điều lệ của TCTD. Do đó không cần thiết sửa đổi, bổ sung nội dung này. |
|  | **Điều 50** | BIDV | Để phù hợp với thực tiễn, tương tự quy định đối với thành viên HĐQT, thành viên HĐTV tại khoản 1 Điều 50 (tiêu chuẩn bằng cấp chỉ yêu cầu có bằng đại học trở lên; tiêu chuẩn kinh nghiệm mới quy định cụ thể ngành/lĩnh vực), nên **cân nhắc không quy định tiêu chuẩn về ngành, chuyên ngành đào tạo đối với thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc (Giám đốc)**. | Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Ban Kiểm soát là người trực tiếp điều hành hoặc kiểm soát các hoạt động thường xuyên, cụ thể của TCTD, do đó cần có những quy định cụ thể, chặt chẽ về tiêu chuẩn bằng cấp, kinh nghiệm trong các lĩnh vực tương ứng. |
| DBS Bank | Điều 50.4.c quy định Tổng giám đốc (Giám đốc) phải có đủ tiêu chuẩn, điều kiện sau: “có bằng đại học trở lên về một trong các ngành **hoặc chuyên ngành** kinh tế, quản trị kinh doanh, luật”. Chúng tôi nhận thấy rằng trên thực tế có nhiều cá nhân có thâm niên giữ vị trí quản lý trong ngành ngân hàng và đạt được những thành tựu nhất định. Tuy nhiên nếu những người này không có bằng đại học thuộc các ngành trên thì không đủ điều kiện. Như vậy sẽ hạn chế cơ hội cho những người giàu kinh nghiệm quản lý và năng lực giỏi. Nhiều quốc gia phát triển trên thế giới có hệ thống ngân hàng phát triển tốt không xét bằng cấp là yếu tố chính mà đánh giá trên năng lực và khả năng thực tiễn của từng cá nhân.  Do vậy, chúng tôi đề xuất Điều kiện quy định cho Tổng Giám đốc cũng giống điều kiện quy định cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên tại Điều 50.1, đó là không đề cập đến ngành nghề cụ thể trong bằng đại hoc:  “c. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành **hoặc chuyên ngành** kinh tế, quản trị kinh doanh, luật….” |
| Bắc Á Bank | Điểm d khoản 1: Đề nghị bỏ cụm từ “***hoặc chuyên ngành***” và ngành “***quản trị kinh doanh***” tại dự thảo sửa đổi.  Theo quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam thì danh mục hệ thống ngành kinh tế Việt Nam gồm 5 cấp và không có khái niệm/thuật ngữ “chuyên ngành”, đồng thời cũng không có ngành “quản trị kinh doanh”.  Do đó, đề nghị bỏ cụm từ “***hoặc chuyên ngành***” và ngành “***quản trị kinh doanh***” tại dự thảo sửa đổi, bổ sung quy định Điểm d Khoản 1 Điều 50 | Tiếp thu, dự thảo đã bỏ nội dung này |
| Bắc Á Bank | Đề xuất xem xét quy định rõ hơn về tiêu chuẩn, điều kiện “*có đạo đức nghề nghiệp*”. Luật Các TCTD đang quy định thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng phải có đạo đức nghề nghiệp. Tuy nhiên, đây là tiêu chuẩn, điều kiện mang tính chất định tính, rất khó khăn trong việc xác định nhân sự đáp ứng được hay không. | Tiêu chuẩn, điều kiện “có đạo đức nghề nghiệp” đối với người giữ các chức danh quản lý, điều hành TCTD là cần thiết để hạn chế các rủi ro phát sinh do sai phạm của người điều hành, quản lý TCTD. |
| VIB | Nội dung tiêu chuẩn, điều kiện của người quản lý, điều hành và một số chức danh ngoài việc được Luật TCTD quy định tại Điều 50 thì còn được quy định tại LDN.  Ví dụ Điều 50.4 Luật TCTD và Điều 162.5 LDN đều cùng quy định về tiêu chuẩn, điều kiện của Tổng giám đốc (Giám đốc), cụ thể:  *“Điều 162. Giám đốc, Tổng giám đốc công ty*  *5. Đối với công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật này và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật này thì Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:*  *a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;*  *b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;*  *c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.”*  => Theo đó, khi xét tiêu chuẩn, điều kiện của Tổng giám đốc (Giám đốc) thì TCTD chỉ cần căn cứ theo Điều 50.4 Luật TCTD hay cần phải đáp ứng cả các tiêu chuẩn, điều kiện được nêu tại Điều 162.5 LDN? Cùng một vấn đề nhưng hai luật đang quy định khác nhau dẫn đến mẫu thuẫn, chồng chéo khi áp dụng.  Đề nghị NHNN giải đáp rõ về tiêu chuẩn, điều kiện người quản lý, người điều hành và một số chức danh khác của tổ chức tín dụng chỉ cần áp dụng Luật CTCTD hay đồng thời phải áp dụng LDN?  Ngoài ra, các vấn đề chồng chéo, trùng lặp, mâu thuẫn với các QĐPL khác cần phải quy định rõ trong Luật CTCTD về nguyên tắc áp dụng luật là “**ưu tiên áp dụng Luật CTCTD**” để các TCTD và các cơ quan hữu quan xác định được nguyên tắc áp dụng đối với tất cả các trường hợp tương tự. | Tại Điều 3 dự thảo Luật đã có quy định nguyên tắc áp dụng pháp luật, theo đó đối với tổ chức, hoạt động của TCTD ưu tiên áp dụng Luật các TCTD. |
|  | **Điều 53** | BIDV | Không quy định rõ **phạm vi thông tin** được phép tra cứu và trích lục như tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 115 Luật Doanh nghiệp năm 2020: “Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về **tên và địa chỉ liên lạc** trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác **của mình**” Nhằm xác định rõ phạm vi thông tin được phép tra cứu, trích lục và đảm bảo tính bảo mật thông tin đối với một số nội dung nhạy cảm (số Căn cước công dân, số điện thoại, số lượng cổ phần sở hữu… của cổ đông phổ thông), cũng như nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa quy định của Luật TCTD và Luật doanh nghiệp, đề xuất sửa Khoản 5 cho phù hợp với Điểm đ, Khoản 1, Điều 115 Luật Doanh nghiệp năm 2020. | **Nghiên cứu tiếp thu** |
|  |  |  |
|  | **Điều 59** | BIDV | **Khoản 2:**  Khi so sánh với Khoản 2, Điều 138 Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì Luật TCTD chưa đề cập đến nội dung thẩm quyền về: (i) Thông qua mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; (ii) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết. Đề nghị Bổ sung vào Khoản 2, Điều 59 đối với 02 nội dung về thẩm quyền nêu trên của HĐQT cho thống nhất với quy định tại Khoản 2, Điều 138 Luật Doanh nghiệp năm 2020 hoặc quy định theo hướng dẫn chiếu đến Luật doanh nghiệp những thẩm quyền của ĐHĐCĐ và chỉ bổ sung các nội dung khác với Luật doanh nghiệp. | (i) Về thông qua mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần: đã được quy định tại điểm l khoản 2 Điều 5  (ii) Về thẩm quyền quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập hiện đã có hướng dẫn tại TT 39/2011/TT-NHNN |
| Vietcombank | Để có cơ sở xác định cấp có thẩm quyền quyết định phương án nhận chuyển giao bắt buộc trong nội bộ tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc nên Xem xét bổ sung quy định về thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông trong việc quyết định phương án nhận chuyển giao bắt buộc. | Việc chuyển giao là bắt buộc và việc xây dựng phương án chuyển giao bắt buộc của TCTD thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền |
| Viettinbank | Điều 59 và ĐIều 63:  Tại điểm p khoản 2 Điều 59 Luật Các TCTD quy định Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ, quyền hạn *“p) Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của tổ chức tín dụng có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc một tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng”*  Khoản 8 Điều 63 Luật Các TCTD quy định Hội đồng quản trị có nhiệm vụ, quyền hạn *“Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của tổ chức tín dụng từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của tổ chức tín dụng quy định tại điểm p khoản 2 Điều 59 của Luật này*”.  Tuy nhiên, phạm vi “tài sản” bao gồm những tài sản gì, có bao gồm các tài sản tài chính như tiền tệ, trái phiếu chính phủ, tín phiếu… không? Trong thực tiễn vận hành triển khai cho thấy đối với giao dịch đầu tư tín phiếu NHNN, bản chất tương tự như giao dịch cho vay, huy động liên ngân hàng ngắn hạn do cân đối thanh khoản tạm thời, cần quyết định trong ngày. Thông thường phiên gọi thầu của NHNN diễn ra đầu giờ chiều nên trong thời gian ngắn, việc trình HĐQT, Đại hội đồng cổ đông phê duyệt để thực hiện với các giao dịch mua bán với khối lượng trên 20%/10% Vốn điều lệ sẽ khó khả thi do thời gian gấp. Vì vậy, kính đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu loại trừ một số loại giao dịch đầu tư, mua, bán đối với các tài sản đặc thù không phải thông qua Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị. | Tiếp thu, quy định cụ thể tại dự thảo Luật là “tài sản cố định” |
| Eximbank | ***Khoản 3 Điều 59:*** *bổ sung nội dung sau vào điểm d: “*d) Trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác, việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện dưới hình thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ.”*.* ***Lý do****: làm rõ tỷ lệ trúng cử khi bầu dồn phiếu thống nhất với quy định của Luật Doanh nghiệp.* | Tại khoản 1 Điều 3 dự thảo Luật đã quy định: Việc thành lập, tổ chức và hoạt động…của TCTD phải tuân theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Trong trường hợp, dự thảo Luật đã quy định cách thức bầu (bầu dồn phiếu). Cách thức cụ thể của bầu dồn phiếu áp dụng theo quy định tương ứng tại Luật Doanh nghiệp |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  | **Điều 62** |  | Khoản 4, Điều 276, Nghị định 155 hướng dẫn Luật Chứng khoán quy định về số lượng thành viên HĐQT độc lập của công ty niêm yết yêu cầu đảm bảo quy định số lượng thành viên HĐQT độc lập tương ứng số lượng thành viên HĐQT. *Ví dụ:* *“Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên”.* Như vậy với các TCTD đã niêm yết nếu tuân thủ luật TCTD hiện hành thì sẽ không đảm bảo số lượng thành viên HĐQT độc lập theo quy định tại Nghị định 155.  Với các TCTD là công ty cổ phần, đặc biệt là các công ty cổ phần đại chúng lớn đã niêm yết cần tuân thủ các quy định về số lượng thành viên HĐQT độc lập theo Nghị định 155 hướng dẫn Luật Chứng khoán để đảm bảo hình ảnh và uy tín trên thị trường. Do vậy, cần nghiên cứu quy định đảm bảo tính thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng chung đối với cùng đối tượng là TCTD cổ phần (là công ty niêm yết). | Điều 61 dự thảo Luật chỉ quy định số lượng tối thiểu “ít nhất 01 thành viên độc lập”, do đó số lượng thành viên độc lập có thể cao hơn tùy thuộc điều kiện, yêu cầu từng TCTD. |
|  | **Điều 63** | VIB | - Khoản 10: Thực tế có các hợp đồng không phát sinh rủi ro cho TCTD, không phát sinh chi phí bất thường, không ràng buộc nghĩa vụ bất lợi cho TCTD và thuộc hoạt động kinh doanh thường xuyên, thông thường của TCTD như hợp đồng mở tài khoản, hợp đồng tiền gửi, hợp đồng mua chứng chỉ tiền gửi,…  Đề xuất HĐQT chỉ thông qua Hợp đồng mà TCTD cấp tín dụng và mua sắm hàng hóa, dịch vụ với hạn mức nhất định.  Các Hợp đồng khác do HĐQT phân quyền cho Tổng Giám đốc hoặc quy định luôn cho Tổng Giám đốc được quyền quyết định. | Đây là các giao dịch với người có liên quan, người quản lý, điều hành, cổ đông lớn của TCTD, do đó cần được HĐQT thông qua |
|  | **Điều 66** | Công ty Tài chính TNHH MTV Shinhan Việt Nam | Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, hội đồng thành viên của công ty TNHH một thành viên là từ 03 đến 07 thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên tùy thuộc vào số lượng thành viên. Theo đó, đối với tổ chức tín dụng là công ty TNHH một thành viên có quy mô nhỏ thì việc hội đồng thành viên có ít nhất 05 thành viên có thể dẫn đến việc quản trị điều hành không tập trung và kém hiệu quả. Đề xuất bổ sung trường hợp số thành viên của hội đồng thành viên tại các tổ chức tín dụng là từ 03 thành viên trở lên tương tự quy định của Luật Doanh nghiệp. | Do quy mô tổ chức và tính chất hoạt động của TCTD lớn và phức tạp, do đó quy định số lượng Hội đồng thành viên tai Luật là phù hợp |
| Công ty cho thuê tài chính Á Châu | Bổ sung quy định Chủ sở hữu được quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với chức danh Trưởng ban kiểm soát.  **Lý do:** phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 44 “Trưởng ban kiểm soát do chủ sở hữu hoặc các thành viên góp vốn bổ nhiệm (tại các tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn)… | Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
| UOB | Đề xuất không bổ sung nội dung “với nhiệm kỳ không quá 5 năm” vào Điều điểm c khoản 1 Điều 66 của Dự thảo Luật. Theo đó, Chủ sở hữu được toàn quyền quyết định thời gian đảm nhiệm chức vụ của các nhân sự đảm nhiệm các chức danh Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng, và không bị hạn chế thời gian 5 năm. |
|  | **Điều 90** | VIB | **- Khoản 3:** Nội dung điều luật trên đây được hiểu theo 2 cách:  Cách 1: TCTD chỉ được thực hiện hoạt động kinh doanh nếu Giấy phép có ghi nhận **và** hoạt động kinh doanh đã được ghi trong Giấy phép đó đã có hướng dẫn của NHNN, quy định của pháp luật, tập quán quốc tế có liên quan.  Cách 2: TCTD được thực hiện hoạt động kinh doanh nếu (i) Giấy phép có ghi nhận, **hoặc** (ii)nếuhoạt động kinh doanh đó chưa được ghi trong Giấy phép nhưng đã có hướng dẫn của NHNN, quy định của pháp luật, tập quán quốc tế có liên quan.  Đồng thời, hiện nay, TCTD lúng túng khi không rõ như thế nào được xem là đã có hoặc theo hướng dẫn của NHNN, pháp luật.  Một số hoạt động NHNN chỉ có văn bản chấp thuận riêng mà không ghi nhận trên Giấy phép của TCTD.  Đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung quy định cụ thể để giải quyết vướng mắc cho các TCTD. | (i) Tiếp thu, chỉnh sửa khoản 3 dự thảo Luật như sau: Các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của TCTD quy định tại Luật này thực hiện theo hướng dẫn của NHNN, quy định của pháp luật có liên quan.  (ii) Các hoạt động của TCTD đều phải được ghi trong Giấy phép. Văn bản chấp thuận của NHNN cũng là một phần của Giấy phép. |
| Techcombank | **- Khoản 3:** Đề nghị NHNN quy định rõ hơn, nếu chưa có quy định pháp luật hoặc hướng dẫn của NHNN thì có thể áp dụng theo Thông lệ quốc tế vì theo quy định tại Khoản 2,3 Điều 90 Luật các TCTD hiện hành thì nguyên tắc là các TCTD chỉ được thực hiện hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác khi có Giấy phép và có hướng dẫn của NHNN. Tuy nhiên thực tế qua rà soát cho thấy nhiều nghiệp vụ có quy định trong Luật các TCTD và trong Giấy phép nhưng NHNN lại chưa có hướng dẫn cụ thể hoặc một số hoạt động có quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành khác nhưng lại chưa có trong danh mục các hoạt động được cấp phép theo quy định của NHNN. Điều này gây lúng túng cho các TCTD khi thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của mình.  Với quy định hiện hành này gây vướng mắc, khó khăn cho các TCTD không thể triển khai được các nghiệp vụ theo cấp phép, mà đều phải chờ hướng dẫn nghiệp vụ của NHNN. |  |
| Công ty Tài chính TNHH MTV Lotte Việt Nam | **-Khoản 2:** Đề nghị sửa đổi thành:  “Tổ chức tín dụng không được tiến hành bất kỳ hoạt động kinh doanh nào ngoài các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác ghi trong Giấy phép được Ngân hàng Nhà nước cấp cho tổ chức tín dụng, **trừ các hoạt động không cần giấy phép theo văn bản của Ngân hàng Nhà nước**” (Bởi vì Ngân hàng Nhà nước có quy định một số hoạt động không cần cấp phép như: *bán nợ, TCTD không có giấy phép kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh, chỉ đóng vai trò khách hàng sử dụng sản phẩm phái sinh của TCTD khác*, …).  Ngoài ra còn có các hoạt động khác như: *“nhận tài sản bảo đảm” “xử lý tài sản bảo đảm”* … Đề nghị NHNN có quy định là hoạt động không cần cấp phép để tránh gây khó cho TCTD. |  |
| BIDV | Đề xuất điều chỉnh khoản 2 và khoản 3 Điều 90 như sau:  2. Tổ chức tín dụng không được tiến hành bất kỳ hoạt động kinh doanh nào ngoài các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác ghi trong Giấy phép, **văn bản chấp thuận hoặc văn bản khác** được Ngân hàng Nhà nước cấp cho tổ chức tín dụng.  3. Các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của tổ chức tín dụng quy định tại Luật này thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước **hoặc theo quy định của pháp luật, tập quán quốc tế có liên quan**.  - Ngoài Giấy phép, còn có các nghiệp vụ mới được NHNN chấp thuận cho TCTD triển khai theo đề án của TCTD/chính sách của Chính phủ/NHNN.  - Thực tế có một số hoạt động mà các TCTD được phép thực hiện theo giấy phép của NHNN cấp tuy nhiên NHNN lại chưa có hướng dẫn cụ thể đối với các hoạt động này (phát hành thư tín dụng, cam kết thu xếp tài chính…) |  |
| Toyota Việt Nam | - Khoản 2: “Tổ chức tín dụng không được tiến hành bất kỳ hoạt động kinh doanh nào ngoài các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác ghi trong Giấy phép được Ngân hàng Nhà nước cấp cho tổ chức tín dụng.”  + Tuy nhiên, theo Điều 28.3 Thông tu 21/2012/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 01/2013/TT-NHNN và Thông tư 18/2016/TT-NHNN): “Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài **không được thực hiện các hoạt động gửi tiền, nhận tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán và các giao dịch gửi tiền, nhận tiền gửi có kỳ hạn tối đa là 03 tháng)** tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành”.  Chưa có sự thống nhất trong nguyên tắc quy định tại Điều 90 Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước tại Thông tư 21/2012/TT-NHNN sửa đổi.  Do vậy, TFSVN kính đề nghị Ngân hàng Nhà nước bổ sung các trường hợp ngoại lệ tại Điều 90 Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi để đảm bảo tính thống nhất trong các văn bản pháp luật. | Khoản 1 Điều 89 dự thảo Luật quy định: “NHNN quy định cụ thể nội dung hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của TCTD trong Giấy phép cấp cho từng TCTD”  Khoản 3 Điều 89 quy định: “Các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của TCTD quy định tại Luật này thực hiện theo hướng dẫn của NHNN, quy định của pháp luật có liên quan”.  Như vậy Thông tư 21/2012/TT-NHNN ban hành theo nội dung được giao chi tiết tại Luật. |
|  | **Điều 92** | Vietcombank | **Khoản 1:** Hiện Thông tư 01/2021/TT-NHNN và Thông tư 12/2021/TT-NHNN vẫn đang quy định 02 hình thức huy động vốn thông qua phát hành tín phiếu và kỳ phiếu. Trường hợp bỏ 02 hình thức huy động vốn này tại Luật Các TCTD, đề nghị NHNN thống nhất điều chỉnh tại Thông tư 01/2021/TT-NHNN, Thông tư 12/2021/TT-NHNN và các quy định liên quan đảm bảo thống nhất. | Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
|  | **Điều 93** | BIDV, Vietcombank, MBBank | **- Khoản 3:** Đề nghị cập nhật phù hợp để tránh trường hợp thời điểm yêu cầu gửi báo cáo là ngày nghỉ lễ, nghỉ tết dài ngày theo hướng “10 ngày làm việc” | 10 ngày là khoảng thời gian dài, do đó không thêm cụm từ “làm việc” |
| BIDV | NHNN có ban hành Thông tư số 01/2021/TT-NHNN về phát hành giấy tờ có giá của TCTD do đó: Các TCTD, NH nước ngoài cần có quy định cụ thể về việc nhận tiền gửi của khách hàng cũng như phát hành giấy tờ có giá để đảm bảo minh bạch và đảm bảo quyền lợi cho khách hàng.  Đề nghị bổ sung quy định mới:  h) Quy định về nhận tiền gửi, phát hành giấy tờ có giá | Nội dung này đã có trong khoản 1 Điều 91 |
| DBS Bank | - Khoản 2: Về quy định quản lý hoạt động công nghệ thông tin, hiện nay, Điều 6, Thông tư 09/2020/TT-NHNN đã có quy định về quy chế an toàn thông tin, bao gồm các yêu cầu cụ thể có liên quan về hệ thống thông tin, an toàn thông tin.  Theo đó, có được hiểu quy định quản lý hoạt động công nghệ thông tin tương đương với nội dung quy định tại Điều 6, Thông tư 09/2020/TT-NHNN không?  Để tránh trường hợp chồng chéo các quy định nội bộ của ngân hàng về vấn đề công nghệ thông tin, hệ thống thông tin, chúng tôi kiến nghị điều chỉnh tên gọi của quy định trong Luật các Tổ chức tín dụng theo hướng thống nhất với quy định của Thông tư 09/2020/TT-NHNN. | Tiếp thu, dự thảo Luật không bổ sung nội dung về quản lý hoạt động công nghệ thông tin tại Điều này |
| DBS Bank | - Khoản 3: Hiện tại ngoài quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng về danh sách các quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, các quy định chuyên ngành của Ngân hàng Nhà nước, như phòng, chống rửa tiền, hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng cũng có đề cập về quy định nội bộ của ngân hàng và thời hạn gửi quy định nội bộ cho Ngân hàng Nhà nước, với thời hạn của từng quy định là khác nhau. Có thể liệt kê như quy định nội bộ về phòng chống rửa tiền theo dự thảo Thông tư hướng dẫn Luật Phòng, chống rửa tiền, thời hạn gửi cho Ngân hàng Nhà nước là 30 ngày làm việc kể từ ngày ban hành, sửa đổi, bổ sung; đối với quy định nội bộ về cho vay theo Thông tư 39/2016/TT-NHNN, thời hạn gửi cho Ngân hàng Nhà nước là 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành, sửa đổi, bổ sung.  Mặt khác, cũng thừa nhận rằng ngoài các văn bản pháp luật có ghi nhận thời hạn cụ thể cho việc gửi quy định nội bộ cho Ngân hàng Nhà nước cũng có một số văn bản khác chưa quy định về thời hạn gửi, do đó việc quy định tập trung trong Luật Các Tổ chức tín dụng xét thấy cũng cần thiết.  Kiến nghị sửa đổi khoản 3, Điều 93 như sau:  “Tổ chức tín dụng phải gửi cho Ngân hàng Nhà nước các quy định nội bộ tại khoản 2 Điều này **trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành, trừ trường hợp quy định pháp luật có liên quan có quy định khác.**” | Thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 91 chỉ áp dụng cho các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 91. Do đó, việc bổ sung là không cần thiết. |
| VIB | - **Điểm k Khoản 2:** Cần bổ sung các điều khoản để định nghĩa thuật ngữ “hoạt động công nghệ thông tin” | Tiếp thu, dự thảo Luật không bổ sung nội dung về quản lý hoạt động công nghệ thông tin tại Điều này |
| Bắc Á Bank | Điểm k khoản 2 : Đề xuất NHNN quy định rõ hơn về nội dung này để các TCTD có cơ sở rõ ràng thực hiện vì khái niệm “hoạt động công nghệ thông tin” tương đối rộng. |  |
| Công ty Tài chính TNHH MTV Shinhan Việt Nam | Khoản 3: Hiện tại Công ty đã ban hành các quy định về quản lý hoạt động công nghệ thông tin nhưng chưa thực hiện gởi cho NHNN sau khi ban hành, vậy sau khi Luật sửa đổi có hiệu lực thì Công ty có buộc phải gởi lại NHNN hay không? |  |
| Công ty Tài chính TNHH MTV Shinhan Việt Nam | Khoản 2: Đề xuất có hướng dẫn cụ thể về quy định về quản lý hoạt động công nghệ thông tin là bao gồm những quy định nào, được hướng dẫn tại thông tư nào vì nội dung tại điểm này vẫn còn quy định chung chung. |  |
| Công ty Tài chính TNHH MTV Lotte Việt Nam | - **Điểm k Khoản 2:** Đề nghị không bổ sung thêm “Quy định về quản lý hoạt động công nghệ thông tin” gây phiền hà không cần thiết cho TCTD.  Hiện các TCTD đều đang phải có “Quy chế an toàn thông tin” và các quy trình, quy định tác nghiệp CTTT theo Thông tư 09/2020/TT-NHNN của NHNN |  |
| Techcombank | Khoản 2: Đề nghị ban soạn thảo quy định rõ Tổ chức tín dụng phải gửi cho Ngân hàng Nhà nước các quy định khung nội bộ tại khoản 2 Điều này ngay sau khi ban hành vì Trong giai đoạn gần đây NHNN đã giao quyền tự chủ cho các TCTD trong công tác quản lý, điều hành, đưa ra chính sách phù hợp với từng TCTD miễn là đáp ứng yêu cầu của quy định pháp luật.  Các TCTD ngày càng chú trọng, liên tục đưa ra những chính sách, quy định phù hợp với từng nhóm KH. Nên việc gửi toàn bộ các quy định theo khoản 2 Điều 93 sẽ gây nhiều khó khăn trong vận hành, đề nghị chỉ yêu cầu các TCTD gửi NHNN các quy định về nguyên tắc tối thiểu cần áp dụng trong toàn bộ ngân hàng theo các nội dung ở khoan 2 Điều 93. | Việc yêu cầu các ngân hàng gửi khung nội bộ sẽ phát sinh thêm bước ngân hàng phải xây dựng một khung nội bộ để gửi NHNN, yêu cầu của khung nội bộ cần thông tin gì… Quy định tại dự thảo Luật là phù hợp, TCTD xây dựng, ban hành quy định nội bộ và gửi cho NHNN. |
| VPBank | **Đề xuất Ngân hàng nhà nước cân nhắc 2 Phương án**  ***Phương án 1 :*** Bỏ toàn bộ điều khoản này.  ***Phương án 2:*** Giữ nguyên khoản 1 của Điều 93 hiện hành và bổ sung nội dung giao cho Ngân hàng nhà nước ban hành quy định, hướng dẫn về các quy định nội bộ mà Tổ chức tín dụng phải ban hành. Đồng thời, bỏ khoản 2 và khoản 3 của Điều 93 hiện hành  ***Lý do đề xuất:*** Hiện nay Điều 93 quy định có 3 ý là: (i) Các TCTD phải xây dựng, ban hành các quy dịnh nội bộ đối với các hoạt động nghiệp vụ đảm bảo các yêu cầu cụ thể tại Khoản 1 Điều 93; (ii) Danh mục các quy định nội bộ mà TCTD phải ban hành; (iii) Tổ chức tín dụng phải gửi cho Ngân hàng nhà nước các quy định nội bộ này trong thời hạn quy định (dự thảo là 10 ngày). Tuy nhiên, các quy định này hiện nay gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện, cụ thể như sau:  - Về danh mục các văn bản nội bộ phải ban hành và yêu cầu chung đối với các VB nội bộ đó: hiện nay các thông tư do Ngân hàng Nhà nước ban hành để hướng dẫn các lĩnh vực hoạt động cụ thể của các tổ chức tín dụng đều có yêu cầu về việc ban hành văn bản nội bộ, các nội dung/tiêu chuẩn cần đáp ứng (Ví dụ: thông tư 39/2016/TT-NHNN, Thông tư 13/2018/TT-NHNN đều có yêu cầu xây dựng văn bản nội bộ …). Vì vậy việc quy định vừa chung (Điều 93 Luật các tổ chức tín dụng), vừa riêng tại các thông tư hướng dẫn trong một số tình huống gây khó hiểu, khó thực thi cho các tổ chức tín dụng trong việc xác định loại văn bản cần ban hành và nội dung/tiêu chuẩn cần đáp ứng. Trong khi đó nếu cần yêu cầu Tổ chức tín dụng ban hành văn bản nội bộ gì thì Ngân hàng Nhà nước chỉ cần nêu rõ tại các Thông tư cụ thể, như vậy việc vận hành của các tổ chức tín dụng được rõ ràng, thuận lợi, đồng thời vẫn đáp ứng mục tiêu quản lý của ngân hàng nhà nước.  - Về việc gửi văn bản nội bộ tới Ngân hàng nhà nước trong thời hạn nhất định sau khi ban hành: (i) Hiện không có văn bản chỉ đạo của NHNN về đầu mối tiếp nhận các văn bản nội bộ theo điều 93 mà VPBank phải gửi khi ban hành dẫn đến việc thực hiện gửi các văn bản nội bộ này VPBank đang thực hiện gửi về Cơ quan thanh tra, giám sát – NHNN, do đó VPBank cũng không thể kiểm soát hoặc nhận được các phản hồi về việc các văn bản nội bộ khi VPBank gửi sẽ được NHNN phân công cho đầu mối nào thực hiện xử lý/ lưu trữ khi có các phát sinh trong quá trình gửi/bổ sung thông tin; (ii) Số lượng VBNB ban hành theo Điều 93 phải gửi tương đối nhiều, không có cơ chế/ địa chỉ/ đầu mối tiếp nhận bản mềm các văn bản này, dẫn đến việc thực hiện gửi văn bản hiện đang thực hiện theo đường văn thư, do đó chi phí về giấy in và chi phí chuyển phát thư gửi các văn bản này phát sinh tương đối nhiều, tăng chi phí cho tổ chức tín dụng; (iii) Thực tế các Đơn vị nghiệp vụ, các Đoàn kiểm tra, Đoàn thanh tra của NHNN khi vào thanh tra kiểm tra các đơn vị nghiệp vụ tại VPBank sẽ vẫn yêu cầu VPBank cung cấp lại các văn bản thuộc danh mục các văn bản mà VPBank đã gửi NHNN theo điều  93 | Dự thảo Luật điều chỉnh theo hướng các quy định nội bộ tại khoản 2, 3 là quy định tối thiểu TCTD phải xây dựng và gửi cho NHNN |
| ACB | **-Khoản 1:** Ban hành quy định, hướng dẫn rõ ràng, cụ thể về nội dung “*hoạt động nghiệp vụ*” và “*nghiệp vụ kinh doanh*” quy định tại Khoản 1 Điều 93 Luật TCTD (được hiểu là lĩnh vực kinh doanh được thể hiện trong Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động hay bao gồm tất cả mọi hoạt động trong thực tiễn của TCTD) để làm cơ sở ban hành văn bản quy định nội bộ đầy đủ theo quy định tại Khoản 1 Điều 93 Luật TCTD nêu trên và triển khai các quy định liên quan như Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục.  Lý do: Thuật ngữ chưa rõ ràng, cụ thể. | Các hoạt động nghiệp vụ gắn với hoạt động kinh doanh của TCTD |
| FCCOM | Bổ sung vào Điều 93 các nội dung quy định nội bộ về xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm của các khoản nợ xấu tại TCTD | Nội dung này nằm trong quy định tại khoản 1 Điều 91 |
|  | **Điều 94** | BIDV | 1. Nội dung của khoản 2 được dẫn chiếu tại khoản 1: Đề nghị làm rõ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này là đối tượng nào. Theo đó quy định rõ nội dung này không áp dụng cho đối tượng khách hàng là các TCTD để phù hợp Thông tư 21 và Thông tư 01 về cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn GTCG giữa các TCTD, CN NHNN (quy định việc cho vay giữa các TCTD không yêu cầu các TCTD cung cấp tài liệu chứng mình phương án sử dụng vốn và mục đích sử dụng vốn vay).  - Việc đưa ra quy định riêng cho *“Công ty tài chính phải yêu cầu khách hàng…”* trong một điều khoản chung cho các TCTD là không phù hợp, vì có thể dẫn đến cách hiểu các TCTD khác (không phải công ty tài chính) sẽ không có nghĩa vụ này.  2. Khoản 2 đề nghị có hướng dẫn cụ thể hơn về cách thức “tách bạch giữa  giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng”. Có thể ‘tách bạch”  thông qua việc mỗi khâu được thực hiện bởi các thao tác kỹ thuật khác nhau trên cùng một ứng dụng/hệ thống công nghệ không?  3. Khoản 1 Điều 94 theo đề xuất sửa đổi của NHNN đã quy định: “*TCTD* ***phải yêu cầu khác hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án sử dụng vốn khả thi,*** *khả năng tài chính của mình,* ***mục đích sử dụng vốn hợp pháp trước khi quyết định cấp tín dụng****, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này”.*  - Như vậy,việc sử dụng vốn của khách hàng đã được:  + Khách hàng cung cấp trước khi TCTD quyết địnhcấp tín dụng.  *+* TCTD tổ chức xét duyệt cấp tín dụng: (thẩm định và quyết định cấp tín dụng).  - Giao kết tín dụng giữa khách hàng và TCTD là giao kết trong quan hệ dân sự, vì vậy, khi khách hàng đã được TCTD quyết định cấp tín dụng, khách hàng có đầy đủ 03 quyền theo Luật dân sự gồm: chiếm hữu, sử dụng và định đoạt.  ***→***Việc kiểm tra, giám sát việc sử dụng khoản tín dụng của khách hàng (bao gồm cả việc kiểm tra, giám sát việc sử dụng khoản tín dụng được giải ngân trực tiếp vào tài khoản của khách hàng) là ***quyền của TCTD không***, ***không phải là nghĩa vụ của TCTD.***  ***-***Vì vậy, để tránh rủi ro pháp lý cho các TCTD, hình sự hóa giao dịch dân sự, đề nghị xem xét sửa đổi như nội dung đề xuất.  4. Để các TCTD có căn cứ yêu cầu khách hàng, đề nghị NHNN hướng dẫn rõ các tài liệu chứng minh biện pháp bảo đảm gồm những loại văn bản nào. | (1) Tiếp thu, đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật  (2) Tiếp thu, dự thảo Luật bổ sung quy định: trường hợp toàn bộ quy trình cấp tín dụng bằng phương tiện điện tử thực hiện theo quy định của NHNN  (3) Tiếp thu, dự thảo Luật bổ sung: Khách hàng có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích đã cam kết  (4) Quy định về giao dịch bảo đảm thực hiện theo pháp luật về giao dịch bảo đảm. |
| Vietcombank | - Đề nghị áp dụng thống nhất *“tiền vay”* thay cho *“khoản tín dụng”* và *“vốn vay”* trong quy định này để đảm bảo thống nhất với đề mục của điều và tránh gây khó hiểu cho người đọc. | Điều 92 quy định chung về hoạt động xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra sử dụng vốn vay. Do đó việc dùng các cụm từ “khoản cấp tín dụng” hoặc “vốn vay” đã được rà soát, phù hợp với bản chất từng hoạt động. |
| Công ty Cho thuê Tài chính Vietcombank | **- Khoản 4:** Đề nghị chuyển toàn bộ các nội dung liên quan đến “vốn vay” thành “khoản tín dụng” |  |
| Vietcombank | - Đề nghị viết lại cho rõ:  **Điều 94. Xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra sử dụng tiền vay**  1. Tổ chức tín dụng phải yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án sử dụng vốn khả thi, khả năng tài chính của mình, ***mục đích sử dụng vốn hợp pháp trước khi quyết định cấp tín dụng, trừ trường hợp cấp tín dụng bằng phương thức điện tử theo quy định tại khoản 2 Điều này***  ***Công ty tài chính, Quỹ tín dụng nhân dân, Tổ chức tài chính vi mô phải yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh khả năng tài chính của mình, mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp trước khi quyết định cho vay tiêu dùng, phục vụ đời sống.***  2.Tổ chức tín dụng phải tổ chức xét duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng. ***Trường hợp thực hiện xét duyệt cấp tín dụng bằng phương thức điện tử, tổ chức tín dụng phải đảm bảo tách bạch giữa giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng.*** | Tiếp thu, dự thảo Luật đã chỉnh sửa lại nội dung Điều này để đảm bảo rõ ràng |
| VietCredit | VietCredit đề xuất đổi cụm từ “tài liệu chứng minh khả năng ….” thành “thông tin khả năng …”  Chi tiết như sau: "*Công ty tài chính, Quỹ tín dụng nhân dân, Tổ chức tài chính vi mô phải yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin về mục đích sử dụng vốn hợp pháp;* ***tài liệu,******thông tin*** *khả năng tài chính trước khi quyết định cho vay tiêu dùng, phục vụ đời sống*".  **Lý do:** Hiện tại các TCTD đã và đang áp dụng công nghệ Fintech và có nhiều đơn vị thứ ba cung cấp các thông tin đủ để chứng minh khả năng tài chính, khả năng trả nợ của Khách hàng. Các thông tin cung cấp độc lập này có tính tin cậy cao và đủ cơ sở để TCTD ra quyết định cấp tín dụng. Do đó, có thể chỉ cần Khách hàng cung cấp thông tin, không nhất thiết cung cấp tài liệu chứng minh. | Tiếp thu, bổ sung cụm từ “dữ liệu” để bao quát các trườn hợp sử dụng phương tiện điện tử trong hoạt động cấp tín dụng. |
| Techcombank | - Khoản 1: Đề nghị không quy định nội dung này do trong thời đại big data thông tin KH được lưu trữ bằng nhiều nguồn khác nhau; các cơ quan nhà nước cũng bắt đầu áp dụng công nghệ điện tử trong giao dịch với người dân, Bộ công an đang tích hợp thông tin công dân vào e-ID  Nên thông tin KH có thể thu thập từ nhiều nguồn khác nhau, vì vậy đề nghị không yêu cầu KH cung cấp các tài liệu này, mà do TCTD tự quy định cách thu thập thông tin, hồ sơ. | Tiếp thu một phần, bổ sung cụm từ “dữ liệu” để bao quát các trường hợp sử dụng phương tiện điện tử trong hoạt động cấp tín dụng.  Đây là các yêu cầu tối thiểu TCTD cần phải thu thập, bên cạnh đó TCTD có thể sử dụng các nguồn thông tin khác trong quá trình thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng  Việc yêu cầu khách hàng phải cung cấp tài liệu, dữ liệu để TCTD có đầy đủ các thông tin liên quan trực tiếp đến phương án, dự án của khách hàng, vì các thông tin này không có hoặc có không đầy đủ nếu như TCTD tự thu thập. |
| MBBAnk | **- Khoản 1:** Đề nghị sửa Khoản 1 Điều 94 như sau: “*1.* ***Tổ chức tín dụng cấp tín dụng cho khách hàng trên cơ sở*** *tài liệu chứng minh phương án sử dụng vốn khả thi, khả năng tài chính của mình,* ***mục đích sử dụng vốn hợp pháp trước khi quyết định cấp tín dụng***, *trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.” Do* Thứ nhất, đối với hoạt động cấp tín dụng theo phương thức giao dịch điện tử trên kênh số, KH không phải cung cấp tài liệu chứng minh này mà dữ liệu KH đã có sẵn trên hệ thống của TCTD, do đó việc yêu cầu KH cung cấp tài liệu chưa phù hợp.  Thứ hai, thực tế hoạt động xét duyệt cấp tín dụng của các ngân hàng thương mại: các chứng từ tài liệu chứng minh dự án, các nhu cầu vốn chỉ phát sinh sau khi thực hiện giải ngân, do đó quy định như dự thảo Luật sửa đổi không bảo đảm khả thi trên thực tế |  |
| UOB | Dự thảo Luật cần quy định rõ hơn những trường hợp cho phép TCTD không cần yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn hợp pháp trước khi quyết định cấp tín dụng.  Theo khoản 2 Điều 94 Dự thảo Luật thì “TCTD phải tổ chức xét duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng”. Theo Điều 16 của Thông tư 13/2018/TT-NHNN thì các TCTD phải thực hiện kiểm soát đối với hoạt động cấp tín dụng. Như vậy, có thể hiểu rằng việc yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn hợp pháp trước khi quyết định cấp tín dụng sẽ không cần thực hiện đối với các TCTD đã thực hiện hoạt động kiểm soát đối với hoạt động cấp tín dụng theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN ? | Theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 92 dự thảo Luật, TCTD phải yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu, dữ liệu về mục đích sử dụng vốn hợp pháp trước khi quyết định cấp tín dụng. Đây là một trong những tài liệu để TCTD có cơ sở xác định mục đích vay vốn.  Quy định về tổ chức xét duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định, quyết định cho vay và quy định về việc kiểm soát hoạt động cấp tín dụng là hai yêu cầu khác nhau trong quá trình cấp tín dụng. |
| Công ty cho thuê tài chính Á Châu | Bổ sung nội dung đối với TCTD là công ty cho thuê tài chính thì yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án sử dụng tài sản thuê khả thi, khả năng tài chính và mục đích sử dụng tài sản thuê hợp pháp trước khi quyết định cấp tín dụng.  **Lý do:**  Đối với hoạt động CTTC, Công ty cho thuê tài chính sẽ giải ngân tiền cho bên cung ứng với mục đích để mua tài sản cho thuê, do đó công ty cho thuê tài chính chỉ có thể kiểm soát được phương án và mục đích sử dụng tài sản cho thuê đối với khách hàng.  Phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 94: TCTD có quyền, nghĩa vụ kiểm tra, giám sát ***việc sử dụng*** ***khoản tín dụng*** của khách hàng (không phải là mục đích sử dụng vốn vay như quy định của luật các TCTD hiện hành). | Cụm từ “phương án sử dụng vốn khả thi” đã bao hàm phương án sử dụng tài sản thuê khả thi đối với trường hợp là công ty cho thuê tài chính.  Đối với công ty cho thuê tài chính cũng cần đảm bảo các yêu cầu về phương án sử dụng vốn khả thi, khả năng tài chính của khách hàng và mục đích sử dụng vốn hợp pháp |
| Vietcombank | **- Khoản 1:** Việc kiểm tra, giám sát tín dụng là một quá trình được thực hiện trước, trong và sau khi cho vay. Ngay tại thời điểm đề nghị cấp tín dụng, khách hàng có thể chỉ có nhu cầu và chưa có các tài liệu chứng minh cụ thể, và bổ sung các tài liệu chứng minh khi TCTD đã giải ngân, cho vay. Đặc biệt đối với các khoản vay tiêu dùng, vay phục vụ đời sống giá trị nhỏ hoặc cho bằng phương thức thấu chi cho tài khoản, tại thời điểm xem xét cấp hạn mức thấu chi khách hàng chưa có mục đích sử dụng vốn cụ thể và cam kết sẽ sử dụng vào các mục đích phù hợp quy định pháp luật.  Việc đưa nội dung này vào Luật sẽ gây khó khăn trong việc thực thi một số phương thức cho vay và cho vay bằng phương tiện điện tử.  Kiến nghị xem xét điều chỉnh theo các phương án:   * Không quy định nội dung *“mục đích sử dụng vốn hợp pháp”.*   Trường hợp bắt buộc cần quy định, đề nghị điều chỉnh thành: *“TCTD phải yêu cầu khách hàng cung cấp* ***thông tin về mục đích sử dụng vốn hợp pháp****; tài liệu chứng minh phương án sử dụng vốn khả thi, khả năng tài chính của mình trước khi quyết định cho vay.”* | Điều 92 dự thảo Luật về xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra sử dụng tiền vay đã được rà soát sửa đổi để phù hợp với cả phương thức cấp tín dụng bằng phương tiện điện tử |
| MBbank | Đề nghị sửa đổi như sau: *Tổ chức tín dụng có quyền thỏa thuận với khách hàng về việc áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay. Trường hợp áp dụng biện pháp bảo đảm, tổ chức tín dụng phải yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh biện pháp bảo đảm tiền vay trước khi quyết định cấp tín dụng do* Theo quy định pháp luật hiện hành, TCTD và khách hàng có thể bổ sung TSBĐ cho khoản vay bất cứ lúc nào, không phải chỉ ở thời điểm trước khi cấp tín dụng. Do đó, yêu cầu KH phải cung cấp tài liệu chứng minh biện pháp bảo đảm tiền vay trước khi cấp tín dụng là không phù hợp. | Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
| Bắc Á Bank | Khoản 1: Đề nghị điều chỉnh làm rõ hơn:  1.Tổ chức tín dụng là Ngân hàng phải yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án sử dụng vốn khả thi, khả năng tài chính của mình, mục đích sử dụng vốn hợp pháp trước khi quyết định cấp tín dụng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.  Do dự thảo đã có nội dung quy định mới như sau:  “Công ty tài chính, Quỹ tín dụng nhân dân, Tổ chức tài chính vi mô phải yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin về mục đích sử dụng vốn hợp pháp; tài liệu chứng minh khả năng tài chính trước khi quyết định cho vay tiêu dùng, phục vụ đời sống.” | Tiếp thu, khoản 1, 2 đã được chỉnh sửa lại để đảm bảo rỏ ràng cụ thể |
| Bắc Á Bank | Khoản 2: Đề xuất bỏ nội dung “Trường hợp thực hiện xét duyệt cấp tín dụng bằng phương thức điện tử, tổ chức tín dụng phải đảm bảo tách bạch giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng.” | Tiếp thu, dự thảo đã bổ sung nội dung: Trường hợp toàn bộ quy trình cấp tín dụng bằng phương thức điện tử thực hiện theo quy định của NHNN |
| Công ty Tài chính TNHH MTV Lotte Việt Nam | **- Khoản 2:** Đối với xét duyệt cấp tín dụng bằng công nghệ, hệ thống sẽ lấy thông tin từ các nguồn khác nhau (KH cung cấp, dữ liệu nội bộ, dữ liệu CIC, dữ liệu từ nguồn khác … ) và đưa ra quyết định cấp tín dụng theo mô hình, thuật toán tự động/bán tự động. Quy định về “tách bạch” thẩm định và phê duyệt cấp tín dụng là chưa phù hợp. Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, sửa đổi. |  |
| HD SAISON | *- Khoản 2:*  *“2. Tổ chức tín dụng phải tổ chức xét duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng. Trường hợp thực hiện xét duyệt cấp tín dụng bằng phương thức điện tử, tổ chức tín dụng phải đảm bảo* ***thực hiện đầy đủ khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng.”***  Khi thực hiện xét duyệt bằng phương thức điện tử thì việc thẩm định và quyết định cấp tín dụng được thực hiện tự động bởi hệ thống phần mềm rất khó tách bạch hai khâu thẩm định và quyết định. HD SAISON kính đề xuất NHNN xem xét không quy định tổ chức tín dụng phải tách bạch khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng khi thực hiện xét duyệt cấp tín dụng bằng phương thức điện tử. |  |
| Vietcombank | - **Khoản 2:** Khi cho vay bằng phương tiện điện tử, các công đoạn đã được thực hiện theo hệ thống điện tử (bao gồm việc thẩm định, quyết định cho vay được thực hiện tự động bởi hệ thống dựa trên các điều kiện vay đã được thiết lập sẵn ngay từ đầu, mà không có sự tham gia của con người khi thẩm định, quyết định cho vay), theo đó quy định về việc tách bạch giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng sẽ không phù hợp.  Kiến nghị điều chỉnh thành:  Tổ chức tín dụng phải tổ chức xét duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng.  Trường hợp thực hiện xét duyệt bằng phương tiện điện tử phải đảm bảo nguyên tắc phân định trách nhiệm của các bộ phận tham gia vào quá trình thiết lập, phê duyệt và vận hành các chức năng tự động hóa. |  |
| Techcombank | - Khoản 2: Sửa lại theo hướng: ““Trường hợp thực hiện thẩm định và xét duyệt cấp tín dụng bằng phương thức điện tử…” do Hiện nay tại nhiều TCTD, việc thẩm định cũng được thực hiện bằng phương thức điện tử. |  |
| Techcombank | Cụm từ “*tài liệu chứng minh biện pháp bảo đảm tiền vay*” Đây có phải là chứng từ sở hữu tài sản như Giấy chứng nhận quyền sở hữu BĐS (bản chính hoặc copy) không?  Đối với nội dung này, TCTD không được thỏa thuận với khách hàng bổ sung TSBĐ sau khi đã quyết định cấp tín dụng, thỏa thuận chuyển khoản vay không có TSBĐ thành khoản vay có TSBĐ?  Ví dụ cụ thể:  Khách hàng đề nghị cấp khoản vay 100 tỷ đồng, 100% đảm bảo bằng BĐS đã có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng/ Quyền sở hữu theo quy định pháp luật. Thì theo quy định này: Khách hàng PHẢI CUNG CẤP tất cả Giấy chứng nhận quyền sở hữu/sử dụng trước khi TCTD ra phê duyệt cấp tín dụng cho KH?  TCTD KHÔNG ĐƯỢC cấp tín dụng trên cơ sở phê duyệt như sau: cấp tín dụng 100 tỷ đồng và đảm bảo 100% bằng bất động sản có đủ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật, và KH sẽ cung cấp Giấy chứng nhận sở hữu/ sử dụng BĐS cụ thể trước giải ngân tiền vay? | Tiếp thu, dự thảo đã chỉnh sửa theo hướng bỏ quy định này |
| Vietcombank | - **Khoản 3:** Trên thực tế, việc thực hiện kiểm tra sử dụng vốn vay đối với toàn bộ các khoản vay đặc biệt là các khoản vay giá trị nhỏ qua kênh điện tử, khoản vay thấu chi, các khoản vay được bảo đảm đầy đủ bằng tài sản có tính thanh khoản cao... không khả thi. Theo xu hướng mới, TCTD nên được chủ động quy định hoạt động kiểm tra sử dụng vốn vay phù hợp với từng loại hình khách hàng, mục đích/giá trị khoản vay cũng như các mô hình cảnh báo được xây dựng với mục tiêu đảm bảo an toàn vốn cho vay của TCTD.  Cần bổ sung quy định về trách nhiệm của khách hàng để có cơ sở pháp luật rõ ràng cho TCTD để thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng khoản cấp tín dụng cũng như phân định rõ trách nhiệm của TCTD đối với các rủi ro phát sinh trong quá trình cấp tín dụng.  Kiến nghị ***xem xét sửa đổi theo hướng bỏ quy định về nghĩa vụ*** kiểm tra, giám sát sử dụng vốn vay của TCTD mà chỉ quy định kiểm tra, giám sát vốn vay là “quyền” của TCTD và việc sử dụng vốn vay đúng mục đích phải là nghĩa vụ và trách nhiệm của bên đi vay. Khách hàng có nghĩa vụ phối hợp với TCTD và chịu trách nhiệm về các thông tin do khách hàng cung cấp trong quá trình kiểm tra, giám sát việc sử dụng khoản cấp tín dụng của khách hàng. | Hoạt động kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của TCTD.  Tiếp thu một phần ý kiến của TCTD và để làm rõ trách nhiệm của khách hàng vay, dự thảo Luật bổ sung nội dung: khách hàng có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích đã cam kết |
| CB | **- Khoản 3:** Đề nghị cơ quan soạn thảo ghi nhận nội dung này dưới góc độ là ***Quyền*** của Ngân hàng để đảm bảo phù hợp và rõ ràng trong quá trình thực hiện, ngoài ra còn tùy vào mức độ, khẩu vị rủi ro của từng Ngân hàng sẽ có cách quy định về việc kiểm tra, giám sát việc sử dụng khoản tín dụng của khách hàng. |  |
| Công ty Tài chính TNHH MTV Lotte Việt Nam | **- Khoản 3:** Quy định này kém khả thi và làm phát sinh thêm nhiều chi phí, tốn kém nguồn lực của Tổ chức tín dụng đối với các khoản cho vay tiêu dùng nhỏ, lẻ nhưng số lượng lớn. Những khoản vay trả góp giáo dục, mua hàng điện máy, chi tiêu thẻ … thì việc kiểm tra, giám sát sử dụng khoản tín dụng là không cần thiết, nếu bắt buộc thì gây lãng phí. |  |
| Vietcombank | Trường hợp tổ chức tín dụng áp dụng biện pháp bảo đảm sau khi đã quyết định cấp tín dụng thì quy định yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh biện pháp bảo đảm tiền vay trước khi quyết định cấp tín dụng là không phù hợp. Trong khi đó, trên thực tế có thể phát sinh trường hợp tổ chức tín dụng yêu cầu khách hàng bổ sung biện pháp bảo đảm, tài sản bảo đảm trong hoặc sau khi cấp tín dụng.  Xem xét bổ sung quy định trong trường hợp tổ chức tín dụng áp dụng biện pháp bảo đảm sau khi quyết định cấp tín dụng. | Tiếp thu, dự thảo đã chỉnh sửa theo hướng bỏ quy định “trước khi cấp tín dụng” |
| HDSAISON | *“****Tổ chức tín dụng có quyền thỏa thuận với khách hàng về việc áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay****.”*  HD SAISON kính đề xuất NHNN xem xét bỏ quy định khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh biện pháp bảo đảm tiền vay vì tài liệu này là thỏa thuận song phương giữa tổ chức tín dụng và khách hàng (hợp đồng cầm cố, thế chấp, bảo lãnh…). Theo đó, quy định đơn phương khách hàng có nghĩa vụ cung cấp không phù hợp trong trường hợp này. | Tiếp thu, dự thảo đã chỉnh sửa theo hướng bỏ quy định này |
| Công ty Tài chính TNHH MTV Lotte Việt Nam | - **Khoản 1:** Theo Bản tổng hợp ý kiến thì NHNN đã tiếp thu ý kiến về việc cần tính đến khoản vay tiêu dùng, khoản vay nhỏ lẻ, ... không yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chúng minh khả năng tài chính. Tuy nhiên, tại Dự thảo lần này vẫn quy định nội dung này (và còn làm rõ hơn yêu cầu đối với Cty tài chính).  Ngoài ra, hiện nay các cho vay, đi vay giữa các TCTD cũng không có yêu cầu về mục đích sử dụng vốn.  Để tránh quy định trong Luật gây bất cập sau này, đề nghị sửa đổi thành:  "**Điều 94. Xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra sử dụng tiền vay**  1. Tổ chức tín dụng phải yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án sử dụng vốn khả thi, khả năng tài chính của mình, mục đích sử dụng vốn hợp pháp trước khi quyết định cấp tín dụng, ***trừ các trường hợp do Ngân hàng Nhà nước quy định***." | Hiện nay khoản 1, 2 Điều 92 dự thảo Luật đã được điều chỉnh rõ ràng, cụ thể hơn. Trong đó đối với các khoản vay tiêu dùng, khoản vay nhỏ lẻ được giảm thiểu hồ sơ là “phương án sử dụng vốn khả thi”. Đối với yêu cầu về khả năng tài chính của khách hàng và mục đích sử dụng vốn hợp pháp là những yêu cầu cần thiết và TCTD hoàn toàn có thể yêu cầu khách hàng cung cấp các thông tin này. |
| HDSAISON | *“****Công ty tài chính, Quỹ tín dụng nhân dân, Tổ chức tài chính vi mô phải yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin về mục đích sử dụng vốn hợp pháp****; tài liệu chứng minh khả năng tài chính trước khi quyết định cho vay tiêu dùng, phục vụ đời sống.”*  HD SAISON kính đề xuất NHNN bỏ quy định khách hàng phải cung cấp tài liệu chứng minh khả năng tài chính trước khi quyết định cho vay tiêu dùng, cho vay đời sống vì:  + Nhóm khách hàng được công ty tài chính cho vay chủ yếu là cá nhân có thu nhập trung bình thấp, lao động tự do, không có tài liệu chứng minh khả năng tài chính;  + Khoản vay tiêu dùng, đời sống hướng đến thời gian xử lí nhanh, thủ tục đơn giản.  Theo đó, yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh khả năng tài chính không phù hợp với nhóm khách hàng này. |  |
| Công ty Tài chính TNHH MTV Lotte Việt Nam | **- Khoản 4:** *“Tổ chức tín dụng có quyền thỏa thuận với khách hàng về việc áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay”*là không cần thiết. Bởi vì: Khoản 1 Điều 94 cũng đã bỏ nội dung “biện pháp bảo đảm tiền vay”. | Quy định này để đảm bảo rõ ràng, tránh có những cách hiểu khác nhau liên quan đến việc áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay trong hoạt động ngân hàng |
|  |  |  |
| VIB | **- Khoản 1:** Đề nghị NHNN xem xét làm rõ quy định “*trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này***.”** | Tiếp thu, đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật để đảm bảo rõ ràng |
| VPBank | Bổ sung vào Khoản 1 Điều 94 các cụm từ được gạch chân, bôi đậm như sau:  *“1. Khách hàng phải cung cấp* ***thông tin hoặc dữ liệu hoặc*** *tài liệu chứng minh phương án đề nghị cấp tín dụng khả thi, khả năng tài chính của mình, mục đích cấp tín dụng hợp pháp trước khi được cấp tín dụng.*  *Công ty tài chính phải yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin về mục đích sử dụng vốn hợp pháp; tài liệu chứng minh khả năng tài chính, biện pháp bảo đảm tiền vay trong trường hợp áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay trước khi quyết định cho vay tiêu dùng.”*  *Lý do:* Theo xu thế phát triển của thị trường và trình độ công nghệ ngày càng nâng cao, các kênh/nguồn dùng để thẩm định trước khi cấp tín dụng ngày càng phong phú, đa dạng, không dừng ở văn bản giấy (tài liệu) nữa mà có thể là các hệ thống dữ liệu, thông tin (ví dụ: các hệ thống quản lý doanh thu, quản lý kinh doanh, trang thông tin của sở giao dịch chứng khoán ….) Vì vậy nếu chỉ quy định về việc cung cấp tài liệu như hiện tại là chưa đủ, cần thiết bổ sung cả thông tin, dữ liệu. | Tiếp thu một phần, bổ sung cụm từ “dữ liệu” |
| ACB | Xem xét không áp dụng quy định tại Khoản 1 Điều 94 Luật TCTD đối với các hoạt động cấp tín dụng dưới hình thức phát hành Thẻ tín dụng, cho vay thấu chi, tín chấp trên hạn mức thẻ, … tương tự hoạt động cho vay tiêu dùng.  Lý do: Trong thực tiễn việc cấp tín dụng dưới hình thức: phát hành Thẻ tín dụng, cho vay thấu chi, tín chấp trên hạn mức thẻ, … có tính chất tương tự với việc cho vay tiêu dùng (việc sử dụng vốn vay không tạo ra thu nhập, nguồn trả nợ chủ yếu từ các nguồn thu nhập khác của khách hàng). Do đó, việc yêu cầu cung cấp tài liệu chứng minh phương án sử dụng vốn khả thi, mục đích sử dụng vốn, kiểm tra, giám sát sử dụng vốn vay là không khả thi. | Tiếp thu một phần, dự thảo Luật bổ sung khoản 2 Điều 92, trong đó giảm bớt hồ sơ cho các khoản cho vay nhỏ lẻ, cấp tín dụng qua thẻ |
| VPBank | **Đề xuất đối với các khoản vay tiêu dùng nhỏ lẻ, khoản vay được bảo đảm 100% tiền gửi/GTCG, các yêu cầu về thẩm định, phê duyệt, giao kết hợp đồng, kiểm soát sau vay …**  - Cần có cơ chế riêng, tránh việc gây tốn kém thời gian, nguồn lực và không mang lại hiệu quả thực tế trong việ bảo đảm chất lượng tín dụng. Với các khoản này nên giao cho TCTD được quyền quyết định phương thức triển khai trên cơ sở bảo đảm an toàn và tự chịu trách nhiệm về chất lượng tín dụng.  - Đối với việc kiểm tra sau vay với các khoản vay tiêu dùng nhỏ lẻ, TCTD có thể tự quyết định phương thức, biện pháp kiểm tra (VD: kiểm tra giám sát theo danh mục khoản vay bảo đảm các hạn chế rủi ro khoản vay đã thiết lập), không nhất thiết phải kiểm tra, giám sát từng khoản vay. Việc phải kiểm tra, giám sát khoản vay giá trị nhỏ sẽ tạo gánh nặng về vận hành, tài chính cho TCTD. |  |
| Công ty Tài chính TNHH MTV Shinhan Việt Nam | Thứ nhất, trong bối cảnh Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước khuyến khích thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, ngân hàng và các tổ chức tài chính cũng nhiệt liệt hưởng ứng, đã và đang đầu tư nguồn lực cho nhiệm vụ này. Một trong số đó là ứng dụng công nghệ và các giải pháp chấm điểm tín dụng hỗ trợ cho các quyết định cho vay tiêu dùng, thay vì yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh khả năng tài chính. Nội dung điều khoản này đang được hiểu sẽ gây khó khăn cho các sản phẩm tín dụng theo quy trình nghiệp vụ hoàn toàn trên môi trường số. Các tổ chức tín dụng cần được tự quyết định về việc yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh khả năng tài chính hay không.  Thứ hai, các khoản vay tài chính tiêu dùng là các khoản vay nhỏ, lẻ, đối tượng vay thường là các cá nhân có mức thu nhập trung bình nên để phục vụ khách hàng tốt nhất công ty đang nỗ lực để rút ngắn thời gian thẩm định, xét duyệt khoản vay. Do đó, việc yêu cầu khách hàng phải cung cấp thông tin về mục đích sử dụng vốn hợp pháp; tài liệu chứng minh khả năng tài chính trước khi quyết định cho vay dẫn đến việc kéo dài thời gian duyệt vay, trải nghiệm khách hàng không tốt.  Vì vậy, Công ty đề xuất bổ sung trường hợp ngoại lệ đối với công ty tài chính: “Đối với khoản vay tiêu dùng theo quy định của pháp luật, Công ty tài chính chủ động xây dựng quy định nội bộ trong việc yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án sử dụng vốn, khả năng tài chính của khách hàng, chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay, biện pháp đảm bảo tiềm vay phù hợp với thực tế hoạt động cho vay tiêu dùng và đúng theo quy định pháp luật”. | Tiếp thu một phần:  (i) Dự thảo Luật đã bổ sung quy định để đảm bảo phù hợp với hoạt động cấp tín dụng bằng phương thức điện tử  (ii) Giảm bớt hồ sơ cho các khoản cho vay nhỏ lẻ, cấp tín dụng qua thẻ |
| Toyota Việt Nam | Đề nghị sửa thành: Công ty tài chính, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô phải yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin về mục đích sử dụng vốn hợp pháp; tài liệu chứng minh khả năng tài chính trước khi quyết định cho vay tiêu dùng, phục vụ đời sống.  Với quy định này, TFSVN hiểu rằng tổ chức tín dụng chỉ có nghĩa vụ yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin về mục đích sử dụng vốn vay mà không cần phải có các tài liệu chứng minh. Đồng thời, tổ chức tín dụng cũng không có nghĩa vụ phải xác minh thông tin do khách hàng cung cấp liên quan đến mục đích sử dụng vốn vay trước khi quyết định cho vay tiêu dùng, phục vụ đời sống. Kính đề nghị Ngân hàng nhà nước xem xét hướng dẫn chi tiết ở quy định này. | Các nội dung quy định tại khoản 2 là thông tin TCTD phải yêu cầu khách hàng cung cấp trước khi cấp tín dụng. Tại khoản 3 Điều 92 quy định: TCTD phải tổ chức xét duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng.  Như vậy, TCTD vẫn phải thực hiện thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng. |
| Toyota Việt Nam | Đối với việc xét duyệt cấp tín dụng bằng phương tiện điện tử, kính đề nghị Ngân hàng nhà nước hướng dẫn cụ thể về quy định đảm bảo tách bạch giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng. Với quy định này, tổ chức tín dụng có phải xây dựng các hệ thống khác nhau để thẩm định và phê duyệt cấp tín dụng thì mới đảm bảo sự tách bạch không? Kính đề nghị Ngân hàng nhà nước xem xét hướng dẫn chi tiết ở quy định này. | Tiếp thu, dự thảo Luật hiện đang quy định: Trường hợp toàn bộ quy trình cấp tín dụng bằng phương tiện điện tử thực hiện theo quy định của NHNN. |
| Toyota Việt Nam | TFSVN kính đề nghị Ngân hàng nhà nước cân nhắc bổ sung các trường hợp ngoại lệ tại quy định này, cụ thể đổi với hoạt động cho vay tiêu dùng, phục vụ nhu cầu đời sống mà tổ chức tín dụng thực hiện giải ngân vào tài khoản của bên thứ ba (nhà cung cấp sản phẩm, ví dụ như đại lý bán xe ô tô, cửa hàng điện thoại,…) thì chỉ cần xác định mục đích sử dụng khoản tín dụng tại thời điểm cấp tín dụng, không phải kiểm tra, giám sát việc sử dụng khoản tín dụng của khách hàng trong suốt thời hạn vay. | Khoản 4 Điều 92 dự thảo Luật quy định TCTD có quyền, nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay; khoản 5 quy định TCTD có quyền yêu cầu khách hàng vay báo cáo việc sử dụng vốn vay và cung cấp tài liệu chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích vay vốn. Theo đó, trong mọi trường hợp TCTD phải kiểm tra, giám sát khoản cấp tín dụng. Trường hợp TCTD giải ngân vào tài khoản của bên thứ ba, mà bên thứ ba chính là đối tượng thụ hưởng của khoản vay, thì TCTD xác định được khoản vay sử dụng đúng mục đích; trường hợp bên thứ ba không phải là đối tượng thụ hưởng của khoản vay, thì TCTD phải kiểm tra, giám sát, yêu cầu yêu cầu khách hàng báo cáo về việc sử dụng vôn vay đúng mục đích. |
| Toyota Việt Nam | Bổ sung Chương IX về Xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu.  Kính đề nghị Ngân hàng nhà nước cân nhắc bổ sung quy định thu giữ tài sản bảo đảm trong trường hợp đang bị bên thứ ba chiếm giữ ngay tình (khi không có sự đồng ý của bên nhận tài sản bảo đảm) theo hướng bảo vệ quyền thu giữ và xử lý của của tổ chức tín dụng, bên mua nợ. Trong trường hợp này bên có tài sản bảo đảm đã thể hiện ý chí từ chối quyền chiếm hữu và sử dụng bằng hành vi chuyển tài sản bảo đảm cho bên thứ ba. | Quy định thu giữ là quy định áp dụng chung, việc chiếm giữ của bên thứ ba được xác định ngay tình hay không ngay tình không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Luật này |
|  | **Điều 95** | Vietcombank | **Khoản 1: Bổ sung theo hướng:**  1. Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng ***hoặc các trường hợp khác theo thỏa thuận giữa khách hàng và tổ chức tín dụng hoặc theo quy định của pháp luật.*** | Nội dụng bổ sung đã được thể hiện tại quy định “vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng”. |
| VPBank | Bổ sung nội dung cho phép TCTD được xem xét, quyết định miễn gốc đối với các khoản vay thẻ tín dụng, thấu chi của khách hàng cá nhân do các khoản vay qua thẻ tín dụng, thấu chi của Khách hàng cá nhân thông thường là các khoản vay tiêu dùng, nhỏ lẻ, số tiền ít. Trong quá trình trả nợ, Khách hàng cá nhân đã trả nợ một phần lớn, hoặc vì một lý do nào đó mà còn nợ một số tiền khá nhỏ và bị quên, hoặc sau đó bị chết/mất tích... thì chi phí để truy đòi/theo dõi khoản nợ sẽ tăng lên cho tổ chức tín dụng. | Căn cứ đặc thù hoạt động của TCTD, việc quy định cho phép TCTD miễn gốc đối với các khoản cấp tín dụng là không phù hợp.  Hoạt động của ngân hàng là đi vay để cho vay. Vì vậy, miễn giảm nợ lãi cho khách hàng thì TCTD chỉ giảm nguồn thu (lợi nhuận) nhưng nếu miễn nợ gốc cho khách hàng thì sẽ ảnh hưởng đến việc thanh toán cho người gửi tiền của TCTD. |
|  | **Điều 96** | BIDV | Bổ sung hướng dẫn lưu trữ hồ sơ đối với trường hợp Hoạt động ngân hàng điện tử | Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
| Vietcomnbank | Khâu lưu giữ hồ sơ là khâu quan trọng cần phải được giữ lại để làm cơ sở khi cần bằng chứng để điều tra, làm rõ trách nhiệm của tập thể/cá nhân có sai phạm trong cấp tín dụng hoặc các mục đích cần thiết khác. Do đó, Giữ lại nội dung theo dự thảo sửa đổi Luật các TCTD. | Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
| Vietcomnbank | Khi cho vay bằng phương tiện điện tử, các công đoạn đã được thực hiện theo hệ thống điện tử (bao gồm quyết định cho vay được thực hiện tự động bởi hệ thống dựa trên các điều kiện vay đã được thiết lập sẵn ngay từ đầu, mà không có sự tham gia của con người khi quyết định cho vay), do vậy, việc lưu giữ “quyết định cấp tín dụng của cấp có thẩm quyền” có thể được hiểu là lưu trữ thông tin điện tử về việc thông qua khoản vay của hệ thống hay không?  Đề nghị NHNN có quy định phù hợp với lưu giữ hồ sơ tín dụng đối với hoạt động cấp tín dụng bằng phương tiện điện tử. Cụ thể:  - Quyết định cấp tín dụng trong trường hợp phê duyệt tự động khi cho vay bằng phương tiện điện tử thì cấp có thẩm quyền được hiểu là cấp nào?  - Trong trường hợp quyết định tập thể được thực hiện bằng phương tiện điện tử thì hình thức biên bản được hiểu như thế nào? (theo thông lệ quốc tế, các cá nhân có thẩm quyền chỉ ấn nút đồng ý/không đồng ý khoản cấp tín dụng và được hệ thống ghi nhận lại). | Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
| Công ty Tài chính TNHH MTV Lotte Việt Nam | Dự thảo đang có hai phương án là sửa đổi hoặc hủy bỏ nội dung này.  Theo chúng tôi thì nên hủy bỏ Điều khoản này, bởi vì:   * + Thực tế việc đánh giá năng lực tài chính của KH có nhiều cách thức khác nhau: thông tin KH kê khai, lịch sử tín dụng, dữ liệu chấm điểm của bên thứ 3, … không phải là hình thức “Báo cáo thực trạng tài chính …”   + Quyết định cấp tín dụng hiện tại cũng ứng dụng công nghệ (i) cán bộ thẩm đinh/phê duyệt thực hiện phê duyệt trên hệ thống không ký/phát hành quyết định cụ thể, (ii) hệ thống phê duyệt tự động theo các quy tắc đã được thiết lập sẵn. | Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
| VPBank | Khoản 1 sửa đổi như sau: “Tài liệu thẩm định khả năng tài chính để trả nợ của Khách hàng” do việc thẩm định khả năng tài chính của khách hàng có thể được thể hiện trong nhiều văn bản, tài liệu với tên khác nhau như tờ trình, đề xuất, báo cáo… và nên gọi chung là tài liệu để thống nhất cách hiểu. | Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
| Techcombank | 1. Đề nghị NHNN quy định làm rõ nội dung ”báo cáo thực trạng tài chính” quy định tại điểm b khoản 1 để tránh vướng mắc khi thực hiện do Quy định tại điểm b khoản 1 đãn có nhiều đánh giá/ nhận định/ quan điểm khác nhau về việc xác định thế nào là “báo cáo thực trạng tài chính”. Báo cáo thực trạng tài chính có bắt buộc phải là báo cáo tài chính theo Luật kế toán không?  2. Đề nghị không quy định nội dung tại điểm c khoản 1 do đối với nội dung quy định tại điểm c khoản : Trong từng thông tư về từng nghiệp vụ cấp tín dụng đã có quy định nội dung này. Nếu việc phê duyệt cấp tín dụng được thực hiện qua phương thức điện tử thì ko cần con người thực hiện công tác này. | Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
| VPBank | Khoản 2: Đề nghị xem xét (i) bổ sung thêm hướng dẫn chi tiết tại hoặc (ii) lược bỏ khoản này do hiện nay không có quy định pháp luật về thời hạn lưu trữ hồ sơ tín dụng áp dụng với TCTD là ngân hàng thương mại cổ phần. | Tại khoản 2 chỉ quy định chung thời hạn lưu trữ hồ sơ tín dụng theo quy định pháp luật. TCTD tuân thủ thời hạn lưu trữ theo quy định pháp luật có liên quan. |
|  | Quyết định phê duyệt tín dụng không nhất thiết phải của người có thẩm quyền theo Điều 96 do TCTD đã cài đặt đầy đủ các điều kiện cấp tín dụng trên hệ thống, hệ thống thực hiện thẩm định và phê duyệt tự động theo điều kiện đã cài đặt => Quy định này sẽ bị vướng. | Tiếp thu, điều chỉnh lại dự thảo Luật |
| Công ty cho thuê tài chính Á Châu | bổ sung đối với loại hình TCTD là công ty cho thuê tài chính là “**tài liệu ghi rõ mục đích sử dụng tài sản thuê tài chính**” và “***những tài liệu phát sinh trong quá trình sử dụng khoản tín dụng liên quan đến hợp đồng cấp tín dụng***”.  **Lý do:**  Đối với hoạt động CTTC, Công ty cho thuê tài chính sẽ giải ngân tiền cho bên cung ứng với mục đích để mua tài sản cho thuê, do đó công ty cho thuê tài chính chỉ có thể kiểm soát được phương án và mục đích sử dụng tài sản cho thuê đối với khách hàng.  Phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 94: TCTD có quyền, nghĩa vụ kiểm tra, giám sát ***việc sử dụng khoản tín dụng*** của khách hàng (không phải là mục đích sử dụng vốn vay như quy định của luật các TCTD hiện hành). | Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
| SeABank | Dự thảo sửa đổi quy định về việc Lưu giữ hồ sơ tín dụng thêm một số hồ sơ như: Hồ sơ về biện pháp bảo đảm trong trường hợp áp dụng biện pháp bảo đảm; Báo cáo thực trạng tài chính của khách hàng theo hướng dẫn, quy định nội bộ của tổ chức tín dụng.  SeABank nhận thấy việc quy định các Tổ chức tín dụng phải lưu giữ hồ sơ tín dụng là phù hợp tuy nhiên không nhất thiết phải quy định cụ thể về các loại hồ sơ tín dụng cần phải lưu trong Luật. Ngoài ra, do Thông tư 22/2021/TT-NHNN về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành trong hoạt động của Ngân hàng nhà nước (thay thế Thông tư 43/2011/TT-NHNN) không còn quy định về thời hạn lưu trữ hồ sơ tín dụng đối với các tổ chức tín dụng nên SeABank đề xuất Ngân hàng nhà nước có văn bản hướng dẫn cụ thể về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu đối với các tổ chức tín dụng để áp dụng thống nhất. | - Tiếp thu, đã chỉnh sửa lại quy định về thành phần hồ sơ lưu trữ.  Tại khoản 2 quy định chung thời hạn lưu trữ hồ sơ tín dụng theo quy định pháp luật. TCTD tuân thủ thời hạn lưu trữ theo quy định pháp luật có liên quan |
|  | **Điều 97** | BIDV | Pháp luật hiện hành chỉ có khái niệm về giao dịch điện tử tại khoản 6 Điều 4 Luật Giao dịch điện tử và Nghị định 35/2007/NĐ-CP về giao dịch điện tử trong hoạt động Ngân hàng, theo đó không có khái niệm về ngân hàng số hay hoạt động ngân hàng số.  Do bản chất hoạt động ngân hàng số được hiểu là hoạt động ngân hàng được thực hiện bằng phương tiện điện tử nên đề nghị sử dụng cụm từ “*giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng*” cho thống nhất hoặc bổ sung khái niệm “*hoạt động ngân hàng số*” | Tiếp thu, dự thảo Luật đã bỏ quy định về ngân hàng số |
| VIB | Các giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng không chỉ dừng lại ở các hoạt động kinh doanh mà còn các hoạt động khác được phép. Do vậy xem xét sửa đổi theo hướng thay thế "*hoạt động kinh doanh*" thành "*các hoạt động ngân hàng*". | Khái niệm hoạt động ngân hàng tại khoản 12 Điều 4 dự thảo Luật rất hẹp, chưa bao quát hết các hoạt động của TCTD |
| VPBank | Sửa đổi nội dung Điều 97 như sau: “Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện các hoạt động kinh doanh bằng phương tiện điện tử quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Trường hợp Ngân hàng nhà nước có các quy định chi tiết thì thực hiện theo quy định của Ngân hàng nhà nước” do hiện nay có nhiều hoạt động nghiệp vụ thực hiện qua phương tiện điện tử nhưng NHNN chưa có hướng dẫn/quy định chi tiết. Nếu theo nội dung diễn đạt của Dự thảo thì có thể có cách hiểu là nghiệp vụ nào chưa có hướng dẫn/quy định của NHNN thì các Tổ chức tín dụng chưa được làm, gây ách tắc cho hoạt động kinh doanh của Tổ chức tín dụng. | Tiếp thu, đã chỉnh sửa tại dự thảo Luật để đảm bảo rõ ràng |
|  | **Hoạt động Ngân hàng số** | Công ty Tài chính TNHH MTV Lotte Việt Nam | **Khoản 1:**  Đề nghị bỏ quy định yêu cầu giấy phép “ngân hàng số”, bởi vì:   * Vẫn nằm trong phạm vi hoạt động của các TCTD, chỉ khác là có sự hỗ trợ của công nghệ thông tin. * Dịch vụ internet banking hiện tại cũng không có yêu cầu giấy phép. * Hiện tại Ngân hàng Nhà nước đã có Thông tư 16/2020/TT-NHNN, Thông tư 17/2021/TT-NHNN về mở tài khoản thanh toán, thẻ ngân hàng bằng phương thức điện tử, không yêu cầu về giấy phép. Các TCTD cũng đã bỏ chi phí đầu tư, phát triển, triển khai theo quy định hiện hành. Việc xin phép sẽ ảnh hưởng lớn đến các TCTD. | Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
| MBBank | Đề xuất bỏ nội dung “*theo hướng dẫn của NHNN*” hoặc điều chỉnh như sau tại Điều 97, cụ thể: *Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện các hoạt động kinh doanh bằng phương tiện điện tử* ***phù hợp quy định*** *của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử vì* Hoạt động kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngân hàng bằng phương tiện điện tử chỉ là công cụ, phương tiện để TCTD triển khai hoạt động kinh doanh; theo quy định mới này có thể hiểu rằng NHNN phải có quy định cụ thể thì các TCTD mới được thực hiện, sẽ dẫn tới vướng mắc cho TCTD, đặc biệt trong bối cảnh phát triển số hóa ngành ngân hàng nhanh chóng như hiện nay. |  |
| UOB | Quy định này bắt buộc các TCTD muốn thực hiện ngân hàng số phải có Giấy phép. Như vậy đối với các TCTD đã triển khai ngân hàng số (tự phát triển hoặc liên kết với bên thứ ba) thì có phải bắt buộc đi xin lại Giấy phép hoặc cập nhật lại Giấy phép hay không.  Với sự phát triển của công nghệ hiện nay, đề nghị Dự thảo Luật loại bỏ quy định yêu cầu phải có Giấy phép để thực hiện hoạt động ngân hàng điện tử. Thay vào đó, nên xem hoạt động ngân hàng điện tử cũng là một hoạt động ngân hàng tồn tại song song với hoạt động ngân hàng truyền thống và các TCTD sẽ tự chịu trách nhiệm đối với hoạt động này. | Tiếp thu, dự thảo Luật đã bỏ quy định về ngân hàng số và bổ sung các quy định liên quan đến hoạt động ngân hàng bằng phương tiện điện tử |
| Viettinbank | Theo quy định tại các khoản 4, khoản 4 về Hoạt động ngân hàng số thì Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ có hướng dẫn về hoạt động ngân hàng số phù hợp với quy định của pháp luật và Chính phủ quy định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng. Như vậy, hoạt động ngân hàng số sẽ có hướng dẫn, quy định của pháp luật và có cơ chế kiểm soát hoạt động; ngoài ra ngân hàng số sẽ là hoạt động được ưu tiên phát triển trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư nên quy định TCTD thực hiện hoạt động ngân hàng số phải được ghi tại Giấy phép là không cần thiết. |  |
| Bắc Á Bank | ***Đề xuất bỏ quy định Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện hoạt động ngân hàng số phải được ghi tại Giấy phép để giảm bớt thủ tục hành chính.***  Ngân hàng số và ngân hàng điện tử đều là dịch vụ ngân hàng trực tuyến cho phép khách hàng có thể giao dịch không dùng tiền mặt, thực hiện các nghiệp vụ thanh toán dịch vụ, hóa đơn, chuyển tiền,…  Về bản chất, Ngân hàng số có phạm vi rộng và toàn diện hơn ngân hàng điện tử.  Hiện nay, các ngân hàng thương mại đều đã triển khai dịch vụ ngân hàng điện tử/ngân hàng số. Do đó, việc quy định “***Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện hoạt động ngân hàng số phải được ghi tại Giấy phép”*** là không cần thiết vì các hoạt động ngân hàng đều đã được ghi nhận tại Giấy phép, ngân hàng số/ngân hàng điện tử chỉ là phương thức thực hiện. NHNN sẽ có các quy định hướng dẫn và tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ có trách nhiệm đáp ứng các yêu cầu triển khai ngân hàng số/ngân hàng điện tử bao gồm công nghệ, an toàn, bảo mật, quy trình nội bộ, quản lý rủi ro |  |
| Vietcombank | Hiện tại, nhiều TCTD đã triển khai một số dịch vụ đơn giản hoàn toàn trên môi trường số như mở tài khoản, chuyển tiền, gửi tiết kiệm, cho vay thế chấp/cầm cố sổ tiết kiệm (toàn bộ quy trình được số hóa hoàn toàn). Do vậy, trường hợp Luật các TCTD yêu cầu TCTD thực hiện hoạt động ngân hàng số phải được ghi tại Giấy phép trong khi chưa có Nghị định hướng dẫn cụ thể về việc đăng ký ngân hàng số có thể làm ách tắc các dịch vụ ngân hàng số đã, đang được thực hiện.  - Đề nghị NHNN làm rõ mối quan hệ giữa cấp tín dụng bằng phương tiện điện tử và hoạt động ngân hàng số. Việc cấp tín dụng bằng phương tiện điện tử có phải đáp ứng các điều kiện của ngân hàng số hay không?  - Đề nghị NHNN bổ sung lộ trình đăng ký hoạt động ngân hàng số trên Giấy phép. Ngoài ra, bổ sung quy định cho phép trong thời gian chưa đăng ký, các TCTD được phép tiếp tục thực hiện các hoạt động ngân hàng số phù hợp với hướng dẫn của quy định pháp luật liên quan nếu không trái với các nguyên tắc, quy định tại Luật. |  |
| VIB | Cần có hướng dẫn rõ để phân biệt hoạt động ngân hàng số với hoạt động ngân hàng điện tử/giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng.  Các TCTD đã thực hiện việc mở tài khoản online, gửi tiết kiệm online,… thì được hiểu là hoạt động ngân hàng số không và có bị vi phạm quy định Dự thảo này không?  Phần định nghĩa về ngân hàng số nên quy định tại Điều 4 Giải thích từ ngữ.  Phần định nghĩa về ngân hàng số quá chung chung và quá rộng. Việc ứng dụng công nghệ số vào hoạt động ngân hàng là nhu cầu thiết thân của các TCTD để cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng, giảm chi phí, tăng cường năng lực quản lý rủi ro và nâng cao hiệu quả hoạt động; do vậy không nên yêu cầu phải được ghi nhận tại Giấy phép. Nếu quy định hoạt động ngân hàng số phải được ghi nhận tại Giấy phép thì cần đưa ra giới hạn hẹp và nêu cụ thể những hoạt động nào là hoạt động ngân hàng số.  Hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng có được xem là hoạt động ngân hàng số không? Nếu có cần phải đưa vào định nghĩa cụ thể hoạt động công nghệ tài chính, tránh việc quy định chung chung.  Cần có văn bản quy định/hướng dẫn về giao dịch điện tử, giao dịch kỹ thuật số, giao dịch bằng các ứng dụng công nghệ số... trong hoạt động ngân hàng, tránh việc quy định chồng chéo và mâu thuẫn với nhau. | Tiếp thu, dự thảo Luật đã bỏ quy định về ngân hàng số và bổ sung các quy định liên quan đến hoạt động ngân hàng bằng phương tiện điện tử |
| HDSAISSON  VPBank | kính mong NHNN giải thích rõ hơn về “hoạt động số” và “kế hoạch Chuyển đổi số ngành Ngân hàng” theo Quyết định số 810/QĐ-NHNN ngày 11/5/2021 (Quyết định 810).  Cụ thể, theo Quyết định 810, NHNN cũng đặt mục tiêu đối với tổ chức tín dụng về các nghiệp vụ ngân hàng cho phép khách hàng có thể thực hiện hoàn toàn trên môi trường số. Theo Quyết định 810, các tổ chức tín dụng có nghĩa vụ thực hiện chuyển đổi số theo lộ trình và không phải ghi tại Giấy phép trong khi theo Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung, tổ chức tín dụng thực hiện hoạt động ngân hàng số phải được ghi tại Giấy phép? | Dự thảo Luật đã bỏ quy định về ngân hàng số và bổ sung các quy định liên quan đến hoạt động ngân hàng bằng phương tiện điện tử |
|  | Đề nghị không bổ sung **“hoạt động ngân hàng số”** là hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng; Đồng thời, bỏ toàn bộ nội dung khoản 2 của Điều về Ngân hàng số (nội dung bổ sung mới) của dự thảo “Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện hoạt động ngân hàng số phải được ghi tại giấy phép” do Ngân hàng số không phải là một hoạt động kinh doanh, chỉ là phương thức triển khai hoạt động kinh doanh của TCTD. Bên cạnh đó, Điều 97 của Dự thảo đã quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng theo hướng dẫn của NHNN và quy định pháp luật về giao dịch điện tử. Do đó, việc bổ sung hoạt động ngân hàng số như là một hoạt động kinh doanh của TCTD phải ghi nhận trên Giấy phép là không phù hợp. | Tiếp thu, dự thảo Luật đã bỏ quy định về ngân hàng số và bổ sung các quy định liên quan đến hoạt động ngân hàng bằng phương tiện điện tử |
| Techcombank | Đề nghị NHNN làm rõ hơn điểm khác biệt giữa hoạt động ngân hàng số với hoạt động ngân hàng điện tử vì:  1. Quy định dự thảo tại mục 1 và mục 2 chưa rõ ràng. Giả sử rằng TCTD số hóa hoạt động cho vay, bảo lãnh thực hiện theo phương thức điện tử thì sẽ được xác định là hoạt động Ngân hàng số theo mục 1, nhưng lại phải có giấy phép theo mục 2. Như vậy sẽ bị trùng lặp việc xin giấy phép thực hiện vì nghiệp vụ cho vay nói chung các TCTD cũng đã được cấp phép.  2. Bên thứ 3 quy định tại khoản 1 có cần phải có điều kiện gì không? | Tiếp thu, dự thảo Luật đã bỏ quy định về ngân hàng số và bổ sung các quy định liên quan đến hoạt động ngân hàng bằng phương tiện điện tử |
| Công ty Tài chính TNHH MTV Shinhan Việt Nam | Một, Công ty hiểu là công ty tài chính được phép số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ tín dụng, hoặc hợp tác với bên thứ ba để khách hàng có thể tiếp cận và sử dụng nghiệp vụ tín dụng hoàn toàn trên môi trường số mà không cần phải tiếp xúc với nhân viên của công ty tài chính. Nghiệp vụ tín dụng bao gồm nhận biết khách hàng, thẩm định, phê duyệt và ký hợp đồng tín dụng.  Hai, việc yêu cầu tổ chức tín dụng thực hiện hoạt động ngân hàng số bắt buộc phải được ghi vào Giấy phép sẽ dẫn đến gia tăng khối lượng công việc về phía tổ chức tín dụng và cả cơ quan quản lý. Đồng thời, các khách hàng đã sử dụng dịch vụ ngân hàng số nhiều năm nay lại trở thành sử dụng dịch vụ không được cấp phép, bởi trước đây không có quy định này.  Do đó, Công ty kiến nghị không bổ sung thêm quy định này và Ngân hàng Nhà nước ban hành các văn bản hướng dẫn phù hợp với Luật Các Tổ chức tín dụng hiện hành và pháp luật có liên quan. | Tiếp thu, dự thảo Luật đã bỏ quy định về ngân hàng số và bổ sung các quy định liên quan đến hoạt động ngân hàng bằng phương tiện điện tử |
| Vietcombank | **- Khoản 1:** Theo quy định tại Điều 97 Dự thảo: *“Hoạt động ngân hàng số* ***là hoạt động ngân hàng*** *được các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài* ***ứng dụng công nghệ để số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ*** *hoặc hợp tác với bên thứ ba cho phép khách hàng tiếp cận, sử dụng một hoặc một số nghiệp vụ ngân hàng hoàn toàn trên môi trường số.”*  Như vậy, hoạt động ngân hàng số vẫn là các hoạt động ngân hàng nhưng được ứng dụng công nghệ để số hóa, sử dụng trên môi trường số. Đề xuất sửa khoản 1 theo hướng Đề xuất sửa theo hướng:  “1. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể phạm vi, loại hình, nội dung hoạt động ngân hàng **(gồm cả hoạt động ngân hàng số),** hoạt động kinh doanh khác của tổ chức tín dụng trong Giấy phép cấp cho từng tổ chức tín dụng.”  **-Khoản 3:** Bổ sung thêm nội dung: ***điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*** để phù hợp với Khoản 3 Điều 3 Áp dụng Luật các tổ chức tín dụng, điều ước quốc tế, tập quán thương mại quốc tế và các luật có liên quan: Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó. | - Đã tiếp thu và không bổ sung quy định về “ngân hàng số”  - Tại Điều 3 đã có quy định nguyên tắc rõ ràng, do đó không cần thiết bổ sung tại các quy định cụ thể. |
| MBBank | **- Khoản 1:** Đề nghị không bổ sung **“hoạt động ngân hàng số”** là hoạt động kinh doanh của TCTD do Ngân hàng số không phải là một hoạt động kinh doanh, chỉ là phương thức triển khai các hoạt động kinh doanh của TCTD. Bên cạnh đó, Điều 97 dự thảo Luật đã quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng theo hướng dẫn của NHNN và quy định pháp luật về giao dịch điện tử.Do đó, việc bổ sung hoạt động ngân hàng số như là một hoạt động kinh doanh của TCTD phải ghi nhận trên Giấy phép là không phù hợp. | Đã tiếp thu và không bổ sung quy định về “ngân hàng số” |
| Bắc Á Bank | **- Khoản 1:** Kiến nghị không bổ sung thêm nội dung ***“hoạt động ngân hàng số”*** phải có trong giấy phép.Giữ nguyên quy định hiện tại.  Hoạt động ngân hàng số là công nghệ thực hiện giao dịch (vẫn là là các giao dịch ngân hàng: nhận tiền gửi, cấp tín dụng, thanh toán nhưng thực hiện bằng công nghệ số) các ngân hàng hiện tại vẫn đang triển khai.  Việc quy định bổ sung “hoạt động ngân hàng số sẽ làm phát sinh thủ tục hành chính không cần thiết các ngân hàng phải xin bổ sung Giấy phép hoạt động | Đã tiếp thu và không bổ sung quy định về “ngân hàng số” |
| ACB | **- Khoản 3:** Đề nghị sửa đổi theo hướng “các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của tổ chức tín dụng quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng thực hiện theo hướng dẫn của NHNN hoặc theo quy định của pháp luật, tập quán quốc tế có liên quan.  Lý do: Quy định này hạn chế tính chủ động của các TCTD trong quá trình hoạt động kinh doanh. Theo đó, TCTD căn cứ vào Luật CTCTD được chủ động thực hiện các hoạt động kinh doanh theo Giấy phép hoạt động đã cấp theo quy định pháp luật, tập quán quốc tế có liên quan trong trường hợp NHNN chưa có hướng dẫn (ví dụ quy định cho vay trực tuyến, cho vay điện tử …) | Đã tiếp thu và không bổ sung quy định về “ngân hàng số” |
|  | **Điều 98** | BIDV | Đề nghị chỉnh sửa 98.3.b) thành: “Chiết khấu, tái chiết khấu bộ chứng từ theo thư tín dụng, công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác” để thống nhất với dự thảo sửa đổi khái niệm Chiết khấu tại Điều 4, khoản 19. | Nội dung này đã được giải trình tại Điều về giải thích từ ngữ |
|  | - Điểm e Khoản 3:  Tại điều khoản giải thích từ ngữ chưa đề cập. Bổ sung khái niệm, làm rõ nội dung Thư tín dụng để các NHTM thực hiện. | Nội dung này đã được giải trình tại Điều về giải thích từ ngữ |
| Techcombank | Mục e “Phát hành, xác nhận thư tín dụng”  Như vậy, thư tín dụng là hoạt động cho vay, nhưng phần định nghĩa về “Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản” tại khoản 15 Điều 4 không thấy sửa, thư tín dụng vẫn thuộc điều khoản về dịch vụ thanh toán. Điều này sẽ có mẫu thuẫn giữa các nội dung hướng dẫn của pháp luật. | Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
| MBbank | Sửa đổi, bổ sung quy định về “bảo lãnh ngân hàng” theo đó xác định rõ trường hợp nào “bảo lãnh ngân hàng” “phát hành L/C” được xác định là cấp tín dụng. Cụ thể theo hướng: *Bảo lãnh ngân hàng, phát hành L/C là hoạt động cấp tín dụng nếu TCTD phải thực hiện nghĩa vụ thay khách hàng từ nguồn tài chính của TCTD vì:*  Thực tế, hoạt động bảo lãnh của TCTD và nhu cầu khách hàng không phải mọi trưởng hợp đều là cấp tín dụng. Có trường hợp khách hàng đã có sẵn tiền gửi/ký quỹ/nguồn tiền khác tại TCTD để thực hiện nghĩa vụ, trong trường hợp bên thụ hưởng có yêu cầu, tiền của khách hàng tại TCTD sẽ được sử dụng để thực hiện nghĩa vụ (TCTD không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính thay khách hàng) và do đó trường hợp này không phải hoạt động cấp tín dụng.  Luật hiện hành đang quy định thư tín dụng là hình thức cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản (Khoản 15 Điều 4). Tuy nhiên, theo Khoản 11 Điều 3 Thông tư 22/2019/TT-NHNN, thư tín dụng chứng từ (L/C) được xác định là hình thức cấp tín dụng.  Thực tế, hoạt động cấp L/C của TCTD và nhu cầu khách hàng không phải mọi trưởng hợp đều là cấp tín dụng. Có trường hợp khách hàng có sẵn tiền gửi/ký quỹ/nguồn tiền khác tại TCTD để thực hiện nghĩa vụ, trong trường hợp bên thụ hưởng có yêu cầu, tiền của khách hàng tại TCTD sẽ được sử dụng để thực hiện nghĩa vụ (TCTD không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính thay khách hàng) và khi đó không phải cấp tín dụng. | Do đây là nội dung mang tính kỹ thuật nên dự kiến sẽ quy định cụ thể tại Thông tư hướng dẫn của NHNN  (theo nội dung được giao tại khoản 1 Điều 89 dự thảo Luật) |
| Vietcombank | Khoản 2: Hiện Thông tư 01/2021/TT-NHNN và Thông tư 12/2021/TT-NHNN vẫn đang quy định 02 hình thức huy động vốn thông qua phát hành tín phiếu và kỳ phiếu. Trường hợp bỏ 02 hình thức huy động vốn này tại Luật Các TCTD, đề nghị NHNN thống nhất điều chỉnh tại Thông tư 01/2021/TT-NHNN, Thông tư 12/2021/TT-NHNN và các quy định liên quan đảm bảo thống nhất. | Tiếp thu, NHNN sẽ rà soát để kịp thời sửa đổi, bổ sung các văn bản hướng dẫn để đảm bảo phù hợp ngay khi Luật được thông qua |
| VIB | - Khoản 2: Đề nghị bổ sung thêm GTCG khác vào quy định: “*Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu* ***và các GTCG khác*** *để huy động vốn trong và ngoài nước”.* | Điều 97 quy định về hoạt động ngân hàng, do đó khoản 2 Điều 97 đã được điều chỉnh lại thành “phát hành chứng chỉ tiền gửi”. Hoạt động khác ngoài hoạt động ngân hàng sẽ được quy định tại Điều 105 |
| Vietcombank | - Khoản 3: Theo Khoản 11 Điều 3 Thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 quy định *“Cấp tín dụng là việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán,* ***mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp****, phát hành thẻ tín dụng, bảo lãnh ngân hàng,* ***cam kết phát hành dưới hình thức thư tín dụng chứng từ (L/C)*** *và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước….”.*  Do vậy, đề nghị NHNN bổ sung thêm mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp vào các hình thức cấp tín dụng để thống nhất các khái niệm đang áp dụng. | Tại Điểm g khoản 3 Điều 97 đã có quy định “các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được NHNN chấp thuận”. |
| VIB | Đề nghị NHNN làm rõ theo Đều 98.3.b cấp tín dụng có bao gồm chiết khấu bộ chứng từ theo thư tín dụng hay không. Nếu bao gồm cần sửa đổi điểm b thành “b*) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng,* **bộ chứng từ theo thư tín dụng** *và giấy tờ có giá khác;“* | Nội dung này đã được giải trình tại Điều về giải thích từ ngữ |
|  | **Điều 100** | Vietcombank | - Bổ sung định nghĩa về “Tổ chức tài chính” (có bao gồm chi nhánh ngân hàng nước ngoài không?)  - Bổ sung định nghĩa về “Tổ chức tài chính nước ngoài” được sử dụng tại khoản 2 (Tổ chức tài chính nước ngoài có bao gồm TCTD nước ngoài không?)  - Làm rõ hơn việc NHTM có được cho vay, gửi tiền, nhận tiền với TCTD nước ngoài không?  Theo quy định tại Luật này, TCTD được định nghĩa:  *-* ***Tổ chức tín dụng*** *là doanh nghiệp thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động ngân hàng. Tổ chức tín dụng bao gồm ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân*.  - ***Tổ chức tín dụng nước ngoài*** *là tổ chức tín dụng được thành lập ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài.*  *Tổ chức tín dụng nước ngoài được hiện diện thương mại tại Việt Nam dưới hình thức văn phòng đại diện, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty tài chính liên doanh, công ty tài chính 100% vốn nước ngoài, công ty cho thuê tài chính liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài.*  *-* ***Chi nhánh ngân hàng nước ngoài****là đơn vị phụ thuộc của ngân hàng nước ngoài, không có tư cách pháp nhân, được ngân hàng nước ngoài bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ, cam kết của chi nhánh tại Việt Nam.*  => Trong nội dung giải thích từ ngữ, TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và TCTD nước ngoài là các khái niệm khác nhau. TCTD được điều chỉnh bởi Luật các TCTD của Việt Nam còn TCTD nước ngoài thành lập và hoạt động theo Luật của nước sở tại. | Tiếp thu, dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung quy định rõ về hoạt động cho vay, đi vay, nhận tiền gửi giữa các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; quy định rõ ngân hàng thương mại được vay vốn của tổ chức tài chính nước ngoài theo quy định của pháp luật |
| Vietinbank | Đề nghị bổ sung quy định ngân hàng thương mại được mua bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng do bản chất hoạt động này cũng là một hình thức vay vốn. | Hoạt động mua bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các TCTD đã được quy định tại nghiệp vụ chiết khấu |
|  | **Điều 103** | Vietbank | Đề xuất bổ sung quy định theo hướng Tổ chức tín dụng được nhận chuyển nhượng/nhận cấn trừ tài sản bảo đảm là cổ phiếu, cổ phần, phần vốn góp của các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 103 và không phụ thuộc vào điều kiện phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước với mục đích xử lý nợ để đáp ứng kịp thời quá trình xử lý nợ của Tổ chức tín dụng. Trong một thời hạn nhất định kể từ ngày Tổ chức tín dụng được cấp giấy tờ pháp lý chứng minh tư cách sở hữu cổ phần, phần vốn góp này, Tổ chức tín dụng phải xin chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước/ chuyển nhượng lại cho các cá nhân, tổ chức khác phù hợp theo quy định pháp luật. | Hoạt động nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp để xử lý nợ cũng cần phải đảm bảo các điều kiện, yêu cầu chặt chẽ. Hiện nay nội dung này đã được quy định cụ thể tại Thông tư 51/2018/TT-NHNN |
|  | **Điều 104** | Vietcombank | 1) Xem xét bổ sung thành:  Ngân hàng thương mại được mua, bán với kỳ hạn dưới 12 tháng công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.  2) Xem xét dùng thống nhất *"công cụ nợ của Chính phủ"* thay vì *"trái phiếu Chính phủ"* tương tự tại Điều 107, Điều 111 | Tiếp thu và đã điều chỉnh tại khoản 3 Điều 105 dự thảo Luật |
|  | **Điều 106** | VIB | Đề nghị sửa thành:“*Điều 104 Tham gia thị trường tiền tệ và thị trường vốn: Ngân hàng thương mại được mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá khác”.*  Lý do: Theo như dự thảo quy định “*Ngân hàng thương mại được mua, bán với kỳ hạn dưới 12 tháng* ...” sẽ đến có thể hiểu sai việc các ngân hàng thương mại (NHTM) không thể mua, bán trái phiếu chính phủ, các giấy tờ có giá khác có kỳ hạn phát hành ban đầu hoặc kỳ hạn còn lại từ 12 tháng trở lên nhưng trên thực tế, hiện tại các NHTM đầu tư Trái phiếu chính phủ và các GTCG khác có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên (Thị trường vốn). |  |
| VPBAnk | * Đề xuất: Đề nghị cơ quan soạn thảo giữ nguyên nội dung “tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc”   Lý do đề xuất: tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc là một kênh đầu tư của ngân hàng thương mại, do đó việc lược bỏ nội dung này sẽ hạn chế đến hoạt động đầu tư của các ngân hàng, đồng thời thu hẹp cách hiểu về thị trường tiền tệ. | - Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 5/1/2011 về phát hành TPCP, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương quy định các loại TPCP (Điều 10) bao gồm: Tín phiếu Kho bạc; Trái phiếu Kho bạc và Công trái xây dựng Tổ quốc.  - Luật Quản lý nợ công 2017 và Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 (thay thế Nghị định số 01/2011/NĐ-CP) quy định công cụ nợ của Chính phủ bao gồm: TPCP; Tín phiếu kho bạc và Công trái xây dựng Tổ quốc.  Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định về mua, bán TPCP để đảm bảo phù hợp với quy định về tên gọi của các công cụ của Chính phủ tại Luật Quản lý nợ công và Nghị định số 95/2018/NĐ-CP. |
| Vietinbank | Đề nghị sửa cụm từ *“Ngân hàng thương mại được mua, bán với kỳ hạn dưới 12 tháng…”* thành *“Ngân hàng thương mại được tham gia đấu thầu, mua, bán với kỳ hạn dưới 12 tháng…”.* Ngoài ra, cụm từ “*kỳ hạn*” tại Điều này được hiểu là kỳ hạn còn lại, kỳ hạn của các giấy tờ này hay kỳ hạn nắm giữ; do trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn gốc trên 1 năm nên đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu thêm về quy định này. |  |
| BIDV | Thực tế thị trường hiện nay (các TCTD nước ngoài/TCTD trong nước/doanh nghiệp trong nước) có nhu cầu và cần thiết phải có đại lý quản lý tài sản bảo đảm là các TCTD (nhận, quản lý TSBĐ, thực hiện các thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm, theo dõi, giám sát, thực hiện thủ tục xử lý TSBĐ…). Tuy nhiên, do Luật các TCTD đang chưa quy định rõ nên chưa có cơ sở để các văn bản dưới luật quy định, hướng dẫn về vấn đề này. Để tạo hành lang pháp lý đáp ứng nhu cầu thực tế, đối với nội dung Điều này, đề nghị quy định rõ về  “đại lý quản lý tài sản bảo đảm” của TCTD (khái niệm, nội dung, các trường hợp được nhận làm đại lý…). | Hiện nay tại dự thảo Luật đã bỏ hoạt động “đại lý quản lý tài sản”. Hoạt động đại lý, đặc biệt là làm đại lý đối với các hoạt động không thuộc phạm vi hoạt động của TCTD có thể phát sinh nhiều rủi ro. Do đó, dự thảo Luật điều chỉnh lại phạm vi hoạt động đại lý ngân hàng. |
|  | **Điều 107** | BIDV | Trong quá trình phục vụ khách hàng, đặc biệt các khách hàng là NĐTNN mới, lần đầu thực hiện hoạt động đầu tư hay có nhu cầu đầu tư dưới hình thức M&A tại Việt Nam, Ban KHDNNN nhận thấy khách hàng có nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu và yêu cầu NHTM hướng dẫn các quy định về đầu tư, doanh nghiệp, thuế có liên quan… song hành với việc tìm hiểu các quy định về ngân hàng, tài chính (như sử dụng tài khoản, quản lý ngoại hối, quản lý dòng tiền,…) để có góc nhìn tổng quan về giao dịch.  Đồng thời, với thế mạnh về mạng lưới chi nhánh và khách hàng trên toàn quốc, NHTM giúp kết nối thông tin, tạo cơ hội để NĐTNN và DN Việt Nam tìm kiếm các giải pháp tài chính cũng như đối tác M&A phù hợp, góp phần đẩy mạnh hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung, nhiều trường hợp còn là biện pháp hữu hiệu để phục hồi sức khỏe doanh nghiệp, giảm nợ xấu và nâng cao chất lượng tín dụng của NHTM.  Ngoài ra, NHTM là đơn vị cung cấp các dịch vụ ngân hàng uy tín với mạng lưới khách hàng rộng khắp và đã có kinh nghiệm triển khai cung ứng các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất sáp nhật doanh nghiệp và tư vấn đầu tư cho khách hàng. Hiện tại, các NHTM trong đó có BIDV đã và đang triển khai hoạt động  "Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư" theo quy định tại Giấy phép thành lập và hoạt động của NHTM và có quy định nghiệp vụ riêng để hướng dẫn các hoạt động này.  Do đó, để đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng, đặc biệt là các NĐTNN, đề nghị Ban soạn thảo xem xét giữ nguyên nội dung cho phép NHTM được tiếp tục thực hiện hoạt động “Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư” như quy định tại Luật các TCTD hiện hành. | Dự thảo Luật điều chỉnh hoạt động tư vấn của TCTD là “tư vấn ngân hàng, tài chính” phù hợp với phạm vi hoạt động của các TCTD và đảm bảo nội hàm rõ ràng. Quy định như Luật hiện hành dẫn đến những cách hiểu khác nhau về phạm vi hoạt động tư vấn. |
| Vietcombank | - Khoản 3: Đề nghị NHNN bổ sung trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương tại dự thảo Luật này do Đây là các sản phẩm giấy tờ có giá mà các ngân hàng thương mại được phép mua, bán và được sử dụng trong giao dịch với NHNN theo quy định tại Quyết định 11/QĐ-NHNN ngày 06/01/2010 về danh mục GTCG được sử dụng trong các giao dịch của NHNN. | Khoản 3 Điều 105 đã được điều chỉnh phù hợp. |
| VIB | - KHoản 3: Đề nghị sửa thành: “*Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Doanh nghiệp và* ***GTCG khác*** *theo quy định của pháp luật*”. |  |
| Vietcombank | Khoản 1: Xem xét bổ sung định nghĩa, giải thích từ ngữ đối với thuật ngữ *“dịch vụ ngân quỹ”.* | Qua nghiên cứu mô hình một số nước cho thấy, các dịch vụ ngân quỹ bao gồm bảo quản, vận chuyển, phân loại, kiểm đếm tiền cụ thể được thực hiện xã hội hóa cho nhiều chủ thể khác tham gia. Tại Việt Nam, chưa có loại hình doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ngân quỹ, vì vậy, việc nghiên cứu cho phép các NHTM được thành lập công ty hoặc góp vốn thành lập công ty dịch vụ ngân quỹ để cung cấp dịch vụ cho các TCTD là cần thiết  Về quy định cụ thể đối với hoạt động này, căn cứ khoản 1 Điều 89, NHNN sẽ nghiên cứu để ban hành văn bản hướng dẫn |
| UOB | Khoản 2: “2. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; dịch vụ ngân quỹ cho các TCTD khác; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ két an toàn”  Để cho rõ nghĩa, nên thay cụm từ “Dịch vụ quản lý tiền mặt” bằng cụm từ “dịch vụ quản lý dòng tiền” (còn gọi là “dịch vụ quản lý tài khoản tập trung” là loại dịch vụ liên quan đến việc điều chuyển dòng tiền giữa các tài khoản của cùng tổ chức hoặc giữa các đơn vị trực thuộc).  - Đề nghị quy định thành “Dịch vụ quản lý dòng tiền, tư vấn ngân hàng, tài chính; dịch vụ ngân quỹ cho các TCTD khác; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ két an toàn” | Dự thảo Luật điều chỉnh hoạt động tư vấn của TCTD là “tư vấn ngân hàng, tài chính” phù hợp với phạm vi hoạt động của các TCTD và đảm bảo nội hàm rõ ràng. Quy định như Luật hiện hành dẫn đến những cách hiểu khác nhau về phạm vi hoạt động tư vấn. |
| VPBank | * ***Đề xuất:*** Bổ sung một số hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại như sau: “Hoạt động giao đại lý; làm đại lý thanh toán; ngân hàng giám sát; đại diện người sở hữu trái phiếu; đại lý phân phối chứng chỉ quỹ; đại lý phân phối chứng khoán trong phạm vi pháp luật cho phép; dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật; các hoạt động kinh doanh có liên quan tới hoạt động ngân hàng và các ngành nghề khác trên cơ sở phù hợp quy định pháp luật và hướng dẫn, chấp thuận, cho phép của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền”   ***Lý do đề xuất:*** Bổ sung để phù hợp với các quy định tương ứng tại Luật chứng khoán, Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật chứng khoán, Thông tư 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản pháp luật khác để các Ngân hàng thương mại có cơ sở thực hiện. | Tiếp thu, dự thảo Luật đã bổ sung quy định về hoạt động giao đại lý thanh toán. Bên cạnh đó tại khoản 5 Điều 105 quy định” các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản |
| Bắc Á Bank | Kiến nghị giữ nguyên quy định của Luật các TCTD hiện hành, không bỏ các hoạt động:  *2. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư*  Để tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ khách hàng doanh nghiệp. | Dự thảo Luật điều chỉnh hoạt động tư vấn của TCTD là “tư vấn ngân hàng, tài chính” phù hợp với phạm vi hoạt động của các TCTD và đảm bảo nội hàm rõ ràng. Quy định như Luật hiện hành dẫn đến những cách hiểu khác nhau về phạm vi hoạt động tư vấn. |
| VIB | Đề nghị bổ sung thêm bổ sung thêm các hoạt động liên quan đến tư vấn phát hành GTCG cho khách hàng.  Lý do:   * NHTM là định chế tài chính chuyên nghiệp trên thị trường tài chính nên có thể thực hiện hoạt động tư vấn.   NHTM có thể thực hiện hoạt động này cho Khách hàng của NHTM và chịu trách nhiệm theo quy định của Luật chứng khoán và các Nghị định/Thông tư hướng dẫn. | Chưa có đủ cơ sở để xem xét nội dung đề nghị này. |
|  | **Điều 108** | Công ty Tài chính TNHH MTV Lotte Việt Nam | Đề xuất sửa một số nội dung:   * “Phát hành chứng chỉ tiền gửi, và trái phiếu để huy động vốn của tổ chức”. (Bởi vì “phát hành trái phiếu” không nên coi là “hoạt động ngân hàng”) * “Chiết khấu, tái chiết khấu **bộ chứng từ theo thư tín dụng**, công cụ chuyển nhượng, các giấy tờ có giá khác” (để phù hợp với định nghĩa tại Điều 4) * “Vay vốn tổ chứctài chính nước ngoài theo quy định của pháp luật” (bởi vì Thông tư 12/2014/TT-NHNN cũng không có yêu cầu Bên cho vay phải là ‘tổ chức tài chính nước ngoài”). * Đối với hoạt động ***“phát hành thẻ tín dụng”***, đề nghị bổ sung thêm nội dung ***“làm tổ chức thanh toán thẻ đối với thẻ tín dụng do chính công ty tài chính phát hành”*** để tránh công ty tài chính bị phụ thuộc vào ngân hàng, gây khó khăn, tốn kém chi phí không cần thiết cho công ty tài chính.   Đề xuất bổ sung phạm vi hoạt động của Công ty tài chính (không xếp vào hoạt động ngân hàng): *“Phát hành trái phiếu để huy động vốn của tổ chức****, cá nhân****”* (Bởi vì trái phiếu là một loại chứng khoán, Luật chứng khoán và văn bản dưới luật đã có quy định chặt chẽ. Doanh nghiệp bình thường không có hạn chế đối với nhà đầu tư cá nhân mua trái phiếu. Do đó, nhà đầu tư cá nhân cũng cần được mua, bán trái phiếu do Công ty tài chính phát hành). | Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Luật.  Về chiết khấu, tái chiết khấu đã được giải trình tại Điều về giải thích từ ngữ.  Đối với đề xuất về tổ chức thanh toán thẻ, hiện đang có quy định hướng dẫn tại Thông tư của NHNN (TT 19/2016/TT-NHNN) |
| Sumi BIDV | Đề nghị sửa tiêu đề thành: "***Hoạt động của công ty tài chính***" (Lí do tương tự như Điều 98)  (Cụ thể: Hiện tại, bên cạnh các hoạt động ngân hàng, Điều 98 Dự Thảo đang liệt kê một số hoạt động khác được tiến hành bởi NHTM mà về bản chất, đó không phải là hoạt động ngân hàng (Ví dụ: Hoạt động phát hành trái phiếu - là hoạt động huy động vốn của doanh nghiệp nói chung, không phải chỉ riêng cho NHTM và hoạt động này thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp).  Do đó, đề nghị đổi tên Điều 98 để đảm bảo tính thống nhất trong cách hiểu về khái niệm "hoạt động ngân hàng" như được quy định tại khoản 12 Điều 4. Trường hợp không đổi tên của Điều 98, đề nghị liệt kê "phát hành trái phiếu" vào điều khoản khác với tư cách đó là một hoạt động khác của NHTM, không phải hoạt động ngân hàng). | Dự thảo đã chuyển hoạt động phát hành trái phiếu xuống quy định về các hoạt động khác của công ty tài chính |
|  | **Điều 110** | HDSaison | 1. Công ty tài chính được thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng sau đây:  a) Nhận tiền gửi của tổ chức;  b) Phát hành chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu để huy động vốn của tổ chức;  c) Cho vay, đi vay, gửi tiền, nhận tiền gửi với tổ chức tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; vay vốn tổ chức tài chính nước ngoài theo quy định của pháp luật; vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;  d) Cho vay;  đ) Bảo lãnh ngân hàng;  e) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng, các giấy tờ có giá khác;  HD SAISON kính mong NHNN quy định rõ hơn trường hợp Giấy phép của công ty tài chính đang ghi rõ các hoạt động ngân hàng theo Điều 108 Luật Các tổ chức tín dụng hiện tại sẽ xử lý như thế nào sau khi quy định này được sửa đổi, bổ sung?  HD SAISON kính đề xuất NHNN xem xét bổ sung trong quy định chuyển tiếp hoặc quy định mới về cấp đổi giấy phép ghi rõ các hoạt động ngân hàng theo Điều 108 Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung để công ty tài chính thuận lợi khi làm việc với đối tác, khách hàng.  Ngoài ra, HD SAISON kính đề xuất NHNN giữ nguyên nội dung tại điểm g và h như quy định tại Luật Các TCTD (hiện hành) nhằm thống nhất với quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư 19/2016/TT-NHNN là công ty tài chính chỉ được phát hành thẻ tín dụng sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận. Trong Bảng tổng hợp các nội dung đề xuất sửa đổi Luật Các TCTD chưa đề cập đến hoạt động phát hành thẻ tín dụng của các công ty tài chính.  “g) Phát hành thẻ tín dụng  h) Các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.” | Tiếp thu, dự thảo Luật giữ nguyên quy định về hoạt động phát hành thẻ và các hoạt động cấp tín dụng khác theo quy định hiện hành. |
|  |  |  |
|  | **Điều 111**  **Điều 112** | Công ty Tài chính TNHH MTV Lotte Việt Nam | Các quy định về phạm vi hoạt động:   * *“Mua bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp theo quy định pháp luật”* * *“Ngân hàng thương mại được mua, bán với kỳ hạn dưới 12 tháng công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá khác”* * *“Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng, các giấy tờ có giá khác”*   Là còn có sự chồng chéo, đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh lại. | Tiếp thu, dự thảo Luật đã điều chỉnh để đảm bảo rõ ràng. |
|  |  |  |
| Công ty Chailease | Sửa đổi khoản 5 Điều 112 về hoạt động “cho vay bổ sung vốn lưu động” của các công ty cho thuê tài chính trở thành hoạt động “cho vay” như các ngân hàng thương mại và các công ty tài chính đang được thực hiện.  Cụ thể:  *“5. Cho vay cho mục đích hoạt động sản xuất kinh doanh;”.*  \*Lý do:  Với quy định hiện hành, để thực hiện hoạt động cho vay bổ sung vốn lưu động, công ty cho thuê tài chính phải xác định các nhu cầu vốn phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh của bên thuê và chỉ nhằm phục vụ cho **tài sản thuê**.  Trong thực tế, đối tượng khách hàng của các công ty cho thuê tài chính là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các cá nhân kinh doanh và nguồn vốn của các công ty tài chính là rất quan trọng để phát triển phân khúc khách hàng quan trọng này, vốn là đối tượng rất cần được Nhà nước tạo điều kiện để phát triển nhằm xây dựng một nền kinh tế lành mạnh và bền vững, giải quyết được công ăn việc làm cho đông đảo lực lượng lao động của quốc gia.  Do đó, thiết nghĩ việc hạn chế cho vay của các công ty cho thuê tài chính chỉ nhằm phục vụ cho việc vận hành của tài sản thuê, với nhu cầu vốn khá khiêm tốn, là không cần thiết. Các công ty cho thuê tài chính nên được cho vay cho mọi mục đích sản xuất kinh doanh, miễn sao đáp ứng được các điều kiện về cho vay và tuân thủ đầy đủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước trong lĩnh vực này. | Mô hình hoạt động của công ty làcông ty cho thuê tài chính, việc mở rộng cho công ty thực hiện hoạt động cấp tín dụng khác, góp vốn, mua cổ phần thành lập công ty con, công ty liên kết sẽ dẫn tới việc trùng lẫn mô hình giữa công ty cho thuê tài chính với các loại hình TCTD khác, không đúng với bản chất hoạt động của loại hình này**.** |
| BIDV Sumi | Đề nghị sửa thành: *"Công ty cho thuê tài chính không được góp vốn, mua cổ phần, thành lập công ty con, công ty liên kết không phải là tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Việc thành lập công ty con, công ty liên kết của công ty cho thuê tài chính thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước."*  Chỉ nên hạn chế công ty cho thuê tài chính không được thành lập công ty con, công ty liên kết thực hiện các hoạt động kinh doanh ngoài phạm vi hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Xét thực tế, việc công ty cho thuê tài chính thành lập công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực tài chính, cho thuê tài chính không xâm phạm đến lợi ích của các chủ thể khác và có thể giải quyết nhu cầu thực tế của các công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, nâng cao hiệu quả của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. |  |
| BIDV Sumi | * Đề nghị sửa tiêu đề thành: "Hoạt động của công ty cho thuê tài chính." Lí do tương tự điều 98 * Đề nghị sửa thành "Cho vay bổ sung vốn lưu động khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận."   Không nên quy định trong Luật rằng công ty cho thuê tài chính chỉ được phép cho vay bổ sung vốn lưu động cho chỉ bên thuê tài chính như hiện nay. Vì xét thực tiễn kinh nghiệm trên thế giới, không bó buộc công ty cho thuê tài chính chỉ được phép cho vay bổ sung vốn lưu động chỉ cho bên thuê tài chính. Sửa đổi quy định này để đảm bảo hoạt động cho vay bổ sung vốn lưu động của các công ty cho thuê tài chính vẫn đặt dưới sự kiểm soát của NHNN và đảm bảo tính linh hoạt trong các quy định, hướng dẫn bởi NHNN. |  |
| Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV KEXIM Việt Nam | Đề xuất sửa đổi như sau:   * Cho tổ chức vay   Bổ sung các hoạt động sau vào hoạt động ngân hàng của công ty cho thuê tài chính:   * Bao thanh toán * Bảo lãnh ngân hàng   Chiết khấu  Lý do:  - Đối với hoạt động cho tổ chức vay: việc mở rộng đối tượng được vay từ các công ty cho thuê tài chính trước hết là đáp ứng nhu cầu vay vốn của doanh nghiệp đặc biệt các doanh nghiệp vừa và nhỏ là những doanh nghiệp chưa có lịch sử tín dụng, tài sản cố định và thường gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn của các ngân hàng cho nhu cầu sản xuất và mở rộng hoạt động của doanh nghiệp, sau đó là tạo lợi thế cạnh tranh cho các công ty cho thuê tài chính trong thị trường cho vay.  - Đối với hoạt động bao thanh toán và bảo lãnh ngân hàng: đây là các hoạt động “cấp tín dụng” được nêu tại Điều 4.14 Luật CTCTD 2010 sửa đổi, bổ sung 2017. Bên cạnh đó, Điều 112.7 Luật CTCTD 2010 sửa đổi, bổ sung 2017 cũng quy định công ty cho thuê tài chính được thực hiện hình thức cấp tín dụng khác khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận. Như vậy, có cơ sở để cho phép công ty cho thuê tài chính được bổ sung các hoạt động này.  Thực tiễn hoạt động cho thuê tài chính tại Hàn Quốc cho thấy, chính phủ Hàn Quốc đã cho phép thực hiện nghiệp vụ bao thanh toán để tăng cường hỗ trợ tài chính doanh nghiệp. Năm 1981 thì hầu hết các tổ chức tài chính (bao gồm cả công ty cho thuê tài chính) đều được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ này.  - Đối với hoạt động chiết khấu: theo quy định tại Thông tư 04/2013/TT-NHNN ngày 01/03/2013 quy định về hoạt động chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, công ty cho thuê tài chính được thực hiện hoạt động này khi có chấp thuận của Ngân hàng nhà nước bằng văn bản. Do đó, cần bổ sung hoạt động này vào danh sách các hoạt động ngân hàng của công ty cho thuê tài chính. |  |
| Công ty Chailease | Cho phép các công ty cho thuê tài chính được thực hiện hoạt động “bao thanh toán”.  Cụ thể:  Bổ sung vào Điều 112 hoạt động bao thanh toán.  \*Lý do:  Có nhiều khách hàng của chúng tôi có nhu cầu về việc tài trợ tài chính cho các khoản phải trả/các khoản phải thu của mình. Tuy nhiên, do công ty cho thuê tài chính không được phép thực hiện hoạt động bao thanh toán theo quy định pháp luật hiện hành nên các khách hàng này phải tìm nguồn tài trợ cho nhu cầu này từ các bên khác. Vì vậy, nhằm tạo thuận lợi cho khách hàng trong việc tiếp cận các nguồn vốn đa dạng nhằm đáp ứng những nhu cầu phát sinh từ quá trình mua, bán hàng hoá, chúng tôi kiến nghị cho phép các công ty cho thuê tài chính được thực hiện hoạt động bao thanh toán, tuân theo các điều kiện và quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước.  Chúng tôi tin rằng, với kinh nghiệm thực tế của tập đoàn tài chính của chúng tôi trong các thị trường Châu Á khác và với nguồn lực hiện tại, công ty Chailease ở Việt Nam sẽ thực hiện tốt hoạt động cho vay và bao thanh toán cho khách hàng nhằm phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh, khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép. |  |
| Công ty Chailease | Cho phép các công ty cho thuê tài chính được mở rộng quyền thu phí khi thực hiện hoạt động cấp tín dụng.  Đề xuất cho phép công ty cho thuê tài chính được thu phí phục vụ hoạt động cấp tín dụng của mình, bao gồm:  1. Phí trả nợ trước hạn trong trường hợp khách hàng trả nợ trước hạn.  2. Phí trả cho hạn mức tín dụng dự phòng.  3. Phí cam kết rút vốn kể từ thời điểm thỏa thuận cho vay có hiệu lực đến ngày giải ngân vốn vay lần đầu.  \*Lý do:  Theo quy định hiện hành, công ty cho thuê tài chính chỉ được thu phí cho thuê tài chính hợp vốn và các chi phí có liên quan đến tài sản thuê. Trong khi đó, khi công ty chúng tôi đi vay từ các ngân hàng thương mại và nếu muốn trả nợ trước hạn thì phải thanh toán khoản phí trả nợ trước hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Ngoài ra, để đảm bảo sự sẵn sàng giải ngân cho khách hàng, công ty chúng tôi phải sắp xếp và duy trì khoản vốn tại các ngân hàng đối tác và cũng phải thanh toán một khoản chi phí cho các ngân hàng thương mại khi thực hiện các hoạt động này. Việc sắp xếp nguồn vốn này thường phải kéo dài trong một khoảng thời gian không cố định, có thể là ba (03) tháng, một số trường hợp có thể kéo dài đến sáu (06) tháng, thậm chí là chín (09) tháng, tùy thuộc vào từng loại máy móc, thiết bị và thời gian sản xuất, nghiệm thu của từng loại tài sản thuê đó. Vì vậy, chúng tôi kính mong Quý cơ quan xem xét bổ sung quyền được thu phí khi thực hiện hoạt động cho thuê tài chính như các ngân hàng thương mại đang được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 39/2016//TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng như đã nêu trên, phù hợp với đề xuất về việc cho phép công ty cho thuê tài chính được thực hiện hoạt động cho vay như đã nêu trên. | Khó khăn, vướng mắc của Công ty liên quan đến quy định tại các văn bản hướng dẫn dưới Luật. Do đó, nội dung này sẽ được xem xét, rà soát trong quá trình sửa đổi các văn bản có liên quan. |
|  | **Điều 116**  **Điều 118** | BIDV Sumi | Đề nghị sửa khoản 6 thành *"Cung ứng dịch vụ tư vấn,* ***môi giới*** *trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính và đầu tư* ***theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.****"*  Không nên quy định trong Luật rằng công ty cho thuê tài chính chỉ được phép cung ứng dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính và đầu tư cho chỉ bên thuê tài chính như hiện nay. Vì xét thực tiễn công ty cho thuê tài chính có năng lực để cung cấp các dịch vụ tư vấn, môi giới, việc cung cấp các dịch vụ như vậy cho các đối tượng khác không phải là bên thuê tài chính không phải lúc nào cũng dẫn đến các tình huống xung đột lợi ích. Do đó, chỉ cần Ngân hàng Nhà nước ban hành quy định cấm công ty cho thuê tài chính không được cung cấp các dịch vụ tư vấn ngân hàng, tài chính và đầu tư trong các tình huống có xung đột lợi ích là đảm bảo lợi ích của các bên cũng như không hạn chế khả năng phát triển kinh doanh của công ty cho thuê tài chính. | Hoạt động tư vấn trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, đầu tư là rất rộng; việc giới hạn như quy định hiện nay tại Luật các TCTD phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty cho thuê tài chính. |
| Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam | Các hoạt động khác, bao gồm:  a) Tiếp nhận vốn ủy thác cho vay của Chính phủ, tổ chức, cá nhân;  ***b) Cho vay, đi vay, gửi tiền, nhận tiền gửi của tổ chức tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;*** Vay vốn của các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính khác;  c) Tham gia góp vốn thành lập ngân hàng hợp tác xã;  d) Mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước***, ngân hàng hợp tác xã***;  đ) Mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, ***Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam,*** chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  e) Nhận ủy thác và làm đại lý một số lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, quản lý tài sản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;  g) Làm đại lý kinh doanh bảo hiểm;  h) Cung ứng dịch vụ tư vấn về ngân hàng, tài chính cho các thành viên  - Đề nghị bỏ nội dung dự kiến sửa đổi và giữ nguyên điểm b khoản 4. Bởi vì, về nguyên tắc, quy định hiện hành cũng như thông lệ quốc tế, QTDND chỉ cho vay thành viên và hướng tới chỉ nhận tiền gửi của thành viên. Do vậy, không thể có TCTD gia nhập thành viên của QTDND, giống như QTDND gia nhập thành viên của NHHTX.  Mặt khác, để phù hợp với Khoản 1 Điều 117 Luật các TCTD và nhằm tăng cường mối liên kết hệ thống, khẳng định vai trò đầu mối điều hòa vốn tiền gửi, tiền vay, cho vay hỗ trợ chi trả, thanh khoản của NHHTX đối với thành viên là các QTDND.  - Tại điểm d, đề nghị bổ sung cụm từ “ngân hàng hợp tác xã” để khẳng định vai trò, trách nhiệm của NHHTX trong việc nhận tiền gửi của các QTDND.  - Tại điểm đ, đề nghị bỏ chữ “Việt Nam” cho phù hợp với toàn văn Luật các TCTD. | Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Luật.  Về hoạt động gửi tiền của quỹ tín dụng nhân dân, dự thảo điều chỉnh lại thành: gửi tiền tại ngân hàng hợp tác xã theo quy định của NHNN. |
|  | **Điều 126** | BIDV | Để đảm bảo thực hiện thống nhất, đề nghị hướng dẫn rõ cách hiểu các cụm từ này  Ví dụ: khoản 5 Điều 126 quy định: "Tổ chức tín dụng không được cấp tín dụng trên cơ sở nhận bảo đảm bằng cổ phiếu của của chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng". Theo đó, BIDV không được cấp tín dụng trên cơ sở bảo đảm bằng cổ phiếu của công ty con của chính BIDV, hay bao gồm cả bảo đảm bằng cổ phiếu của công ty con của TCTD khác như công ty con của VCB, công ty con của Vietinbank,… | Khoản 5 Điều 124 được hiểu là Công ty con của chính TCTD đó |
| ACB | Xem xét thống nhất quy định ứng xử của các TCTD đối với nhóm hạn chế cấp tín dụng điều chỉnh bổ sung tương đồng với nhóm không cấp tín dụng hiện nay, cụ thể: TCTD được cấp tín dụng không có bảo đảm đối với hình thức phát hành thẻ tín dụng cá nhân cho đối tượng hạn chế cấp tín dụng.  Lý do: Đảm bảo thống nhất quy định pháp luật. | Luật hiện hành chỉ loại trừ trong trường hợp không được cấp tín dụng đối với hình thức cấp tín dụng qua thẻ nhưng bị giới hạn hạn mức. Trong trường hợp hạn chế cấp tín dụng thì phải đảm bảo điều kiện nhất định nhưng không có giới hạn hạn mức như các đối tượng không được cấp tín dụng |
| NHTMCP Quân Đội | Đề xuất bổ sung Khoản 2 như sau:  2. Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với quỹ tín dụng nhân dân và trường hợp cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng cho cá nhân ***hoặc các trường hợp đặc biệt để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, vì lợi ích quốc gia theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.***  Theo Khoản 1: *TCTD không được cấp tín dụng đối với pháp nhân là cổ đông có người đại diện phần vốn góp là thành viên Hội đồng quản trị của TCTD*. Tuy nhiên để đáp ứng nhu cầu vốn cho các trường hợp đặc biệt thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh theo quyết định/chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, việc TCTD bảo lãnh/cấp tín dụng cho khách hàng pháp nhân là cổ đông có người đại diện phần vốn góp là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của TCTD hoặc là thành viên góp vốn, chủ sở hữu của TCTD (ví dụ các doanh nghiệp quân đội) là cần thiết, phù hợp với quy định tại:  - Điều 64 Hiến pháp 2013: “*Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của toàn dân. Nhà nước củng cố và tăng cường nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân mà nòng cốt là lực lượng vũ trang nhân dân; phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước để bảo vệ vững chắc Tổ quốc, góp phần bảo vệ hòa bình ở khu vực và trên thế giới. Cơ quan,* ***tổ chức****, công dân* ***phải thực hiện đầy đủ*** *nhiệm vụ quốc phòng và an ninh*”. Do đó tất cả các tổ chức, bao gồm cả TCTD cũng phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ quốc phòng an ninh theo Hiến pháp (không có ngoại lệ).  - Luật quốc phòng cũng ghi nhận lại quy định này trên cơ sở phù hợp với Hiến pháp (Điều 15. Kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng: “*Kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng là sự gắn kết mọi hoạt động quốc phòng với các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội có sự thống nhất quản lý, điều hành của Nhà nước để góp phần củng cố, tăng cường quốc phòng, phát triển kinh tế - xã hội*”).  Thực tế tại MB[[3]](#footnote-3) phát sinh nhiều trường hợp khách hàng doanh nghiệp quân đội (là cổ đông MB có người đại diện vốn là thành viên HĐQT của MB) có nhu cầu MB cấp bảo lãnh/cấp tín dụng, nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho doanh nghiệp quân đội để phục vụ mục đích sản xuất, trang thiết bị quân sự, các hoạt động khác nhằm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo chức năng, nhiệm vụ của từng khách hàng được Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ giao phó. Hoạt động này sẽ góp phần thực hiện nhiệm vụ quốc phòng an ninh vì lợi ích quốc gia, do đó cần thiết quy định cơ chế giao Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định cấp tín dụng trong các trường hợp đặc biệt này | Điều 124 dự thảo quy định về những trường hợp không được cấp tín dụng là những người nắm quyền quyết định tới hoạt động của TCTD, hạn chế rủi ro có thể phát sinh tại TCTD. Nguồn vốn hoạt động của ngân hàng ngoài vốn chủ sở hữu còn có nguồn vốn huy động từ người dân. Do đó, cần có những quy định hạn chế, giới hạn để đảm bảo an toàn hoạt động, hạn chế rủi ro. |
| Công ty Tài chính TNHH MTV Lotte Việt Nam | Những đối tượng thuộc Điều 127 không được phát hành thẻ tín dụng không có tài sản bảo đảm. Trong khi đó, đối tượng tại Điều 126 thì không có hạn chế gì.  Đề nghị NHNN cho phép đối tượng tại Điều 127 cũng được phát hành thẻ tín dụng cá nhân theo các điều kiện giống như Điều 126. | Luật hiện hành chỉ loại trừ trong trường hợp không được cấp tín dụng đối với hình thức cấp tín dụng qua thẻ nhưng bị giới hạn hạn mức. Trong trường hợp hạn chế cấp tín dụng thì phải đảm bảo điều kiện nhất định nhưng không có giới hạn hạn mức như các đối tượng không được cấp tín dụng |
| VIB | - Điểm 3 khoản 1:Đề nghị bổ sung tại Điều 4 Giải thích từ ngữ về thuật ngữ “*Tổ chức tín dụng được chuyển giao bắt buộc*” để giải thích rõ khái niệm “*Công ty con là Tổ chức tín dụng được chuyển giao bắt buộc”*. | Về việc xác định tổ chức tín dụng được chuyển giao bắt buộc đã được quy định rõ tại Mục 5 Chương VIII |
|  | **Điều 127** | SeABank | - Khoản 1: Trên thực tế việc thực hiện quy định này đang gặp một số vướng mắc, tranh cãi như sau:   1. (i) Về quy định những trường hợp không được mở thẻ tín dụng không có tài sản bảo đảm   So với Luật các tổ chức tín dụng 2010, Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi 2017 đã mở rộng phạm vi cá nhân thuộc đối tượng không được cấp tín dụng như thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc… (Điều 126 Luật các TCTD) nhưng lại được tổ chức tín dụng phát hành thẻ tín dụng mà không yêu cầu phải có tài sản bảo đảm (Điều 127 Luật các TCTD). Tuy nhiên, đối với trường hợp Kế toán trưởng của tổ chức tín dụng thì vẫn thuộc trường hợp hạn chế cấp tín dụng (Điều 127 Luật các TCTD) nên không thể được mở thẻ tín dụng không có tài sản bảo đảm tại chính tổ chức tín dụng nơi Kế toán trưởng được bổ nhiệm.  Xét trên cơ sở vị trí, tính chất công việc của Kế toán trưởng và trên cơ sở đánh giá rủi ro phát hành thẻ cho Kế toán trưởng so với các vị trí quản lý, điều hành khác của tổ chức tín dụng, SeABank đề xuất Ban soạn thảo sửa đổi Luật các tổ chức tín dụng theo hướng cho phép Kế toán trưởng của tổ chức tín dụng được mở thẻ tín dụng không có tài sản bảo đảm tại chính tổ chức tín dụng nơi Kế toán trưởng được bổ nhiệm.   1. Điều kiện ưu đãi tại Khoản 1 này được hiểu như thế nào, bao gồm những ưu đãi gì, ưu đãi ở đây là so sánh với cùng tất cả các khách hàng của TCTD nói chung hay so với một nhóm khách hàng? Hầu hết các TCTD đều có chế độ, chính sách cho vay riêng đối với CBNV của TCTD đó, đây là chính sách phúc lợi thúc đẩy CBNV gắn bó lâu dài với tổ chức và vì lợi ích của người lao động. Tuy nhiên, một trong những đối tượng bị hạn chế cấp tín dụng được liệt kê tại Khoản 1 Điều 127 là “Người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng”. Quy định nêu trên là chưa hợp lý và thiếu công bằng vì người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng cũng là CBNV của TCTD, thực tế họ không được ưu đãi gì hơn so với các CBNV làm công việc, đảm nhiệm các vị trí khác tại TCTD.   Vì vậy, SeABank đề xuất sửa đổi theo hướng làm rõ quy định tại Khoản 1 Điều 127 Luật các TCTD. Cụ thể, quy định rõ ưu đãi ở đây là ưu đãi về những gì, đồng thời ưu đãi được hiểu là so với cùng một nhóm khách hàng ví dụ cùng là nhóm khách hàng nội bộ (khách hàng là CBNV của TCTD) hay nhiều nhóm khách hàng khác nhau. | Ưu đãi khoản 1 Điều 126 được hiểu là ưu đãi hơn so với cùng nhóm khách hàng thông thường tại TCTD. |
| Vietbank | Điểm đ khoản 1: Chủ thể về người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng tại các tổ chức tín dụng là khá rộng, bao gồm nhiều chức danh, vị trí khác nhau trong tổ chức. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho các CBNV, Vietbank đề xuất bỏ nội dung điểm đ Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng (chỉ quy định nguyên tắc người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng không được trực tiếp thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng cho khoản cấp tín dụng của chính mình). | Điểm đ khoản 1 Điều 126 đã được sửa lại như sau để đảm bảo rõ ràng: Người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng tại TCTD đó |
| Bắc Á Bank | Kiến nghị sửa các nội dung sau:  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cấp tín dụng không có bảo đảm, cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi cho những đối tượng sau đây:  …………  d) Người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng, **trừ các khoản tín dụng theo chính sách cho vay cán bộ, nhân viên của tổ chức tín dụng đó và cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng cá nhân.**  Tạo điều kiện cho người thẩm định, người xét duyệt được vay vốn và phát hành thẻ tín dụng theo chính sách áp dụng cho cán bộ, nhân viên của tổ chức tín dụng đó (người thẩm định, người xét duyệt cũng là cán bộ, nhân viên của tổ chức tín dụng) | Điểm đ khoản 1 Điều 126 đã được sửa lại như sau để đảm bảo rõ ràng: Người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng tại TCTD đó  Đây là những người làm việc ở vị trí có ảnh hưởng tới kết quả cấp tín dụng, do đó cần có quy định giới hạn cấp tín dụng để hạn chế rủi ro cho TCTD. |
|  |  |  |
| PGBANK | Quy định này chưa rõ ràng TCTD không được cấp tín dụng không có bảo đảm, cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi cho các tổ chức, cá nhân đang làm việc/có liên quan đến chính TCTD đó hay TCTD bất kỳ nào.  Kiến nghị Ban kiểm soát quy định rõ TCTD không được cấp tín dụng không có bảo đảm, cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi cho các tổ chức, cá nhân đang làm việc/có liên quan đến TCTD đó, cụ thể thêm từ “đó” vào các nội dung dưới đây:  *a) Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên đang kiểm toán tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; thanh tra viên đang thanh tra tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài* ***đó****;*  *b) Kế toán trưởng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài* ***đó****, Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc và các chức danh tương đương của quỹ tín dụng nhân dân* ***đó****;*  *e) Các công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng* ***đó*** *hoặc doanh nghiệp mà tổ chức tín dụng* ***đó*** *nắm quyền kiểm soát, trừ trường hợp cấp tín dụng cho công ty con là tổ chức tín dụng được chuyển giao bắt buộc.* | Tiếp thu, dự thảo Luật đã được chỉnh sửa phù hợp |
| VPB | * *Đề xuất 1: Lược bỏ hạn chế cấp tín dụng đối với người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng (Điểm đ Khoản 1 Điều 127)* * *Lý do đề xuất 1: hiện nay quy định pháp luật đã yêu cầu tách bạch giữa khâu bán hàng, thẩm định, xét duyệt tín dụng, đồng thời thực tế quản trị nhân sự tại các tổ chức tín dụng thì tổ chức tín dụng cũng có mong muốn xây dựng các chính sách nhân sự chung cho các cán bộ, nhân viên trong đó có đối tượng là người thẩm định, phê duyệt tín dụng. Ngoài ra, các ngân hàng thương mại hiện nay cũng có xu hướng tập trung hóa việc thẩm định, phê duyệt tín dụng, nên nguy cơ lạm quyền của người thẩm định, phê duyệt tín dụng gần như được loại bỏ. Do đó, việc các tổ chức tín dụng áp dụng cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm hay ưu đãi cho người thẩm định, xét duyệt tín dụng theo chính sách chung của tổ chức tín dụng nên được ghi nhận để phù hợp với nhu cầu và sự phát triển thực tế.* * *Đề xuất 2: Lược bỏ Khoản 2 Điều 127* * *Lý do đề xuất 2: hiện nay quy định pháp luật đã yêu cầu tách bạch giữa thẩm định, xét duyệt tín dụng đảm bảo quản trị rủi ro. Đồng thời Luật doanh nghiệp cũng như các nội dung khác của Luật tổ chức tín dụng cũng nêu rõ các trường hợp giao dịch/hợp đồng cần có thông qua/phê duyệt của Hội đồng quản trị nên việc quy định tại Điều 127 này là không cần thiết.* | Điểm đ khoản 1 Điều 126 đã được sửa lại như sau để đảm bảo rõ ràng: Người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng tại TCTD đó  Đây là những người làm việc ở vị trí có ảnh hưởng tới kết quả cấp tín dụng, do đó cần có quy định giới hạn cấp tín dụng để hạn chế rủi ro cho TCTD.  Yêu cầu tại khoản 2 Điều 125 rộng hơn yêu cầu các giao dịch lớn cần có sự phê duyệt của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên. Do đó dự thảo giữ nguyên như quy định hiện hành. |
|  | **Điều 128** |  |  |  |
| VIB | Đề nghị quy định rõ hơn về việc “*Giới hạn cấp tín dụng*” chỉ áp dụng với khách hàng không phải là TCTD nhằm phù hợp với thực tế. | Nội dung này đã có quy định tại khoản 3 Điều 126 dự thảo Luật |
| Vietcombank | - Khoản 1: - Đề nghị NHNN làm rõ hơn về việc: dư nợ cấp tín dụng và mức mua đầu tư vào TPDN do KH phát hành đã bán nợ cho TCTD được kiểm soát đặc biệt có được tính vào GH cấp tín dụng để xem xét vượt 15% vốn tự có hay không? Hay thực hiện theo từng phương án phục hồi cụ thể do CTQ phê duyệt.  - Đề nghị NHNN làm rõ: Điều 128 tại Dự thảo lần này chỉ bao gồm nội dung điều chỉnh Khoản 1, và bỏ các nội dung tại khoản 2 đến khoản 8 Điều 128 Luật TCTD và Luật TCTD sửa đổi hay giữ nguyên các nội dung tại khoản 2 đến khoản 8 Điều 128? Do tại điều khoản chuyển tiếp, quy định Luật TCTD năm 2010 và sửa đổi năm 2017 hết hiệu lực, có thể hiểu Luật này thay thế toàn bộ 2 Luật đã ban hành? | **-** Khoản 1: Nguyên tắc khoản nợ đã bán thì dư nợ của khách hàng chuyển sang TCTD được kiểm soát đặc biệt  - Các khoản khác về giới hạn cấp tín dụng vẫn được quy định đầy đủ tại dự thảo Luật. |
|  |  |  |
|  |  |  |
| NHTM Quân đội | Đề nghị bổ sung Khoản 7 mới tại Điều này theo hướng như sau:  *“7. Trường hợp đặc biệt, để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, mà khả năng hợp vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa đáp ứng được nhu cầu của một khách hàng* ***hoặc các trường hợp để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, vì lợi ích quốc gia*** *thì Thủ tướng Chính phủ quyết định mức cấp tín dụng tối đa vượt quá các giới hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với từng trường hợp cụ thể.”*  Việc bổ sung quy định là cần thiết và phù hợp trong các trường hợp đặc biệt vì lợi ích quốc gia, để thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh.  Theo quy định tại Điều 64 Hiến pháp 2013: “*Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của toàn dân. Nhà nước củng cố và tăng cường nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân mà nòng cốt là lực lượng vũ trang nhân dân; phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước để bảo vệ vững chắc Tổ quốc, góp phần bảo vệ hòa bình ở khu vực và trên thế giới. Cơ quan,* ***tổ chức****, công dân* ***phải thực hiện đầy đủ*** *nhiệm vụ quốc phòng và an ninh*”. Do đó tất cả các tổ chức, bao gồm cả TCTD cũng phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ quốc phòng an ninh theo Hiến pháp (không có ngoại lệ).  Luật quốc phòng cũng ghi nhận lại quy định này trên cơ sở phù hợp với Hiến pháp (Điều 15. Kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng: “*Kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng là sự gắn kết mọi hoạt động quốc phòng với các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội có sự thống nhất quản lý, điều hành của Nhà nước để góp phần củng cố, tăng cường quốc phòng, phát triển kinh tế - xã hội*”). | Hiện nay nội dung khoản 7 Điều 128 Luật hiện hành quy định “trường hợp đặc biệt để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội” về cơ bản đã bao quát các trường hợp phát sinh trên thực tế. Do đó, dự thảo Luật giữ nguyên như quy định hiện hành |
| Techcombank | Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cấp tín dụng không có bảo đảm, cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi cho những đối tượng sau đây:  …  đ) Người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng ***được xác định/bổ nhiệm bởi cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng;***  … Để tạo cơ sở xác định rõ danh sách người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng để quản lý , giám sát tuân thủ, tránh việc quy định chung chung có thể hiểu rất rộng, gây khó khăn, rủi ro trong quá trình thực hiện.  3. Việc cấp tín dụng đối với những đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này ***và đối tượng không thuộc trường hợp bị cấm cấp tín dụng là người liên quan của cổ đông lớn, cổ đông sáng lập, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý, người điều hành khác của tổ chức tín dụng*** phải được Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng thông qua ***nếu***  ***mức/tổng mức dư nợ cấp tín dụng cho từng khách hàng vượt quá 1% vốn điều lệ của tổ chức tín dụng***  và ***phải*** công khai trong tổ chức tín dụng, ***công bố thông tin theo quy định pháp luật***.  Về nguyên tắc, các đối tượng không bị cấm cấp tín dụng, chỉ bị hạn chế cấp tín dụng đã được quản lý chặt chẽ theo luật; cụ thể: không được cấp tín dụng không có đảm bảo, cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi; đồng thời cũng phải công khai trong TCTD và công bố thông tin theo định pháp luật rồi. Mặt khác, nếu mức dư nợ tín dụng lớn cần phải trình HĐQT phê duyệt. Do đó, những khoản cấp tín dụng nhỏ; Ví dụ: cấp thẻ tín dụng, cấp món tín dụng nhỏ, không quá 1% vốn điều lệ  của TCTD thì đề nghị không cần thiết trình HĐQT phê duyệt để giảm thiểu thủ tục hành chính.  Lưu ý: hiện đối tượng người liên quan của Giám đốc chi nhánh (là người điều hành theo Luật các TCTD và TT22): rất nhiều và phát sinh thay đổi liên tục. Nếu đối tượng này cũng phải trình HĐQT phê duyệt thì phát sinh rất lớn và rủi ro cao là bị sót trong việc kê khai, bổ sung, thay đổi .  Các khoản cấp tín dụng như đề xuất ở trên không được áp dụng các điều kiện ưu đãi; theo các sản phẩm của TCTD, hạn mức cho khách hàng cá nhân không lớn, nên đề nghị cấc khoản cấp tín dụng cho các Khách hàng cá nhân thuộc đối tượng này không cần thông qua bởi HĐQT | Điểm đ khoản 1 Điều 126 đã được sửa lại như sau để đảm bảo rõ ràng: Người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng tại TCTD đó  Khoản 3 chỉ quy định phê duyệt đối với những đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 125. Đối với các đối tượng khác ngân hàng xét thấy cần thiết phải có sự phê duyệt của Hội đồng quản trị có thể bổ sung tại Điều lệ của tổ chức. |
|  | **Điều 130a** | Vietcombank | **- Khoản 3:** Xem xét bổ sung: Ngân hàng Hợp tác xã và Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có trách nhiệm tham gia đánh giá phương án khắc phục và phối hợp xử lý đối với trường hợp tổ chức tín dụng được áp dụng can thiệp sớm là quỹ tín dụng nhân dân. |  |
| VietBank | Trường hợp bổ sung thẩm quyền, đề xuất cần quy định, hướng dẫn, dẫn chiếu cụ thể các biện pháp hỗ trợ là gì để TCTD được nắm rõ và áp dụng thực hiện. | Tiếp thu, chỉnh sửa quy định tại dự thảo Luật đảm bảo rõ ràng, cụ thể |
| VietBank | **- Khoản 3:** Đề xuất cần quy định rõ thời hạn Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài điều chỉnh phương án khắc phục nếu xét thấy cần thiết là bao lâu để làm cơ sở cho tổ chức tín dụng thực hiện phương án khắc phục theo đúng thời hạn quy định pháp luật (01 năm kể từ ngày có văn bản áp dụng can thiệp sớm, nếu trong thời hạn 01 năm này, Ngân hàng nhà nước có yêu cầu điều chỉnh thì tổ chức tín dụng phải điều chỉnh lại phương án và thời gian thực hiện bị ảnh hưởng, gây khó khăn cho tổ chức tín dụng. | Tiếp thu, chỉnh sửa quy định tại dự thảo Luật đảm bảo rõ ràng, cụ thể |
|  |  |  |
|  | **Điều 131. Dự phòng rủi ro** |  |  |  |
| VPBank | ***Đề xuất:*** Sửa Khoản 2 Điều 133 như sau: “Việc phân loại tài sản có, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động do Ngân hàng Nhà nước quy định. Mức trích lập dự phòng rủi ro trong hoạt động do Ngân hàng Nhà nước quy định sau khi thống nhất với Bộ Tài chính”  ***Lý do đề xuất:*** Việc phân loại tài sản có, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động thuộc hoạt động chuyên môn của Ngân hàng Nhà nước thì chỉ nên để một cơ quan thực hiện, đảm bảo thủ tục nhanh gọn trong ban hành văn bản pháp luật. Riêng vấn đề mức trích thì có thống nhất với Bộ Tài chính để đảm bảo vấn đề liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp của TCTD. | Tiếp thu, hiện nay dự thảo Luật đang quy định theo hai phương án |
|  | **Điều 132** | Vietcombank | **- Khoản 3:**  1. Xem xét làm rõ khái niệm nhận chuyển nhượng bất động sản do việc xử lý nợ vay là như thế nào? Hoạt động này có trùng với hoạt động *“nhận tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm”?*  2. Xem xét làm rõ việc *“chuyển đổi mục đích sử dụng đất và mua lại bất động sản này”?* Nếu khi xử lý nợ vay, TCTD đã nhận chuyển nhượng bất động sran, sau 5 năm lại tiếp tục chuyển đổi mục đích sử dụng và mua lại bất động sản thì hình thức thực hiện như thế nào, mua lại từ ai? | Hiện nay dự thảo giữ nguyên quy định hiện hành. Phương án xử lý đề xuất chưa thật sự rõ ràng và chưa xử lý được các khó khăn, vướng mắc cũng như mục tiêu quản lý nhà nước. Trong thời gian tới, trong quá trình xây dựng Luật, NHNN tiếp tục nghiên cứu, tổng hợp ý kiến các TCTD, bộ ngành để xem xét về việc sửa đổi, bổ sung quy định này. |
| Techcombank | Đề nghị NHNN quy định rõ  Đối với các TCTD nhận tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất để thay thế cho việc thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ bảo đảm nếu muốn chuyển nhượng ngay cho bên thứ ba sau khi nhận bàn giao tài sản bảo đảm thì không cần phải thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất đối với TCTD đã nhận tài sản.  Trường hợp TCTD nhận tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ, khi xử lý nếu không đủ thanh toán các nghĩa vụ bảo đảm cho các tổ chức tín dụng thì không thu các khoản thuế liên quan đến chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản (như thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng…).  Đề nghị không quy định thời hạn 5 năm do thời gian xử lý TSĐB còn phụ thuộc nhiều yếu tố, và tuân thủ theo đúng các luật liên quan |  |
| VIB | **- Khoản 3:** Hiện nay các TCTD đang gặp rất nhiều khó khăn khi nhận chuyển nhượng bất động sản do phải xử lý nợ xấu, thậm chí không thể thực hiện việc đăng bộ sang tên TCTD tại cơ quan đăng ký đất đai. Lý do cơ quan đăng ký đất đai đưa ra là không có chữ ký của khách hàng trong hồ sơ đăng ký biến động đất đai. Đề nghị NHNN làm việc với các cơ quan có liên quan, đặc biệt là Bộ Tài nguyên và Môi trường, để sớm ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể để đảm bảo thuận lợi cho các TCTD khi thực hiện theo quy định của Dự thảo trên thực tế. |  |
| VietBank | **- Khoản 3:**  Đề xuất điều chỉnh thành: “Trong thời hạn 05 năm, **kể từ ngày được Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với bất động sản….”** để đảm bảo cho tổ chức tín dụng có đủ thời gian cần thiết để triển khai thực hiện các giao dịch như quy định pháp luật bắt buộc. |  |
| ACB | **Khoản 3:** NHNN xem xét tăng thời hạn nắm giữ bất động sản do xử lý nợ vay nhằm tạo điều kiện cho các TCTD có thời gian thực hiện xử lý triệt để hơn đối với các tài sản là bất động sản.  Lý do: Trường hợp TCTD là người được thi hành án thực hiện quyền nhận tài sản để trừ vào số tiền được thi hành án, theo đó nhận bàn giao TSBĐ làm tài sản cố định sẽ bị ràng buộc bởi điều kiện tại Khoản 3 Điều 132 và Điều 140 Luật TCTD dẫn tới khó khăn với trường hợp đã xác định là TSCĐ thì yêu cầu chuyển nhượng sau thời hạn nắm giữ 03 năm sẽ không phù hợp. |  |
| Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV KEXIM Việt Nam | Đề xuất sửa đổi như sau:   * Làm rõ cách hiểu thuật ngữ “mua lại” bất động sản. * Bổ sung quyền cho thuê của tổ chức tín dụng bên cạnh việc “bán, chuyển nhượng hoặc chuyển đổi mục đích đổi mục đích sử dụng đất và mua lại bất động sản”. Quyền cho thuê tài sản không quá 05 năm kể từ ngày có quyết định xử lý tài sản và phải hoàn tất việc bán, chuyển nhượng hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng đất và mua lại bất động sản trước khi hết thời hạn 05 năm.   Thay thế cụm từ “kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản” thành “kể từ ngày được chuyển quyền sở hữu đối với bất động sản” vì:   * Sau khi nhận chuyển nhượng bất động sản do việc xử lý nợ vay thì tổ chức tín dụng đã đứng tên sở hữu đối với tài sản. Do đó, việc sử dụng thuật ngữ “mua lại” bất động sản là không rõ ràng. * Cho thuê bất động sản là một trong những phương pháp mà các ngân hàng hiện nay áp dụng đối với việc quản lý và khai thác tài sản gán nợ là bất động sản nhằm tận dụng tính năng và công dụng của tài sản cũng như tận thu được nguồn hoa lợi, lợi tức từ tài sản để thu hồi nợ. Do đó, cần xem xét bổ sung quyền thực hiện khai thác tài sản bằng cách cho thuê để tận dụng công năng của tài sản trong thời gian nắm giữ, tăng nguồn thu nhằm giải quyết triệt để khoản nợ.   Việc chuyển quyền sở hữu đối với bất động sản cho tổ chức tín dụng thực tế mất rất nhiều thời gian, đặc biệt khi vướng về xác định diện tích, định vị vị trí và các vấn đề pháp lý khác. Do đó, việc xác định thời điểm tính thời hạn 05 năm “kể từ ngày được chuyển quyền sở hữu đối với bất động sản” sẽ phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo quyền lợi cho tổ chức tín dụng, thúc đẩy quá trình xử lý nợ vay khi thực hiện nắm giữ bất động sản. |  |
| Vietinbank | Khoản 3 Điều 132 được đề xuất sửa đổi theo hướng trường hợp TCTD nhận chính TSBĐ để thay thế việc thực hiện nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ thì trong thời hạn 05 năm kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, TCTD phải bán, chuyển nhượng hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng đất và mua lại bất động sản này. Tuy nhiên, trong trường hợp nhận chính TSBĐ để thay thế việc thực hiện nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ thì TCTD đã làm thủ tục sang tên TSBĐ cho TCTD. Do đó, trong vòng 05 năm nếu TCTD không bán, chuyển nhượng tài sản đã nhận mà *“mua lại bất động sản”* thì không rõ sẽ thực hiện thủ tục mua lại tài sản này như thế nào do tài sản đã được sang tên cho TCTD khi TCTD nhận TSBĐ này rồi. Ngoài ra, việc hạch toán đối với TSBĐ cho TCTD nhận chính tài sản để thay thế việc thực hiện nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ như thế nào chưa được quy định rõ ràng, vì vậy cần bổ sung, làm rõ các vấn đề này và có quy định phù hợp |  |
| VPB | * Đề xuất: Sửa đổi nội dung tại Khoản 3 Điều 132 Dự thảo như dưới đây nhằm tháo gỡ các vướng mắc trong công tác xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản của TCTD. * “Tổ chức tín dụng không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:   …..  “Tổ chức tín dụng không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:  …..  Nhận chính bất động sản để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm và được giữ nguyên mục đích sử dụng đất, mà không phải thực hiện thủ tục ghi nhận quyền sở hữu đối với bất động sản, quyền sử dụng đối với quyền sử dụng đất (gọi chung là nắm giữ bất động sản). Việc nắm giữ được ghi nhận trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, quyền nắm giữ bất động sản, theo đó Tổ chức tín dụng là Người nhận quyền sử dụng đất, Người sử dụng đất, Người nắm giữ bất động sản. Trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, quyền nắm giữ bất động sản, tổ chức tín dụng có quyền bán, chuyển nhượng bất động sản, khai thác bất động sản, hưởng hoa lợi, lợi tức từ bất động sản. Trường hợp Tổ chức tín dụng quyết định chuyển bất động sản thành tài sản của Tổ chức tín dụng (không phải là nắm giữ) thì Tổ chức tín dụng phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất và bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định quy định tại Điều 140 của Luật này.”   * Lý do đề xuất: * Hiện Bộ luật dân sự 2015 và Nghị định 21/2021/NĐ-CP có cơ chế cho phép bên nhận bảo đảm được nhận chính tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm, đây là một trong các phương thức xử lý tài sản thế chấp, cầm cố. Tuy nhiên, Việc TCTD nhận tài sản bảo đảm là bất động sản để gán nợ, tức là chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của Luật các TCTD đang gặp nhiều vướng mắc, khó khăn trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm. Ví dụ: Để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì TCTD phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của TCTD vì TCTD là tổ chức nên không được giữ nguyên mục đích sử dụng là đất ở. Việc phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất sản xuất kinh doanh đã làm cho mục đích sử dụng đất bị thay đổi, kéo theo đó làm giảm giá trị kinh tế từ việc nhận tài sản để thay thế nghĩa vụ trả nợ của TCTD (Đặc biệt trong trường hợp TCTD nhận gán quyền sử dụng đất ở nhưng phải chuyển mục đích sử dụng sang đất sản xuất kinh doanh). * Do đó, cần làm rõ khái niệm nắm giữ như nội dung diễn đạt nêu trên. |  |
|  | **Điều 133** | NHTMCP Quân đội  Vietcombank | Đề nghị tách riêng thành 02 Điểm và sửa lại như sau cho rõ ràng hơn:  *“a)* ***TCTD được nhận chính bất động sản để thay thế nghĩa vụ trả nợ,*** *nhận chuyển nhượng bất động sản và giữ nguyên mục đích sử dụng đất của bên bảo đảm khi xử lý tài sản bảo đảm.* ***Bộ Tài nguyên và môi trường hướng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho TCTD trong trường hợp này.***  *b)* ***Trong thời hạn 05 năm (hoặc 10 năm với các tổ chức tín dụng được chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc), kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, tổ chức tín dụng phải bán, chuyển nhượng bất động sản này.***  ***Trường hợp TCTD tiếp tục sở hữu bất động sản này thì phải thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất để bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định quy định tại Điều 140 của Luật này.***  - Theo Điều 305 Bộ luật Dân sự 2015, bên nhận bảo đảm được nhận chính tài sản bảo đảm để thay thế nghĩa vụ trả nợ. Do đó, cần thiết phải bổ sung phương thức này. Nếu đoạn đầu đã quy định TCTD đã sở hữu bất động sản từ việc nhận chính bất động sản để thay thế nghĩa vụ trả nợ, nhận chuyển nhượng BĐS rồi thì việc quy định *“TCTD phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất và* ***mua lại bất động sản này”*** ở đoạn sau là không phù hợp.  Để đảm bảo tính khả thi khi TCTD sở hữu bất động sản được giữ nguyên mục đích sử dụng đất thì cần thiết phải giao Bộ TNMT hướng dẫn thủ tục cấp giấy chứng nhận trong trường hợp này vì theo quy định tại Điều 170 Luật Đất đai 2013 người sử dụng đất có nghĩa vụ sử dụng đất đúng mục đích**.**  - Ngoài ra, đề xuất bổ sung thời hạn 08 nâm với các tổ chức tín dụng được chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc. Lý do: Thời hạn 05 năm là ngắn để xử lý đối với một dự án kinh doanh bất động sản đặc biệt là với các TCTD được chuyển giao bắt buộc. |  |
|  | Đề nghị sửa trong tên điều: *“giao dịch điện tử ngân hàng”* thành *“giao dịch ngân hàng điện tử”.* | Dự thảo Luật đã sửa tên Điều thành: Yêu cầu bảo đảm an toàn giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng |
|  | **Điều 139** | Vietcombank | **Điểm c:** Bổ sung cho rõ ràng hơn vì quy định này không quy định về quỹ này và mức trích theo hướng “c. Quỹ đầu tư phát triển **theo quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp”** | Điều 135 dự thảo Luật quy định chế độ tài chính của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện theo quy định của Chính phủ. Theo đó Chính phủ sẽ có hướng dẫn chi tiết các nội dung về mức trích và nguyên tắc quản lý, sử dụng các Quỹ  Hiện việc quản lý và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển đã được quy định tại Điều 24 Nghị định 93/2017/NĐ-CP. |
| PGBANK | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, vốn được cấp được trích hàng năm của TCTD tăng từ 5% lên 10% có cao quá không? Căn cứ vào đâu để có mức tăng gấp đôi này.  Kiến nghị Ban soạn thảo xem xét, cân nhắc quy định này. | - Điểm a Khoản 1 Điều 139 Luật Các TCTD quy định TCTD phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế; quỹ này được dùng để bổ sung vốn điều lệ của TCTD. Tuy nhiên, với đặc thù riêng của các TCTD (tổng tài sản lớn, ROA thấp so với các doanh nghiệp khác: ROA của nhóm các NHTMNN giai đoạn 2019-2021 chỉ giao động trong khoảng từ 0,5%-1,6%), việc quy định mức trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo 5% lợi nhuận sau thuế là tương đối thấp và không có ý nghĩa nhiều trong việc tạo nguồn bổ sung vốn điều lệ, nâng cao năng lực tài chính để đáp ứng tốc độ tăng trưởng tín dụng của TCTD (bình quân tăng trưởng của ngành là 14%/năm). Vì vậy, việc Luật Các TCTD quy định mức trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ như hiện nay là một hạn chế trong trường hợp các TCTD (đặc biệt là TCTD có vốn nhà nước) có nhu cầu tăng trích Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ để tăng vốn điều lệ, nâng cao năng lực tài chính của TCTD.  - Mặc dù Luật quy định mức tối đa của Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được vượt quá mức vốn điều lệ, song, tỷ lệ Quỹ đầu tư bổ sung vốn điều lệ/Mức vốn điều lệ của các TCTD hiện đang rất thấp và không có nhiều ý nghĩa trong việc nâng cao năng lực tài chính của các TCTD (BIDV là 6,43%, MB là 6,13%, Vietinbank là 10,9%, VCB là 12,75%).  - Mức trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (10%) tại dự thảo Luật được quy định bằng tỷ lệ trích của Quỹ dự phòng tài chính. |
| DBS Bank | Bổ sung mới quy định về quỹ đầu tư phát triển, nhưng nội dung của dự thảo chưa quy định rõ các yêu cầu liên quan đến quỹ này, như mức trích lập, điều kiện trích lập và điều kiện sử dụng. Kiến nghị làm rõ các yêu cầu có liên quan đến quỹ đầu tư phát triển, như mức trích lập, điều kiện trích lập, điều kiện sử dụng. | Điều 135 Dự thảo Luật đã giao Chính phủ quy định chế độ tài chính của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Do đó, việc trích lập, quản lý, sử dụng Quỹ đầu tư phát triển sẽ được thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ.  Hiện việc quản lý và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển đã được quy định tại Nghị định 93/2017/NĐ-CP về chế độ tài chính của các TCTD: Theo quy định tại Điều 24 Nghị định 93/2017/NĐ-CP, Quỹ đầu tư phát triển là một trong 06 loại quỹ được trích từ lợi nhuận sau thuế của TCTD, được dùng để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc của TCTD và bổ sung vốn điều lệ cho TCTD. Căn cứ vào nhu cầu đầu tư và khả năng của quỹ, TCTD quyết định hình thức và biện pháp đầu tư theo nguyên tắc có hiệu quả, an toàn và phát triển vốn. |
|  | **Điều 140.**  **Điều 145.** | Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam | Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được mua, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động không quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đối với tổ chức tín dụng***, 100% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đối với quỹ tín dụng nhân dân*** hoặc không quá 50% vốn được cấp và quỹ dự trữ bổ sung vốn được cấp đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  - Tạo điều kiện cho các QTDND trong việc nâng cao cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động. Đặc biệt là các QTDND có thời gian hoạt động từ lâu, đang đặt trụ sở tại đất do UBND hỗ trợ trong quá trình thành lập.  - Đây cũng là một phương thức để tích lũy tài sản của QTDND. | Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
| BIDV | **- Điểm b:**  TCTD được đặt vào kiểm soát đặc biệt khi số lỗ lũy kế của TCTD lớn hơn 50% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; **hoặc theo đánh giá của Ngân hàng nhà nước và các cơ quan quản lý khác trong quá trình thanh tra, giám sát.** Đề nghị cân nhắc cập nhật nhằm phù hợp với các trường hợp theo kết luận thanh tra, kiểm toán của các cơ quan khác như Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán nhà nước,… | Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
|  | Đề nghị bổ sung **cơ chế, phạm vi miễn trừ** trách nhiệm cho các cán bộ thanh tra, giám sát trước các rủi ro pháp lý trong quá trình xử lý TCTD yếu kém. Việc xử lý TCTD yếu kém là vấn đề khó khăn, phức tạp và gây ra rủi ro pháp lý cho NHNN nói chung cũng như các cán bộ tham gia trực tiếp vào quá trình tái cơ cấu các TCTD được kiểm soát đặc biệt. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý cán bộ.   * - Cơ chế miễn trừ là cần thiết nhưng cần bổ sung **thêm phạm vi miễn trừ trách nhiệm,** tránh tình trạng cán bộ cố tình làm trái, gây thêm thiệt hại trong quá trình xử lý TCTD yếu kém nhưng không phải chịu trách nhiệm do đã được miễn trừ. | Tại Nghị quyết 03 của Chính phủ đã kết luận không đồng ý bổ sung nội dung này tại dự thảo Luật |
|  | **Điều 145a.**  **Điều 146a** | Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam | Kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước đặt tổ chức tín dụng vào kiểm soát đặc biệt, dư nợ gốc, lãi của khoản cho vay tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng đó, ***khoản cho vay của ngân hàng hợp tác xã đối với quỹ tín dụng nhân dân*** được chuyển thành dư nợ ***gốc, lãi của khoản*** cho vay đặc biệt.  - NHHTX đóng vai trò đối với hệ thống QTDND gần tương tự vai trò quan trọng của NHNN đối với hệ thống TCTD, vì vậy cần có quy định trong Luật để NHHTX nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm đối với QTDND.  - NHHTX thực hiện vai trò cho vay điều hòa vốn (không có tài sản bảo đảm) để hỗ trợ các QTDND phát triển mở rộng tín dụng và hỗ trợ hệ thống QTDND phát triển an toàn, ổn định.  - Tạo điều kiện để NHHTX có thêm cơ hội thu hồi nợ, giữ được nguồn lực và bảo toàn vốn để hỗ trợ các QTDND khác. | Tiếp thu, chỉnh sửa tại dự thảo Luật |
| BIDV | Bổ sung thêm nội dung: NHNN thông báo với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các cơ quan có liên quan về quyết định kiểm soát đặc biệt. | Điểm a khoản 2 Điều 145 dự thảo Luật giao NHNN hướng dẫn về việc công bố thông tin về kiểm soát đặc biệt của TCTD |
|  | **Điều 146b** | Vietcombank | Xem xét quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát đặc biệt trong giai đoạn thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc để phân tách trách nhiệm của Ban kiểm soát đặc biệt và Chủ sở hữu của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc. | Tiếp thu, dự thảo Luật đã có chỉnh sửa nội dung này |
|  | **Điều 146d** | BIDV | Đề nghị bổ sung thẩm quyền của NHNN trong việc phê duyệt các khoản cho vay đăc biệt của các TCTD mà NHNN chỉ định.  Cụ thể: **Các TCTD trình NHNN phê duyệt:**   * Nội dung các khoản cho vay đặc biệt (số tiền, mục đích sử dụng, thời hạn, lãi suất, tài sản đảm bảo, trả nợ vay đặc biệt…). * Phương án xử lý khoản vay đặc biệt đã vay (gia hạn nợ, tái cơ cấu lại nợ …)   Miễn, giảm lãi các khoản vay đặc biệt. | Tại dự thảo Luật đã quy định rõ thẩm quyền quyết định các khoản cho vay đặc biệt TCTD. |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  | **Điều 146đ** | Vietcombank | Khoản 2: Đề nghị NHNN làm rõ việc thực hiện các giới hạn, tỷ lệ an toàn của NHTM được kiểm soát đặc biệt thực hiện theo quy định nào?  Thông tư 41 quy định: Thông tư này không áp dụng đối với các ngân hàng được đặt vào kiểm soát đặc biệt.  Thông tư 22 quy định: Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt thực hiện các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định tại điều 146đ Luật các TCTD (đã được sửa đổi, bổ sung).  Tại điều 146đ Luật TCTD sửa đổi số 17 năm 2017, quy định tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt không phải tuân thủ quy định tại các điều **128, 130, 131**. Tuy nhiên, tại lần sửa đổi này, Luật đã điều chỉnh bỏ việc không phải thực hiện theo điều 128,130,131  Như vậy, TCTD được kiểm soát đặc biệt vẫn phải thực hiện quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn, tuy nhiên lại không thuộc phạm vi TT 22, TT 41 NHNN.  Bên cạnh đó, TCTD đã mất khả năng chi trả thì việc đáp ứng quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn là không phù hợp. | TCTD được kiểm soát đặc biệt khó có khả năng đáp ứng các tỷ lệ đảm bảo an toàn theo quy định tại Luật các TCTD. Do đó, dự thảo Luật quy định TCTD được kiểm soát đặc biệt không phải đáp ứng các tỷ lệ này. |
| Techcombank | Đề nghị NHNN làm rõ ai/ cấp nào là người quyết định việc quản trị hoạt động thanh toán của TCTD được kiểm soát đặc biệt; việc thanh toán cho tổ chức khác được điều chỉnh/ có bị cấm bởi quy định nào? | Hiện nay dự thảo Luật đã có quy định rõ về quyền hạn, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát, TCTD được kiểm soát đặc biệt |
|  | **Điều 151c. Biện pháp hỗ trợ thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc** | Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam | **Điều 174. Biện pháp hỗ trợ thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc**  ***Bổ sung quy định:***  ***- Khoản vay đặc biệt được tính vào các chỉ số của tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi, tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn của ngân hàng thương mại tổ chức tín dụng được chuyển giao bắt buộc.***  ***- Các khoản cho vay, tiền gửi của Bên nhận chuyển giao bắt buộc và các tổ chức tín dụng khác đối với tổ chức tín dụng được chuyển giao được áp dụng hệ số rủi ro 0% khi tính tỷ lệ an toàn vốn và được phân loại vào nhóm nợ đủ tiêu chuẩn.***  - Để phù hợp với đề xuất sửa đổi, bổ sung Khoản 38 Điều 4, Khoản 8 Điều 6 của dự thảo Luật các TCTD.  - Đảm bảo điều chỉnh đối với tất cả các tổ chức tín dụng được chuyển giao bắt buộc. | Dự thảo đã được rà soát, chỉnh sửa để đảm bảo thống nhất giữa các quy định |
|  |  | NHTMCP Quân đội | ***Bổ sung quy định:***  ***- Khoản vay đặc biệt được tính vào các chỉ số của tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi, tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc.***  ***- Các khoản cho vay, tiền gửi của Bên nhận chuyển giao bắt buộc và các tổ chức tín dụng khác đối với tổ chức tín dụng được chuyển giao được áp dụng hệ số rủi ro 0% khi tính tỷ lệ an toàn vốn và được phân loại vào nhóm nợ đủ tiêu chuẩn.***  Đề nghị quy định theo hướng: Trong thời gian thực hiện phương án CGBB thì ***Khoản vay đặc biệt không tính vào các chỉ số của tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi, tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc”.***  Việc tính khoản vay đặc biệt vào các tỷ lệ như quy định tại dự thảo sẽ gây thêm khó khăn cho TCTD được CGBB do sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của TCTD được CGBB. | Tiếp thu, bổ sung tại dự thảo Luật |
|  |  |  |
|  | Vietcombank | Điều 151c Luật Các TCTD hiện hành chỉ quy định về biện pháp hỗ trợ đối với ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc mà không quy định biện pháp hỗ trợ áp dụng đối với ngân hàng thương mại nhận chuyển giao bắt buộc.  Xem xét bổ sung biện pháp hỗ trợ đối với ngân hàng thương mại nhận chuyển giao bắt buộc. | Tiếp thu, đã có quy định tại Điều 175 dự thảo Luật các TCTD |
|  | **Điều 175 Quyền của bên nhận chuyển giao** |  |  |  |
|  | Đề xuất **bổ sung quyền của bên nhận chuyển giao có các quyền tương ứng của TCTD hỗ trợ theo Khoản 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12 Điều 148b Luật hiện hành, cụ thể:**  1. Phối hợp với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt xây dựng phương án phục hồi theo quy định tại khoản 2 Điều 148a của Luật này.  3. Tổ chức triển khai, quản lý, giám sát tổ chức, hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo phương án phục hồi đã được phê duyệt; đề xuất với Ban kiểm soát đặc biệt việc sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi đã được phê duyệt.  4. Cho vay, gửi tiền với lãi suất ưu đãi tại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo phương án phục hồi đã được phê duyệt.  5. Bán nợ, trái phiếu doanh nghiệp đang được phân loại nhóm nợ đủ tiêu chuẩn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước cho TCTD được kiểm soát đặc biệt theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.  6. Mua lại nợ, trái phiếu doanh nghiệp đã bán quy định tại khoản 5 Điều này theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.  7. Được vay tái cấp vốn với lãi suất ưu đãi đến mức 0%, được giảm 50% tỷ lệ dự trữ bắt buộc theo phương án phục hồi đã được phê duyệt.  8. Không bị hạn chế về tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh quy định tại điểm e khoản 1 Điều 130 131 của Luật này.  9. Các khoản cho vay, tiền gửi tại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được áp dụng hệ số rủi ro 0% khi tính tỷ lệ an toàn vốn và được phân loại vào nhóm nợ đủ tiêu chuẩn.  11. Được phát hành trái phiếu dài hạn cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước”.  12. Được áp dụng các biện pháp hỗ trợ khác do Ngân hàng Nhà nước quyết định theo thẩm quyền.  Trên thực tế, đối với phương án chuyển giao bắt buộc: NHTM được chuyển giao bắt buộc đã, đang và sẽ phát sinh nhiều hơn các vấn đề, vướng mắc, tồn đọng chưa xử lý được (về tài chính, tổ chức, hoạt động, pháp lý…) so với hình thức phương án phục hồi. Do đó để TCTD nhận chuyển giao có cơ sở để triển khai hiệu quả, khả thi phương án CGBB, cần bổ sung thêm một số quyền đối với NHTM được chuyển giao bắt buộc tương tự như với TCTD thực hiện phương án phục hồi. | Điều 175 dự thảo Luật các TCTD quy định biện pháp hỗ trợ bên nhận chuyển giao về cơ bản đã tiếp thu ý kiến của TCTD |
|  | **Bán nợ xấu và tài sản bảo đảm** | Techcombank | Kính đề nghị Ban soạn thảo hướng dẫn thêm về việc định giá của các khoản nợ xấu. Do hiện nay chưa có thị trường mua bán nợ tập trung công khai, do đó, việc xác định giá mua bán nợ phù hợp với giá thị trường chưa có cơ sở. | **Tiếp thu**  Hiện nay Bộ Tài chính đang xây dựng Thông tư về tiêu chuẩn thầm định giá các khoản nợ tín dụng. |
|  | **Mua, bán nợ xấu của tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu**  **Hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự** | VAMC | Đề nghị sửa đổi quy định:  Tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu được mua khoản nợ xấu đang hạch toán trong, ngoài bảng cân đối kế toán của tổ chức tín dụng (riêng nợ xấu của tổ chức tín dụng liên doanh và tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài chỉ thực hiện mua bán nợ theo giá trị thị trường), được chuyển khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt thành khoản nợ xấu mua theo giá thị trường theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  ​Các bên mua bán nợ xấu có thể tự định giá hoặc thuê thẩm định giá khoản nợ để làm cơ sở tham khảo xem xét, quyết định giá mua bán, xử lý nợ.  ​Tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu có thể thỏa thuận với tổ chức tín dụng bán nợ phân chia phần giá trị còn lại (nếu có) của số tiền thu hồi được từ khoản nợ xấu sau khi trừ giá mua và các chi phí xử lý.  2. Tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu được bán nợ xấu cho pháp nhân, cá nhân, bao gồm cả doanh nghiệp không có chức năng kinh doanh mua, bán nợ.  Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 42, đối tượng được bán nợ xấu cho VAMC bao gồm: tổ chức tín dụng, trừ tổ chức tín dụng liên doanh và tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài. VAMC không được mua nợ **theo giá trị thị trường** từ các TCTD 100% vốn nước ngoài, TCTD liên doanh làm hạn chế hoạt động mua bán nợ theo giá trị thị trường của VAMC.  - Quy định các bên mua nợ thống nhất thuê định giá độc lập để định giá khoản nợ và mua nợ với giá mua bằng giá trị định giá độc lập là chưa phù hợp với Luật giá và tính chất hoạt động thị trường.  C**ơ sở, lý do đề xuất:**  - Thứ nhất, việc cho phép VAMC mua nợ xấu của các TCTD 100% vốn nước ngoài, TCTD liên doanh theo giá thị trường sẽ mở rộng đối tượng, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động mua bán nợ của VAMC cũng như góp phần mở rộng thị trường mua bán nợ nói chung. Ngoài ra,đối tượng áp dụng của Luật Các tổ chức tín dụng hiện tại bao gồm cả TCTD trong nước và nước ngoài, do đó việc mở rộng đối tượng bán nợ xấu theo giá thị trường cho VAMC làTCTD 100 % vốn nước ngoài, TCTD liên doanh để tạo sự bình đẳng giữa TCTD trong nướcvà TCTD nước ngoài.  - Thứ hai, theo quy định tại Luật giá thì không có tổ chức định giá độc lập làm dịch vụ định giá, chỉ có tổ chức thẩm định giá làm dịch vụ này. Khoản nợ của các TCTD và tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu là tài sản, hàng hóa có thể thuê thẩm định giá nếu có nhu cầu. Khoản 1 Điều 32 Luật giá quy định: *“1. Kết quả thẩm định giá được sử dụng làm một trong những căn cứ để cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc có quyền sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật và các bên liên quan xem xét, quyết định hoặc phê duyệt giá đối với tài sản.”*. Việc mua bán nợ theo giá thị trường là tự nguyện theo thỏa thuận giữa các bên. Thỏa thuận phân chia giá trị còn lại (nếu có) cũng là một trong các yếu tố quyết định giá mua bán, nếu có phân chia lại thì về nguyên tắc giá mua bán sẽ phải thấp hơn so với giá mua đứt. Việc định giá bao nhiêu hoàn toàn do các bên tự đánh giá quyết định và đi đến thống nhất. Do đó không nên quy định phải thống nhất lựa chọn tổ chức thẩm định giá và mua bán khoản nợ bằng đúng với kết quả thẩm định giá.  **Kinh nghiệm quốc tế:**  Kinh nghiệm quốc tế: Để các Công ty quản lý tài sản do Chính phủ/NHTW thành lập tại các nước hoạt động hiệu quả (Kamco tại Hàn Quốc, Danaharta tại Malaisia…), Nhà nước trao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm rất lớn cho các Công ty này. Ngoài ra, bài học của Hàn Quốc cho thấy, mua bán nợ theo giá trị thị trường chính là một trong những biện pháp quan trọng để thoát khỏi khủng hoảng và áp lực nợ xấu. | **Tiếp thu**  Tiếp thu ý kiến của VAMC, NHNN đã điều chỉnh các nội dung tại Điều này như đề xuất và phù hợp với thực tế. |
| Techcombank, MB, BIDV | Tiêu đề điều 196 mới chỉ quy định đối với vật chứng trong vụ án hình sự, kính đề nghị Ban soạn thảo bổ sung thêm đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. | **Tiếp thu**  NHNN đã điều chỉnh tên Điều cho phù hợp |
|  | **Quyền thu giữ tài sản bảo đảm** | Vietcombank | - Khoản 2:  1. Bỏ điều kiện b hoặc bổ sung quy định hướng dẫn đối với các trường hợp trong hợp đồng bảo đảm không có thỏa thuận thu giữ tài sản đối với các hợp đồng bảo đảm ký trước khi Nghị quyết 42 có hiệu lực.  2. Tài sản bảo đảm không phải là tài sản tranh chấp trong vụ án đã được thụ lý nhưng chưa được giải quyết hoặc đang được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền (không bao gồm vụ án tranh chấp về Hợp đồng tín dụng liên quan đến tài sản bảo đảm); không đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật | **Tiếp thu một phần**  - Về thỏa thuận thu giữ: Trong quá trình đề xuất chính sách về thu giữ tài sản bảo đảm, Ngân hàng Nhà nước đã đề xuất bổ sung nội dung “Các hợp đồng bảo đảm được ký trước ngày Nghị quyết 42/2017/QH14 có hiệu lực mà không có thỏa thuận này thì TCTD được thu giữ TSBĐ theo quy định tại Luật này”.  Tuy nhiên, tại Báo cáo thẩm định số 225/BCTĐ-BTP ngày 09/12/2022 của Bộ Tư pháp về đề nghị xây dựng Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi), Bộ Tư pháp có ý kiến: “Đề nghị cơ quan lập đề nghị xây dựng Luật cân nhắc thận trọng việc tiếp tục kế thừa quy định quyền thu giữ tài sản tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 và mở rộng hơn quyền thu giữ tài sản bảo đảm theo hướng bổ sung nội dung về “Các hợp đồng bảo đảm được ký kết trước ngày Nghị quyết số 42/2017/QH14 có hiệu lực mà không có thỏa thuận này thi tổ chức tín dụng được thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định của Luật này” (Chính sách 4) đảm bảo việc kế thừa và mở rộng này không trái với quy định tại Điều 35 Hiến pháp năm 2013 và Điều 163, Điều 301 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp không có thỏa thuận về việc được quyền thu giữ tài sản bảo đảm tại hợp đồng thì quyền sở hữu tài sản của cá nhân, tổ chức được pháp luật bảo về.  Trường hợp tiếp tục kế thừa, mở rộng mà trái với Hiến pháp năm 2013 và Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị không tiếp tục quy định trong hồ sơ đề nghị xây dựng Luật.  Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tư pháp nêu trên và bảo đảm hài hòa quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong việc xử lý tài sản bảo của khoản nợ xấu, Ngân hàng Nhà nước không tiếp tục đề xuất bổ sung quy định này tại hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi) trình Chính phủ. Trường hợp trong quá trình xây dựng dự án Luật, trên cơ sở kiến nghị, đề xuất và góp ý của các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước sẽ tổng hợp, cần thiết tiếp tục báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định nội dung này.  **-** Về việc niêm yết thông báo thu giữ tài sản bảo đảm:NHNN đã đề xuất bổ sung quy định về việc lập vi bằng xác nhận việc niêm yết thông báo thu giữ.  - Về việc xử lý tài sản nằm trên/nằm trong tài sản bị thu giữ: Trong quá trình đề xuất chính sách luật hóa quy định về xử lý nợ xấu, Ngân hàng Nhà nước đã đề xuất chính sách này. Tuy nhiên, sau khi nghiên cứu, Ngân hàng Nhà nước nhận thấy quy định pháp luật hiện hành không cấm các bên thỏa thuận về việc xử lý tài nằm trên/nằm trong tài sản bị thu giữ. Do đó, về nguyên tắc, các bên có thể thỏa thuận về việc xử lý tài sản này trong hợp đồng bảo đảm. Đồng thời, Điều 325, Điều 326 Bộ luật dân sự đã có quy định về việc xử lý đối với tài sản trong trường hợp thế chấp quyền sử dụng đất mà không thế chấp tài sản gắn liền với đất và thế chấp tài sản gắn liền với đất mà không thế chấp quyền sử dụng đất. |
|  | **- Khoản 4:** Đề nghị bổ sung:  Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình và thông báo **bằng văn bản** về việc thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm, **Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan công an nơi có tài sản bảo đảm** trước khi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm. **Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan công an có trách nhiệm xác nhận việc nhận được thông báo theo đề nghị của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu**; |  |
| BIDV Sumi | Quyền thu giữ tài sản bảo đảm  Từ thực tế hoạt động cho thuê tài chính thường không có tài sản bảo đảm, mà tài sản cho thuê tài chính là tài sản duy nhất mà TCTD có thể xử lý để thu hồi nợ xấu. Do đó, khi xem xét bổ sung vào Luật CTCTD các quy định về xử lý tài sản bảo đảm để thu nợ xấu trong hoạt động ngân hàng, cần bổ sung các quy định riêng về xử lý tài sản cho thuê tài chính để thu nợ xấu cho hoạt động cho thuê tài chính để đảm bảo công bằng, toàn diện về cơ chế pháp lý cho cả hoạt động ngân hàng và hoạt động cho thuê tài chính.  Đề nghị sửa thành:  *"6. Tổ chức tín dụng chỉ được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho công ty quản lý nợ và khai thác tài sản được cấp phép."*  Một số TCTD không thành lập công ty quản lý nợ và khai thác tài sản. Tuy nhiên, NH mẹ có thể có công ty quản lý nợ và khai thác tài sản. Vì vậy, đề nghị NHNN nghiên cứu đề xuất hoạt động của các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản không chỉ giới hạn đối với TCTD thành lập ra nó mà có thể thực hiện dịch vụ đối với các công ty liên quan. Và cho phép TCTD có thể ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho các công ty hoạt động theo quy định của pháp luật. |  |
| VPB  Vietinbank, Techcombank, VAMC  Techcombank | ***Đề xuất:*** Tại quy định về “Quyền thu giữ tài sản bảo đảm”, đề nghị lược bỏ nội dung “*theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác (sau đây gọi là hợp đồng bảo đảm) và quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm*.”  ***Lý do đề xuất:*** quyền thu giữ là quyền đương nhiên của bên nhận bảo đảm khi bên có nghĩa vụ vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, quyền thu giữ này nên được thiết kế ngắn gọn, không phụ thuộc vào việc có thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm hay không. Việc sửa lại nội dung như trên sẽ giúp các TCTD đẩy nhanh tiến độ xử lý tài sản bảo đảm, góp phần giải quyết nợ xấu một cách nhanh, gọn. Đồng thời, hiện nay Bộ Luật dân sự 2015 không cho phép bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm, theo đó các hợp đồng bảo đảm đã ký từ ngày có hiệu lực của Bộ luật dân sự 2015 (1/1/2017) đến nay đã không có thỏa thuận về quyền thu giữ của bên nhận bảo đảm, do đó nếu yêu cầu phải có thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm thì gây bất lợi cho các TCTD. |  |
|  | Về quyền thu giữ tài sản bảo đảm, tại khoản 2 quy định TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi phải đáp ứng các điều kiện, trong đó có điều kiện *“Tại hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật”*. Như vậy để được thu giữ tài sản bảo đảm thì cần phải có thỏa thuận giữa các bên.  Tuy nhiên, do hiện nay pháp luật về giao dịch bảo đảm không quy định về quyền thu giữ tài sản bảo đảm của bên nhận bảo đảm nên tại các hợp đồng bảo đảm đã giao kết không có thỏa thuận về quyền thu giữ tài sản bảo đảm.  Vì vậy đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét điều chỉnh lại nội dung này, theo đó quy định quyền của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu được quyền thu giữ tài sản bảo đảm và tài sản nằm trên, nằm trong tài sản bảo đảm kể cả trong trường hợp các bên không có thỏa thuận.  -Tại khoản 7 mục Quyền thu giữ tài sản bảo đảm quy định trường hợp có các tài sản nằm trên (không bao gồm tài sản gắn liền với đất), nằm trong tài sản bảo đảm nhưng không thuộc tài sản bảo đảm mà bên bảo đảm không di dời trong thời hạn công khai thông tin thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu vẫn có quyền thu giữ và xử lý đối với tài sản bảo đảm; việc xử lý tài sản nằm trên, nằm trong tài sản bảo đảm được thực hiện theo thỏa thuận của các bên. Tuy nhiên trên thực tế, đối với các hợp đồng bảo đảm đã giao kết, các bên không có thỏa thuận về việc xử lý tài sản nằm trên, nằm trong tài sản bảo đảm nhưng không thuộc tài sản bảo đảm thì bên nhận bảo đảm được thu giữ và xử lý những tài sản này do đây không phải tài sản bảo đảm.  Để tạo cơ chế cho các TCTD khi xử lý tài sản này, kính đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bỏ nội dung *“Việc xử lý tài sản nằm trên, nằm trong tài sản bảo đảm được thực hiện theo thỏa thuận của các bên”* mà quy định việc thu giữ và xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp này là quyền của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu khi xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu |  |
|  | 1. Kính đề nghị Ban soạn thảo xem xét, mở rộng khái niệm “các hợp đồng bảo đảm” tại điểm b khoản 2 để phù hợp với quy định của BLDS, Nghị định 21/2021/NĐ-CP. Theo quy định tại Điều 343 BLDS 2005: “*Việc thế chấp tài sản phải được lập thành văn bản, có thể lập thành văn bản riêng hoặc ghi trong hợp đồng chính.*”  Theo quy định tại Khoản 5 Điều 3 Nghị định 21/2021/NĐ-CP: “*Hợp đồng bảo đảm có thể được thể hiện bằng hợp đồng riêng hoặc là điều khoản về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong hình thức giao dịch dân sự khác phù hợp với quy định của pháp luật*.”  Theo đó, ngoài việc ký hợp đồng bảo đảm riêng thì việc thỏa thuận dùng tài sản bảo đảm nghĩa vụ có thể được quy định trong các hợp đồng khác (ví dụ hợp đồng vay, hợp đồng bảo lãnh…).  Thực tế hoạt động các TCTD cũng thường kết hợp quy định về bảo đảm nghĩa vụ trong các hợp đồng cho vay, bảo lãnh, chiết khấu…để giảm thủ tục cho khách hàng.  2. Kính đề nghị ban soạn thảo sửa đổi bổ sung điểm b khoản 2  *b) Tại hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu kế thừa quyền của bên bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật. Các hợp đồng bảo đảm được ký trước ngày Nghị quyết 42/2017/QH14 có hiệu lực mà không có thỏa thuận này thì TCTD được thu giữ TSBĐ theo quy định tại Luật này;* Thực tế, các hợp đồng bảo đảm ký kết trước thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết 42 thường không có thỏa thuận về thu giữ TSBĐ, do thời diểmđó Nghị định 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm đã quy định bên bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm.  3. Kính đề nghị ban soạn thảo bổ sung thêm trách nhiệm của Chủ Đầu tư/Ban quản lý tòa nhà hỗ trợ tổ chức tín dụng thu giữ tài sản bảo đảm  Thời điểm ký kết hợp đồng bảo đảm, bên nhận bảo đảm là các TCTD, do đó hợp đồng bảo đảm không có nội dung thỏa thuận tổ chức mua bán nợ, xử lý nợ xấu có quyền thu giữ. Tổ chức mua bán,xử lý nợ xấu kế thừa quyền của bên bảo đảm khi mua nợ của TCTD  4. Một số trường hợp thu giữ nhà chung cư khó thực hiện do Chủ Đầu tư/Ban quản lý tòa nhà không đồng ý hỗ trợ ngân hàng thu giữ (ngăn cản không cho ngân hàng vào khu chung cư …)và không có quy định pháp luật về việc yêu cầu sự hỗ trợ của các đơn vị này.  Kính đề nghị ban soạn thảo xem xét quy định bổ sung thêm hình thức thông báo thu giữ TSBĐ trên phương tiện thông tin đại chúng trong trường hợp bên bảo đảm chống đối, bỏ trốn  Nhiều trường hợp chủ tài sản chống đối, không chịu nhận thông báo hoặc chủ tài sản đã bỏ trốn không ở địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm  Kiến nghị ban soạn thảo xem xét quy định đối với trường hợp khi thu giữ có các tài sản khác không phải tài sản bảo đảm mà Bên bảo đảm không di dời thì:  (i) Bên nhận bảo đảm có thể di dời (chi phí di dời do Chủ tài sản chịu, TCTD không phải chịu trách nhiệm đối với các hư hỏng, thiệt hại do hao mòn tự nhiên hoặc phát sinh trong quá trình di dời, quản lý tài sản); và/hoặc  (ii) TCTD được thu giữ các tài sản này kèm theo việc thu giữ tài sản bảo đảm.  Quy định việc xử lý đối với các tài sản nằm trên, nằm trong TSBĐ nhưng không di dời thực hiện theo thỏa thuận của các bên có thể sẽ gặp nhiều vướng mắc và không thực hiện được do: (i) không xác định chủ sở hữu; (ii) chủ sở hữu không hợp tác trong việc di dời, xử lý tài sản hoặc chủ sở hữu đã bỏ trốn. |  |
|  |  |  |
| VAMC | Điều 192.2.b  ”b) Tại hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật;”  VAMC không chỉ kế thừa quyền/nghĩa vụ của TCTD sau khi mua nợ mà còn có thể sửa đổi, bổ sung quyền/nghĩa vụ hoặc nhận bổ sung TSBĐ mới sau khi mua nợ. Như vậy hợp đồng bảo đảm không phải chỉ được ký kết giữa TCTD và bên bảo đảm mà còn có thể ký kết giữa VAMC và bên bảo đảm | **Tiếp thu**  NHNN đã điều chỉnh nội dung này cho phù hợp |
|  | **Quy định về thủ tục rút gọn** | VAMC | **Đề nghị bổ sung nội dung quy định về thủ tục rút gọn theo hướng kế thừa Điều 8 Nghị quyết 42 và sửa đổi bổ sung, cụ thể như sau:**  1. Toà án áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng, nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm, tranh chấp về quyền xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu khi đáp ứng các điều kiện sau đây:  a) Trong Hợp đồng tín dụng có thoả thuận về nghĩa vụ thanh toán của khách hàng vay đối với tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng. b) Trong Hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu cho bên nhận bảo đảm hoặc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu có quyền xử lý tài sản bảo đảm đối với trường hợp tranh chấp về nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm hoặc tranh chấp về quyền xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu.  c) Giao dịch bảo đảm hoặc biện pháp bảo đảm đã được đăng ký theo quy định của pháp luật;  d) Không có đương sự cư trú ở nước ngoài, tài sản tranh chấp ở nước ngoài, trừ trường hợp đương sự ở nước ngoài và đương sự ở Việt Nam có thỏa thuận đề nghị Tòa án giải quyết theo thủ tục rút gọn hoặc các đương sự giải trình được chứng cứ về quyền sở hữu hợp pháp tài sản và có thỏa thuận thống nhất về việc xử lý tài sản.  2. Việc giải quyết tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo thủ tục rút gọn quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.  3. Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thực hiện quy định tại Điều này.  Thực trạng, khó khăn, vướng mắc khi áp dụng quy định về thủ tục rút gọn theo quy định tại Điều 8, Nghị quyết 42:  Phạm vi áp dụng thủ tục rút gọn: Hiện nay, quy định tại Điều 8 Nghị quyết 42 chỉ áp dụng thủ tục rút gọn đối với tranh chấp về nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm, tranh chấp về quyền xử lý TSBĐ của khoản nợ xấu của TCTD/VAMC mà chưa quy định áp dụng thủ tục rút gọn đối với các tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng của TCTD với khách hàng vay. Trong khi đó, các tranh chấp của khoản nợ xấu tại các TCTD/VAMC hầu hết là tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng. Phạm vi áp dụng thủ tục rút gọn đối với các tranh chấp tại Điều 8 Nghị quyết 42 rất hẹp và không mang tính điển hình của TCTD/VAMC là một trong các lý do chính dẫn đến việc điều khoản này chưa được áp dụng trên thực tế. Do đó, để đẩy nhanh tiến trình xử lý nợ xấu của TCTD/VAMC qua con đường Tòa án và để Điều 8 Nghị quyết 42 có thể áp dụng trên thực tế, kiến nghị tiếp tục luật hóa điều này và bổ sung phạm vi áp dụng thủ tục rút gọn.  (2) Việc xuất hiện những tình tiết mới khi áp dụng thủ tục rút gọn  Theo quy định tại Điều 317 và Điều 323 Bộ Luật tố tụng Dân sự, thì trong giai đoạn chuẩn bị xét xử theo thủ tục rút gọn, nếu xuất hiện tình tiết mới mà các bên đương sự không thống nhất làm cho vụ án không còn đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục rút gọn thì Toà án ra quyết định chuyển vụ án sang giải quyết theo thủ tục thông thường. Như vậy, trường hợp bên có nghĩa vụ trả nợ/chủ tài sản/bên bảo đảm không hợp tác, chống đối rất dễ dẫn đến tình trạng cố tạo ra các tình tiết mới làm cho vụ án không còn đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục rút gọn.  **Kiến nghị phương hướng sửa đổi nhằm giải quyết khó khăn, vướng mắc:** (1) Mở rộng phạm vi áp dụng thủ tục rút gọn đối với tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng:  - Sửa đổi, bổ sung Dự thảo: Bổ sung phạm vi áp dụng thủ tục rút gọn đối với tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng, do tranh chấp Hợp đồng tín dụng là tranh chấp có phạm vi rất rộng (tranh chấp về lãi suất, tranh chấp do vi phạm nghĩa vụ giải ngân, tranh chấp về áp dụng biện pháp thu hồi nợ…). Thủ tục rút gọn chỉ áp dụng đối với tranh chấp Hợp đồng tín dụng điển hình nhất là tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán. Việc mở rộng phạm vi áp dụng thủ tục rút gọn như trên nhằm đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 317.1 Bộ luật Tố tụng dân sự về điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn: *“1. Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn khi có đủ các điều kiện sau đây: Vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, đương sự đã thừa nhận nghĩa vụ; tài liệu, chứng cứ đầy đủ, bảo đảm đủ căn cứ để giải quyết vụ án và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ”*  - Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐTP:  Bổ sung các quy định về (1) giải thích chi tiết “tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng” và “tài liệu kèm theo đơn khởi kiện” trong trường hợp áp dụng thủ tục rút gọn đối với tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng.  (2) Loại bỏ những trường hợp cố ý tạo tình tiết mới khi áp dụng thủ tục rút gọn: Bổ sung quy định tại Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐTP nhằm hướng dẫn thế nào là “tình tiết mới” làm cho vụ án không còn đủ điều kiện để áp dụng thủ tục rút gọn trong trường hợp giải quyết tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng, nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm, tranh chấp về quyền xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu nhằm ngăn chặn những tình huống bên có nghĩa vụ trả nợ/chủ tài sản/bên bảo đảm không hợp tác, chống đối dẫn đến tình trạng cố tạo ra các tình tiết mới.  Ví dụ, trong vụ án phát sinh yêu cầu phản tố của bị đơn, tuy nhiên yêu cầu phản tố đó vẫn thỏa mãn các tiêu chí để áp dụng thủ tục rút gọn vậy thì có áp dụng không? | **Không tiếp thu**  Qua hơn 05 năm triển khai Nghị quyết số 42/2017/QH14, quy định này không hiệu quả trên thực tế, chưa có vụ việc nào được xét xử theo thủ tục rút gọn. Theo ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao[[4]](#footnote-4), tranh chấp về nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu là tranh chấp liên quan đến hợp đồng tài chính – tín dụng – một trong những lĩnh vực tranh chấp phức tạp, các bên đương sự thường không hợp tác, các tranh chấp thường có số lượng lớn người cùng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vì vậy Tòa án thường phải mất nhiều thời gian để xác minh, xem xét, thẩm định… Do vậy, khi giải quyết các tranh chấp, Tòa án vẫn phải tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng thông thường trong khoảng thời gian ngắn là gây áp lực về mặt thời gian, không bảo đảm hiệu quả và khó thực thi trong thực tiễn. Do đó, Ngân hàng Nhà nước không đề xuất luật hóa quy định này. |
|  | **Quy định về bán nợ xấu có tài sản bảo đảm đang bị kê biên** | Techcombank | Kính đề nghị Ban soạn thảo bổ sung quy định về việc TCTD được quyền bán nợ xấu có TSĐB đang bị kê biên cho tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu, các tổ chức, cá nhân khác. Đối với việc bán nợ có TSBĐ đang bị kê biên (hoặc đang ở giai đoạn THA) cho cá nhân thì được thực hiện, áp dụng theo Thông tư 09/2015/TT-NHNN hay không; hay theo quy định tại Điều 90 dự thảo này, nợ xấu có TSBĐ đang bị kê biên chỉ được bán cho tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu, doanh nghiệp có chức năng kinh doanh mua, bán nợ | Qua hơn 05 năm triển khai Nghị quyết 42/2017/QH14, các TCTD có ý kiến, việc bán khoản nợ xấu mà khoản nợ xấu đó có tài sản đang bị kê biên là quyền của TCTD, quy định pháp luật không hạn chế việc bán khoản nợ xấu này cho tổ chức, cá nhân khác. Do đó, Ngân hàng Nhà nước không đề xuất luật hóa quy định này. |
|  | **Chuyển nhượng tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu** | Vietcombank | Sửa Khoản 1 theo hướng: “1. Cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản có trách nhiệm thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản cho bên mua, bên nhận chuyển nhượng tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu, không phụ thuộc vào việc bên bảo đảm đã nộp các loại thuế, phí,…liên quan đến việc mua bán, chuyển nhượng TSBĐ hay chưa.” | **Tiếp thu**  NHNN đã điều chỉnh nội dung này cho phù hợp và đảm bảo quyền, lợi ích của TCTD |
| Techcombank | Kính đề nghị Ban soạn thảo xem xét hướng dẫn rõ nội dung này để việc áp dụng quy định được thống nhất.  Theo quy định trên, việc nộp thuế của bên bảo đảm, bên nhận chuyển nhượng liên quan đến chuyển nhượng TSBĐ thực hiện theo quy định pháp luật về thuế. Tuy nhiên, hiện các cơ quan thuế đang căn cứ quy định này để yêu cầu Bên nhận bảo đảm phải đóng các khoản thuế liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản bảo đảm. |  |
|  | **Quy định về xử lý tài sản bảo đảm là dự án bất động sản** | VAMC | **Đề nghị kế thừa quy định về Chuyển nhượng dự án bất động sản tại Điều 10 Nghị quyết 42**  Thực tế, ít có nhà đầu tư, bên nhận chuyển nhượng dự án đáp ứng quy định của pháp luật kinh doanh bất động sản, đầu tư, xây dựng. Sau khi TCTD đưa TSBĐ ra bán đấu giá công khai và được xác định được người trúng đấu giá, nhưng lại không thực hiện thủ tục đăng kí cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho người nhận chuyển nhượng do chưa đáp ứng được điều kiện về đầu tư hoặc kinh doanh bất động sản.  **Lý do đề xuất kế thừa quy định này:**  Điều 49.1 Luật kinh doanh bất động sản quy định: *“1. Dự án bất động sản được chuyển nhượng phải có các điều kiện sau đây:*  *a) Dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, đã có quy hoạch chi tiết 1/500 hoặc quy hoạch tổng mặt bằng được phê duyệt;*  *b) Dự án, phần dự án chuyển nhượng đã hoàn thành xong việc bồi thường, giải phóng mặt bằng. Đối với trường hợp chuyển nhượng toàn bộ dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thì phải xây dựng xong các công trình hạ tầng kỹ thuật tương ứng theo tiến độ ghi trong dự án đã được phê duyệt;*  *c) Dự án không có tranh chấp về quyền sử dụng đất, không bị kê biên để bảo đảm thi hành án hoặc để chấp hành quyết định hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;*  *d) Không có quyết định thu hồi dự án, thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;trường hợp có vi phạm trong quá trình triển khai dự án thì chủ*  *đầu tư phải chấp hành xong quyết định xử phạt.*  Quy định tại Điều 10 Nghị quyết 42 không bắt buộc bên chuyển nhượng dự án bất động sản phải đáp ứng các điều kiện như: (1) Dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, đã có quy hoạch chi tiết 1/500 hoặc quy hoạch tổng mặt bằng được phê duyệt và (2) Dự án, phần dự án chuyển nhượng đã hoàn thành xong việc bồi thường, giải phóng mặt bằng. Đối với trường hợp chuyển nhượng toàn bộ dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thì phải xây dựng xong các công trình hạ tầng kỹ thuật tương ứng theo tiến độ ghi trong dự án đã được phê duyệt theo quy định tại Điều 49.1 Luật Kinh doanh bất động sản. Như vậy, để TCTD/VAMC có cơ sở pháp lý xử lý được tài sản bảo đảm là dự án bất động sản qua đó góp phần tăng cường hiệu quả công tác xử lý nợ  xấu, cần tiếp tục kế thừa quy định tại Điều 10 Nghị quyết 42 về chuyển nhượng dự án bất động sản. | **Không tiếp thu**  Quy hơn 05 năm triển khai, quy định tại Nghị quyết 42/2017/QH14 về việc bên nhận chuyển nhượng dự án phải đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản khiến quy định này không có giá trị nhiều trên thực tế. Có dự án bán từ năm 2010 nhưng không sang tên được do các Sở ban ngành không thống nhất được điều kiện của bên nhận chuyển nhượng. Trên thực tế có những trường hợp người có khả năng tài chính để nhận chuyển nhượng thì lại không đáp ứng điều kiện của pháp luật về kinh doanh bất động sản. Do đó, Ngân hàng Nhà nước không đề xuất luật hóa quy định này.  Đồng thời, để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến nội dung này, NHNN đã có Báo cáo tổng kết gửi Bộ Xây dựng đề nghị luật hóa trong quá trình sửa đổi Luật Kinh doanh Bất động sản, Công văn gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường về góp ý dự thảo Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và gửi ý kiến Thành viên Chính phủ đề xuất sửa đổi quy định đối với các dự án bất động sản là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo hướng như quy định tại Nghị quyết 42[[5]](#footnote-5). |
|  | **Miễn trừ trách nhiệm cho người tham gia xử lý TCTD yếu kém** | CB | Việc khuôn khổ pháp lý xử lý tổ chức tín dụng yếu kém chưa hoàn thiện đã gây khó khăn và rủi ro pháp lý cho NHNN nói chung cũng như cán bộ xử lý trực tiếp nói riêng. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý cán bộ cũng như công tác chỉ đạo của NHNN do pháp luật không có cơ chế miễn trừ trách nhiệm cho các cán bộ này trước các rủi ro pháp lý. Qua đó, tác động lớn đến nguồn nhân lực xử lý tổ chức tín dụng yếu kém, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả xử lý tổ chức tín dụng yếu kém.  Do đó, Bổ sung quy định về miễn trách nhiệm pháp lý (hình sự, hành chính) đối với các cá nhân được cử tham gia xử lý TCTD yếu kém. Cụ thể: các cá nhân được cử tham gia xử lý TCTD yếu kém không chịu trách nhiệm đối với sai phạm, hậu quả đã xảy ra trước đây; được miễn trách nhiệm pháp lý khi thực hiện đúng công việc được giao trong quá trình tham gia xử lý TCTD yếu kém. | Tại NQ 03 của Chính phủ đã kết luận không đồng ý bổ sung nội dung về miễn trách nhiệm cho người tham gia xử lý TCTD yếu kém |
|  | **Quy định về cho vay đặc biệt tại Luật Các TCTD** | CB | Hiện trong Dự thảo đã bổ sung thêm quy định về Thẩm quyền quyết định cho vay đặc biệt. Tuy nhiên, trong dự thảo lại chưa có quy định cụ thể về đối với các TCTD phải đáp ứng những điều kiện gì để được vay đặc biệt không cần tài sản đảm bảo hay vay có tài sản đảm bảo. Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm quy định cụ thể trong dự thảo luật có văn bản hướng dẫn chi tiết về mục này. | Tiếp thu, nội dung này dự kiến sẽ được quy định chi tiết tại các văn bản dưới Luật |
|  | **Về khái niệm người quản lý** | CB | Tại khoản 7 Điều 3 Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp quy định *“7. Người quản lý doanh nghiệp bao gồm Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.”*  Tuy nhiên, tại khoản 31, Điều 31 Luật Các TCTD quy định: *“31. Người quản lý tổ chức tín dụng bao gồm Chủ tịch, thành viên Hội đồng Quản trị; Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên; Tổng Giám đốc (Giám đốc) và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng.”*  Từ đó có thể thấy khái niệm “người quản lý” ở hai luật đang bị khác nhau, không thống nhất gây khó khăn trong việc xác định các quyền và nghĩa vụ, cũng như cơ cấu hoạt động của doanh nghiệp.  Đề nghị đơn vị soạn thảo sửa đổi, bổ sung hoặc có văn bản hướng dẫn cụ thể về vấn đề này. | Tại Điều 3 dự thảo Luật đã quy định nguyên tắc ưu tiên áp dụng Luật, do đó không có sự mâu thuẫn khi áp dụng |
|  | **Thẩm quyền quyết định tiền lương, thưởng của người quản lý doanh nghiệp.** | CB | Hiện nay đang có sự mâu thuẫn về thẩm quyền quyết định tiền lương, thưởng đối với người quản lý doanh nghiệp cụ thể:  Tại khoản 2, Điều 33 Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư và sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp quy định: *“2. Tiền thưởng của người quản lý doanh nghiệp do cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trên cơ sở hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, xếp loại doanh nghiệp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người quản lý doanh nghiệp và được trích từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp.”*  Đối với Luật doanh nghiệp 2020 thẩm quyền quyết định lương, thưởng đối với người quản lý có thể là HĐQT, HĐTV đối với từng loại hình.  Như vậy, thẩm quyền trong việc quyết định lương, thưởng của người quản lý đang bị mâu thuẫn giữa hai luật, gây khó khăn trong việc áp dụng đối với các doanh nghiệp. Đề nghị đơn vị soạn thảo có quy định cụ thể trong Dự thảo hoặc có văn bản hướng dẫn trực tiếp đối với vấn đề này. |  |

1. **Điều 335 Bộ luật Dân sự 2015**: “*1. Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. 2. Các bên có thể thỏa thuận về việc bên bảo lãnh chỉ phải thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh trong trường hợp bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh*”. [↑](#footnote-ref-1)
2. [Dự thảo Nghị định quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Du-thao-Nghi-dinh-quy-dinh-ve-bao-ve-du-lieu-ca-nhan-465185.aspx)  [↑](#footnote-ref-2)
3. Ngoài chức năng cung ứng dịch vụ tài chính ngân hàng như các ngân hàng thương mại khác, MB là ngân hàng TMCP được Thủ tướng Chính phủ, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ phục vụ quốc phòng, an ninh. [↑](#footnote-ref-3)
4. Công văn số 200/TANDTC-PC ngày 13/12/2022 góp ý đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD [↑](#footnote-ref-4)
5. Báo cáo 213/BC-NHNN ngày 01/7/2022; Công văn 5399/NHNN-PC ngày 04/8/2022; Công văn 740/NHNN-PC ngày 12/02/2023. [↑](#footnote-ref-5)